Giáo trình Tôn giáo học

By:
Ha Le

Giáo trình Tôn giáo học

By:
Ha Le

Online:
< http://cnx.org/content/col10830/1.1/ >

C O N N E X I O N S

Rice University, Houston, Texas

This selection and arrangement of content as a collection is copyrighted by Ha Le. It is licensed under the Creative Commons Attribution 3.0 license (http://creativecommons.org/licenses/by/3.0/).
Collection structure revised: July 30, 2009
PDF generated: March 20, 2010
For copyright and attribution information for the modules contained in this collection, see p. 77.

Table of Contents

1 Nhập môn Tôn giáo học

1.1 Khái niệm Tôn giáo 1
1.2 Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của Tôn giáo học 7
1.3 Câu hỏi trắc nghiệm phần Nhập môn Tôn giáo học 8
Solutions 12

2 Chức năng của Tôn giáo - Tình hình diễn biến và xu thế đời sống Tôn giáo trên thế giới

2.1 Chức năng của tôn giáo 13
2.2 Tình hình diễn biến và xu thế của đời sống tôn giáo thế giới hiện nay 14
2.3 Câu hỏi trắc nghiệm phần Chức năng của Tôn giáo - tình hình diễn biến và xu thế của đời sống tôn giáo trên thế giới 16
Solutions 18

3 Những yếu tố cấu thành một Tôn giáo

3.1 Tín ngưỡng hay niềm tin tôn giáo 19
3.2 Nội dung tôn giáo 20
3.3 Các hành vi tôn giáo (nghi lễ) 21
3.4 Tổ chức tôn giáo 22
3.5 Câu hỏi trắc nghiệm về "Những yếu tố cấu thành một Tôn giáo" 23
Solutions 25

4 Phật giáo

4.1 Những vấn đề cơ bản về Phật giáo 27
4.2 Phật giáo ở Việt Nam 30
4.3 Câu hỏi trắc nghiệm về "Phật giáo" 31
Solutions 33

5 Công giáo

5.1 Những vấn đề cơ bản về Công giáo 35
5.2 Công giáo ở Việt Nam 38
5.3 Câu hỏi trắc nghiệm về "Công giáo" 38
Solutions 41

6 Đạo Tin lành

6.1 Khái quát về đạo Tin lành 43
6.2 Đạo tin lành ở Việt Nam 44
6.3 Câu hỏi trắc nghiệm phần Đạo Tin lành 45
Solutions 47

7 Hồi giáo

7.1 Những vấn đề cơ bản về Hồi giáo 49
7.2 Hồi giáo ở Việt Nam 51
7.3 Câu hỏi trắc nghiệm phần Đạo hồi 52
Solutions 55

8 Đạo Cao đài và Phật giáo Hoà hảo

8.1 Đạo Cao Đài 57
8.2 Phật giáo Hòa Hảo (đạo Hòa Hảo) 59
8.3 Câu hỏi trắc nghiệm phần Đạo Cao đài và Phật giáo Hoà hảo 61
Solutions 64

9 Chính sách Tôn giáo của Đảng và nhà nước ta

9.1 Quan điểm của chủ nghĩa Mac-Lênin - Tư tưởng Hồ Chí Minh về giải quyết vấn đề Tôn giáo 65
9.2 Quan điểm chỉ đạo, nguyên tắc và chính sách của Đảng và Nhà nước đối với Tôn giáo 67
9.3 Nhiệm vụ của công tác tôn giáo và những chính sách cụ thể đối với tôn giáo hiện nay 68
9.4 Câu hỏi trắc nghiệm phần Chính sách Tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta 71
Solutions 73

10 Tài liệu Tham khảo 75
Index 76
Attributions 77

Chương 1

Nhập môn Tôn giáo học

1.1 Khái niệm Tôn giáo[1]

1.1.1 Lịch sử hình thành thuật ngữ "Tôn giáo"

- "Tôn giáo" là một thuật ngữ không thuần Việt, được du nhập từ nước ngoài vào từ cuối thế kỷ XIX. Xét về nội dung, thuật ngữ Tôn giáo khó có thể hàm chứa được tất cả nội dung đầy đủ của nó từ cổ đến kim, từ Đông sang Tây.

- Thuật ngữ "Tôn giáo" vốn có nguồn gốc từ phương Tây và bản thân nó cũng có một quá trình biến đổi nội dung và khi khái niệm này trở thành phổ quát trên toàn thế giới thì lại vấp phải những khái niệm truyền thống không tương ứng của những cư dân thuộc các nền văn minh khác, vì vậy trên thực tế đã xuất hiện rất nhiều quan niệm, định nghĩa khác nhau về tôn giáo của nhiều dân tộc và nhiều tác giả trên thế giới.

- "Tôn giáo" bắt nguồn từ thuật ngữ "religion" (Tiếng Anh) và"religion" lại xuất phát từ thuật ngữ "legere" (Tiếng Latinh) có nghĩa là thu lượm thêm sức mạnh siêu nhiên. Vào đầu công nguyên, sau khi đạo Kitô xuất hiện, đế chế Roma yêu cầu phải có một tôn giáo chung và muốn xóa bỏ các tôn giáo trước đó cho nên lúc này khái niệm "religion" chỉ mới là riêng của đạo Kitô. Bởi lẽ, đương thời những đạo khác Kitô đều bị coi là tà đạo. Đến thế kỷ XVI, với sự ra đời của đạo Tin Lành - tách ra từ Công giáo – trên diễn đàn khoa học và thần học châu Âu, "religion" mới trở thành một thuật ngữ chỉ hai tôn giáo thờ cùng một chúa. Với sự bành trướng của chủ nghĩa tư bản ra khỏi phạm vi châu Âu, với sự tiếp xúc với các tôn giáo thuộc các nền văn minh khác Kitô giáo, biểu hiện rất đa dạng, thuật ngữ "religion" được dùng nhằm chỉ các hình thức tôn giáo khác nhau trên thế giới.

- Thuật ngữ "religion" được dịch thành "Tông giáo" đầu tiên xuất hiện ở Nhật Bản vào đầu thế kỷ XVIII vào sau đó du nhập vào Trung Hoa. Tuy nhiên, ở Trung Hoa, vào thế kỷ XIII, thuật ngữ Tông giáo lại bao hàm một ý nghĩa hoàn toàn khác: nó nhằm chỉ đạo Phật (Giáo: đó là lời thuyết giảng của Đức Phật, Tông: lời của các đệ tử Đức Phật).

- Thuật ngữ Tông giáo được du nhập vào Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX và được đăng trên các báo, nhưng do kỵ húy của vua Thiệu Trị nên được gọi là "Tôn giáo".

Như vậy, thuật ngữ tôn giáo ban đầu được sử dụng ở châu Âu nhằm chỉ một tôn giáo sau đó thuật ngữ này lại làm nhiệm vụ chỉ những tôn giáo.

1.1.2 Một số thuật ngữ tương đồng với tôn giáo

Tôn giáo là một từ phương Tây. Trước khi du nhập vào Việt Nam, tại Việt Nam cũng có những từ tương đồng với nó. Đó là:

- Đạo: từ này xuất xứ từ Trung Hoa, tuy nhiên "đạo" không hẳn đồng nghĩa với tôn giáo vì bản thân từ đạo cũng có thể có ý nghĩa phi tôn giáo. "Đạo" có thể hiểu là con đường, học thuyết. Mặt khác, "đạo" cũng

[1]This content is available online at <http://cnx.org/content/m27718/1.1/>.

có thể hiểu là cách ứng xử làm người: đạo vợ chồng, đạo cha con, đạo thầy trò... Vì vậy khi sử dụng từ "đạo" với ý nghĩa tôn giáo thường phải đặt tên tôn giáo đó sau "đạo". Ví dụ: đạo Phật, đạo Kitô...

- Giáo: từ này có ý nghĩa tôn giáo khi nó đứng sau tên một tôn giáo cụ thể. Chẳng hạn: Phật giáo, Nho giáo, Kitô giáo... "Giáo" ở đây là giáo hóa, dạy bảo theo đạo lý của tôn giáo. Tuy nhiên "giáo" ở đây cũng có thể được hiểu với nghia phi tôn giáo là lời dạy của thầy dạy học. Cần chú ý rằng người ta không sử dụng từ "giáo" đối với tôn giáo mới phát sinh như Cao đài, Hòa Hảo...

- Thờ: đây có lẽ là từ thuần Việt cổ nhất. Thờ có ý bao hàm một hành động biểu thị sự sùng kính một đấng siêu linh: thần thánh, tổ tiên... đồng thời có ý nghĩa như cách ứng xử với bề trên cho phải đạo như thờ vua, thờ cha mẹ, thờ thầy hay một người nào đó mà mình mang ơn... Thờ thường đi đôi với cúng, cúng cũng có nhiều nghĩa: vừa mang tính tôn giáo, vừa mang tính thế tục. Cúng theo ý nghĩa tôn giáo có thể hiểu là tế, là tiến dâng, là cung phụng, là vật hiến tế... Ở Việt Nam, cúng có nghĩa là dâng lễ vật cho các đấng siêu linh, cho người đã khuất nhưng cúng với ý nghĩa trần tục cũng có nghĩa là đóng góp cho việc công ích, việc từ thiện... Tuy nhiên, từ ghép "thờ cúng" chỉ dành riêng cho các hành vi và nội dung tôn giáo. Đối với người Việt, tôn giáo theo thuật ngữ thuần Việt là thờ hay thờ cúng hoặc theo các từ gốc Hán đã trở thành phổ biến là đạo, là giáo. Còn thuật ngữ tôn giáo trong sinh hoạt đời thường ít dùng.

1.1.3 Khái niệm tôn giáo

1.1.3.1 Một số khái niệm tôn giáo

Khái niệm tôn giáo là một vấn đề được giới nghiên cứu về tôn giáo bàn cãi rất nhiêu. Trong lịch sử đã từng tồn tại rất nhiều quan niệm khác nhau về tôn giáo:

- Các nhà thần học cho rằng "Tôn giáo là mối liên hệ giữa thần thánh và con người".

- Khái niệm mang dấu hiệu đặc trưng của tôn giáo: "Tôn giáo là niềm tin vào cái siêu nhiên".

- Một số nhà tâm lý học lại cho rằng "Tôn giáo là sự sáng tạo của mỗi cá nhân trong nỗi cô đơn của mình, tôn giáo là sự cô đơn, nếu anh chưa từng cô đơn thì anh chưa bao giờ có tôn giáo".

- Khái niệm mang khía cạnh bản chất xã hội của tôn giáo của C.Mác: "Tôn giáo là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức, là trái tim của thế giới không có trái tim, nó là tinh thần của trật tự không có tinh thần".

- Khái niệm mang khía cạnh nguồn gốc của tôn giáo của Ph.Ăngghen: "Tôn giáo là sự phản ánh hoang đường vào trong đầu óc con người những lực lượng bên ngoài, cái mà thống trị họ trong đời sống hàng ngày ..."

1.1.3.2 Tôn giáo là gì?

Để có khái niệm đầy đủ về tôn giáo cần phải chú ý:

- Khi nói đến tôn giáo, dù theo ý nghĩa hay cách biểu hiện nào thì luôn luôn phải đề cập đến vấn đề hai thế giới: thế giới hiện hữu và thế giới phi hiện hữu, thế giới của người sống và thế giới sau khi chết, thế giới của những vật thể hữu hình và vô hình.

- Tôn giáo không chỉ là những sự bất lực của con người trong cuộc đấu tranh với tự nhiên và xã hội, do thiếu hiểu biết dẫn đến sợ hãi và tự đánh mất mình do đó phải dựa vào thánh thần mà còn hướng con người đến một hy vọng tuyệt đối, một cuộc đời thánh thiện, mang tính "Hoàng kim nguyên thủy", một cuộc đời mà quá khứ, hiện tại, tương lai cùng chung sống. Nó gieo niềm hi vọng vào con người, dù có phần ảo tưởng để mà yên tâm, tin tưởng để sống và phải sống trong một thế giới trần gian có nhiều bất công và khổ ải.

Như vậy: Tôn giáo là niềm tin vào các lực lượng siêu nhiên, vô hình, mang tính thiêng liêng, được chấp nhận một cách trực giác và tác động qua lại một cách hư ảo, nhằm lý giải những vấn đề trên trần thế cũng như ở thế giới bên kia. Niềm tin đó được biểu hiện rất đa dạng, tuỳ thuộc vào những thời kỳ lịch sử, hoàn cảnh địa lý - văn hóa khác nhau, phụ thuộc vào nội dung từng tôn giáo, được vận hành bằng những nghi lễ, những hành vi tôn giáo khác nhau của từng cộng đồng xã hội tôn giáo khác nhau.

1.1.4 Bản chất, nguồn gốc của tôn giáo

1.1.4.1 Bản chất của tôn giáo

- Tôn giáo xuất hiện từ rất lâu và con người mặc nhiên chấp nhận nó. Việc đặt ra câu hỏi: "Tôn giáo là gì" mới chỉ được giới khoa học đặt ra trong thời gian gần đây, khi mà vấn đề tôn giáo trở thành bức xúc và phức tạp. Khi câu hỏi này được đặt ra cũng là lúc mà tôn giáo trở thành đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học riêng biệt. Đối tượng nghiên cứu của tôn giáo xuất phát từ châu Âu khá sớm nhưng bộ môn khoa học về tôn giáo chỉ ra đời vào cuối thế kỷ XIX.

- Tôn giáo là một sản phẩm của lịch sử. Trong các tác phẩm của mình C. Mác đã khẳng định: "Con người sáng tạo ra tôn giáo chứ tôn giáo không sáng tạo ra con người". Tôn giáo là một thực thể khách quan của loài người nhưng lại là một thực thể có nhiều quan niệm phức tạp về cả nội dung cũng như hình thức biểu hiện. Về mặt nội dung, nội dung cơ bản của tôn giáo là niềm tin (hay tín ngưỡng) tác động lên các cá nhân, các cộng đồng. Tôn giáo thường đưa ra các giá trị có tính tuyệt đối làm mục đích cho con người vươn tới cuộc sống tốt đẹp và nội dung ấy được thể hiện bằng những nghi thức, những sự kiêng kỵ...

- Rất khó có thể đưa ra được một định nghĩa về tôn giáo có thể bao hàm mọi quan niệm của con người về tôn giáo nhưng có thể thấy rõ rằng khi nói đến tôn giáo là nói đến mối quan hệ giữa hai thế giới thực và hư, của hai tính thiêng và tục và giữa chúng không có sự tách bạch.

Trong tác phẩm "Chống Đuyrinh", Ph. Ăng nghen đã có một nhận xét làm cho chúng ta thấy rõ bản chất của tôn giáo như sau: "Tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo – vào trong đầu óc của con người – của những lực lượng bên ngoài chi phối cuộc sống của họ, chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng trần thế đã mang hình thức những lực lượng siêu trần thế.".

1.1.4.2 Nguồn gốc của tôn giáo

Vấn đề nguồn gốc của tôn giáo là một trong những vấn đề quan trọng nhất của tôn giáo học mácxít. Nhờ vạch ra được nguyên nhân xuất hiện và tồn tại của hiện tượng nào đó mà sự giải thích nó mới mang tính khoa học. Đối với hiện tượng tôn giáo cũng vậy.

V. I. Lênin đã gọi toàn bộ những nguyên nhân và điều kiện tất yếu làm nảy sinh niềm tin tôn giáo là những nguồn gốc của tôn giáo. Nguồn gốc đó bao gồm:

1.1.4.2.1 a. Nguồn gốc xã hội của tôn giáo

Nguồn gốc xã hội của tôn giáo là toàn bộ những nguyên nhân và điều kiện khách quan của đời sống xã hội tất yếu làm nảy sinh và tái hiện những niềm tin tôn giáo. Trong đó một số nguyên nhân và điều kiện gắn với mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, một số khác gắn với mối quan hệ giữa con người với con người

- Mối quan hệ giữa con người với tự nhiên

Tôn giáo học mácxít cho rằng sự bất lực của con người trong cuộc đấu tranh với tự nhiên là một nguồn gốc xã hội của tôn giáo. Như chúng ta đã biết, mối quan hệ của con người với tự nhiên thực hiện thông qua những phương tiện và công cụ lao động mà con người có. Những công cụ và phương tiện càng kém phát triển bao nhiêu thì con người càng yếu đuối trước giới tự nhiên bấy nhiêu và những lực lượng tự nhiên càng thống trị con người mạnh bấy nhiêu. Sự bất lực của con người nguyên thủy trong cuộc đấu tranh với giới tự nhiên là do sự hạn chế, sự yếu kém của các phương tiện tác động thực tế của họ vào thế giới xung quanh. Khi không đủ phương tiện, công cụ để đảm bảo kết quả, mong muốn trong lao động, người nguyên thủy đã tìm đến phương tiện tưởng tượng hư ảo, nghĩa là tìm đến tôn giáo. F. Ăngghen nhấn mạnh rằng tôn giáo trong xã hội nguyên thủy xuất hiện do kết quả phát triển thấp của trình độ lực lượng sản xuất. Trình độ thấp của sự phát triển sản xuất đã làm cho con người không có khả năng nắm được một cách thực tiễn các lực lượng tự nhiên. Thế giới bao quanh người nguyên thủy đã trở thành cái thù địch, bí hiểm, hùng hậu đối với họ. Chúng ta cần thấy rằng, sự thống trị của tự nhiên đối với con người không phải được quyết định bởi những thuộc tính và quy luật của giới tự nhiên, mà quyết định bởi mối tính chất mối quan hệ của con người với tự nhiên, nghĩa là bởi sự phát triển kém của lực lượng sản xuất xã hội, mà trước hết là công cụ lao động.

Như vậy, không phải bản thân giới tự nhiên sinh ra tôn giáo, mà là mối quan hệ đặc thù của con người với giới tự nhiên, do trình độ sản xuất quyết định. Đây là một nguồn gốc xã hội của tôn giáo.

Nhờ hoàn thiện những phương tiện lao động và toàn bộ hệ thống sản xuất vật chất mà con người ngày càng nắm được lực lượng tự nhiên nhiều hơn, càng ít phụ thuộc một cách mù quáng vào nó, do đó dần dần khắc phục được một trong những nguồn gốc quan trọng của tôn giáo.

- Mối quan hệ giữa người và người

Nguồn gốc xã hội của tôn giáo còn bao gồm cả phạm vi các mối quan hệ giữa con người với nhau, nghĩa là bao gồm các mối quan hệ xã hội, trong đó có hai yếu tố giữ vai trò quyết định là tính tự phát của sự phát triển xã hội và ách áp bức giai cấp cùng chế độ người bóc lột người.

Trong tất cả các hình thái kinh tế - xã hội trước hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, những mối quan hệ xã hội đã phát triển một cách tự phát. Những quy luật phát triển của xã hội biểu hiện như là những lực lượng mù quáng, trói buộc con người và ảnh hưởng quyết định đến số phận của họ. Những lực lượng đó trong ý thức con người được thần thánh hoá và mang hình thức của những lực lượng siêu nhiên. Đây là một trong những nguồn gốc xã hội chủ yếu của tôn giáo.

Trong các xã hội có đối kháng giai cấp, sự áp bức giai cấp, chế độ bóc lột là một nhân tố quan trọng làm nảy sinh tôn giáo.

Người nô lệ, người nông nô, người vô sản mất tự do không phải chỉ là sự tác động của lực lượng xã hội mù quáng mà họ không thể kiểm soát được, mà còn bị bần cùng cả về mặt kinh tế, bị áp bức cả về mặt chính trị, bị tước đoạt những phương tiện và khả năng phát triển tinh thần. Quần chúng không thể tìm ra lối thoát hiện thực khỏi sự kìm kẹp và áp bức trên trái đất, nhưng họ đã tìm ra lối thoát đó ở trên trời, ở thế giới bên kia.

1.1.4.2.2 b. Nguồn gốc nhận thức của tôn giáo

Để giải thích nguồn gốc nhận thức của tôn giáo cần phải làm rõ lịch sử nhận thức và các đặc điểm của quá trình nhận thức dẫn đến việc hình thành quan niệm tôn giáo.

Trước hết, lịch sử nhận thức của con người là một quá trình từ thấp đến cao, trong đó giai đoạn thấp là giai đoạn nhận thức tự nhiên cảm tính. Ở giai đoạn nhận thức này (nhất là đối với cảm giác và tri giác), con người chưa thể sáng tạo ra tôn giáo, bởi vì tôn giáo với tư cách là ý thức, là niềm tin bao giờ cũng gắn với cái siêu nhiên, thần thánh, mà nhận thức trực quan cảm tính thì chưa thể tạo ra cái siêu nhiên thần thánh được. Như vậy, tôn giáo chỉ có thể ra đời khi con người đã đạt tới một trình độ nhận thức nhất định. Thần thánh, cái siêu nhiên, thế giới bên kia... là sản phẩm của những biểu tượng, sự trừu tượng hoá, sự khái quát dưới dạng hư ảo. Nói như vậy có nghĩa là tôn giáo chỉ có thể ra đời ở một trình độ nhận thức nhất định, đồng thời nó phải gắn với sự tự ý thức của con người về bản thân mình trong mối quan hệ với thế giới bên ngoài. Khi chưa biết tự ý thức, con người cũng chưa nhận thức được sự bất lực của mình trước sức mạnh của thế giới bên ngoài, do đó con người chưa có nhu cầu sáng tạo ra tôn giáo để bù đắp cho sự bất lực ấy.

Nguồn gốc nhận thức của tôn giáo gắn liền với đặc điểm của của quá trình nhận thức. Đó là một quá trình phức tạp và mâu thuẫn, nó là sự thống nhất một cách biện chứng giữa nội dung khách quan và hình thức chủ quan. Những hình thức phản ánh thế giới hiện thực càng đa dạng, phong phú bao nhiêu thì con người càng có khả năng nhận thức thế giới xung quanh sâu sắc và đầy đủ bấy nhiêu. Nhưng mỗi một hình thức mới của sự phản ánh không những tạo ra những khả năng mới để nhận thức thế giới sâu sắc hơn mà còn tạo ra khả năng "xa rời" hiện thực, phản ánh sai lầm nó. Thực chất nguồn gốc nhận thức của tôn giáo cũng như của mọi ý thức sai lầm chính là sự tuyệt đối hoá, sự cường điệu mặt chủ thể của nhận thức con người, biến nó thành cái không còn nội dung khách quan, không còn cơ sở "thế gian", nghĩa là cái siêu nhiên thần thánh.

1.1.4.2.3 c. Nguồn gốc tâm lý của tôn giáo

Ngay từ thời cổ đại, các nhà duy vật đã nghiên cứu đến ảnh hưởng của yếu tố tâm lý (tâm trạng, xúc cảm) đến sự ra đời của tôn giáo. Họ đã đưa ra luận điểm" "Sự sợ hãi sinh ra thần thánh".

Các nhà duy vật cận đại đã phát triển tư tưởng của các nhà duy vật cổ đại - đặc biệt là L.Phơbách – và cho rằng nguồn gốc đó không chỉ bao gồm những tình cảm tiêu cực (sự lệ thuộc, sợ hãi, không thoả mãn, đau khổ, cô đơn...) mà cả những tình cảm tích cực (niềm vui, sự thoả mãn, tình yêu, sự kính trọng...), không

chỉ tình cảm, mà cả những điều mong muốn, ước vọng, nhu cầu khắc phục những tình cảm tiêu cực, muốn được đền bù hư ảo.

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lênin đã giải quyết vấn đề nguồn gốc tâm lý của tôn giáo khác về nguyên tắc so với các nhà duy vật trước đó. Nếu như các nhà duy vật trước Mác gắn nguyên nhân xuất hiện tôn giáo với sự sợ hãi trước lực lượng tự nhiên thì chủ nghĩa Mác lần đầu tiên vạch được nguồn gốc xã hội của sự sợ hãi đó.

1.1.5 Lịch sử hình thành tôn giáo và một số hình thức tôn giáo trong lịch sử

1.1.5.1 Lịch sử hình thành tôn giáo

Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội. Đặc điểm quan trọng trong ý thức tôn giáo là một mặt nó phản ánh tồn tại xã hội. Mặt khác, nó lại có xu hướng phản kháng lại xã hội đã sản sinh ra và nuôi dưỡng nó. Vì vậy, từ khi ra đời đến nay, cùng với sự biến đổi của lịch sử, tôn giáo cũng biến đổi theo.

- Với những thành tựu to lớn của ngành khảo cổ học, người ta đã chứng minh được sự tồn tại của con người cách đây hàng triệu năm (từ 4 – 6 triệu năm). Tuy nhiên, với những hiện vật thu được người ta khẳng định: có đến hàng triệu năm con người không hề biết đến tôn giáo. Bởi vì tôn giáo đòi hỏi tương ứng với nó là một trình độ nhận thức cao, nó là sản phẩm của tư duy trừu tượng trong một đời sống xã hội ổn định.

- Hầu hết trong giới khoa học đều thống nhất rằng chỉ khi con người hiện đại – người khôn ngoan (Homo Sapiens) – hình thành và tổ chức thành xã hội, tôn giáo mới xuất hiện. Thời kỳ này cách đây khoảng 95.000 – 35.000 năm. Tuy nhiên trong thời kỳ đầu mới chỉ là các tín hiệu đầu tiên. Đa số các nhà khoa học đều khẳng định tôn giáo ra đời khoảng 45.000 năm trước đây với những hình thức tôn giáo sơ khai như đạo Vật tổ (Tôtem), Ma thuật và Tang lễ... đây là thời kỳ tương ứng với thời kỳ đồ đá cũ.

- Bước sang thời kỳ đồ đá giữa, con người chuyển dần từ săn bắt, hái lượm sang trồng trọt và chăn nuôi, các hình thức tôn giáo dân tộc ra đời với sự thiêng liêng hóa các nguồn lợi của con người trong sản xuất và cuộc sống: thần Lúa, thần Khoai, thần Sông... hoặc tôn thờ các biểu tượng của sự sinh sôi (thờ giống cái, hình ảnh phụ nữ, phồn thực...), đó là các vị thần của các thị tộc Mẫu hệ. Khi đồ sắt xuất hiện, các quốc gia dân tộc ra đời nhằm mục đích phục vụ cho sự củng cố và phát triển của dân tộc. Tất cả các vị thần ấy còn tồn tại chừng nào dân tộc tạo ra vị thần ấy còn tồn tại và khi dân tộc tiêu vong, các vị thần ấy không còn nữa.

- Trong thời kỳ văn minh nông nghiệp, nhiều đế chế ra đời và thâu tóm vào mình nhiều quốc gia. Do nhu cầu một tôn giáo của đế chế, những tôn giáo như Phật, Nho, Kitô, Hồi... đã xuất hiện từ trước trở thành tôn giáo của đế chế và được chấp nhận như một tôn giáo chính thống. Theo thời gian, do nội dung của các tôn giáo manh tính phổ quát, không gắn chặt với một quốc gia cụ thể, với các vị thần cụ thể, với nghi thức cụ thể của một cộng đồng tộc người, dân tộc hay địa phương nhất định nên sự bành trướng của nó diễn ra thuận lợi, dễ dàng thích nghi với các dân tộc khác. Do vậy, dù được phổ biến bằng cách nào (chiến tranh hay hòa bình), các tôn giáo đó đã được các quốc gia bị lệ thuộc trực tiếp hay gián tiếp, tự giác hay không tự giác tiếp nhận và trên nền tảng của tôn giáo truyền thống, biến đổi thành tôn giáo riêng của quốc gia đó. Sự bành trướng kiểu như vậy diễn ra trong suốt thời kỳ văn minh công nghiệp và cho đến tận ngày nay. Tuy nhiên cũng cần phải chú ý rằng, giữa tôn giáo khu vực hay tôn giáo thế giới vừa chung sống cạnh nhau, vừa tranh chấp xung đột nhau và không ít trường hợp, với sự ủng hộ của các thế lực quân sự, chính trị, chiến tranh tôn giáo đã xảy ra. Những tôn giáo như Kitô, Hồi do tính cực đoan của mình (chỉ coi chúa hay thánh của mình là đối tượng tôn thờ duy nhất) nên ban đầu đi đến đâu cũng khó chung sống với các tôn giáo khác đã có mặt ở đó từ trước. Còn một số tôn giáo phương Đông như Nho, Phật thì khác, chúng chấp nhận hòa đồng với các tôn giáo bản địa, có xu hướng trần tục nhiều hơn là thế giới bên kia.

- Cuộc cách mạng công nghiệp đã tạo ra một xã hội công nghiệp, xã hội này đòi hỏi phải có một tôn giáo năng động và tự do hơn, khó chấp nhận một tổ chức, một giáo lý với những nghi thức cứng nhắc, phức tạp. Tình trạng độc tôn của một tôn giáo trong một quốc gia đã bắt đầu chấm dứt và chấp nhận sự đa dạng trong đời sống tôn giáo. Từ đây quan niệm và sau là chính sách tự do tôn giáo ra đời, phát triển nhanh hay chậm và thể hiện khác nhau ở các quốc gia khác nhau. Những yếu tố lỗi thời được huỷ bỏ hoặc tự thay đổi, thay thế để thích nghi. Với xu thế quốc tế hóa ngày càng gia tăng, việc mỗi cá nhân chỉ biết đến tôn giáo của mình đã trở nên lạc hậu. Mỗi người đều rằng trên thế gian có nhiều thánh thần, có nhiều tôn giáo. Họ

bắt đầu hoài nghi và lựa chọn, thần thánh được mang ra tranh luận, bàn cãi và làm nảy sinh xu thế thế tục hoá tôn giáo và xu thế này ngày càng thắng thế.

- Trong thời đại ngày nay, khi mà xu thế toàn cầu hóa đang chi phối mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, sự nâng cao về trình độ học vấn và đặc biệt là những thành tựu của khoa học và công nghệ đã làm cho các tôn giáo ngày càng trở nên thế tục hóa kéo theo sự đa dạng trong đời sống tôn giáo. Từ đây xuất hiện các ý kiến khác nhau trong một tôn giáo và dẫn đến sự chia rẽ trong các tôn giáo một cách có tổ chức, bùng nổ các giáo phái và xuất hiện nhiều tôn giáo mới. Bản thân trong các tôn giáo khu vực và thế giới cũng có những biểu hiện khác trước: số tín đồ ngày càng tăng nhưng số tín đồ thực tế giảm, nghĩa là người ta theo đạo nhưng không hành đạo, nhiều tín đồ bỏ đạo để theo các "đạo mới". Trong nội bộ các tôn giáo có sự chia rẽ thành những giáo phái với những tính chất cấp tiến, ôn hòa hoặc cực đoan.

1.1.5.2 Một số hình thức tôn giáo trong lịch sử

- Tôn giáo trong xã hội chưa có giai cấp (Tôn giáo nguyên thủy)

Ăng nghen cho rằng tôn giáo xuất hiện từ ngay trong thời kỳ nguyên thủy, từ những quan niệm hết sức dốt nát, tối tăm, nguyên thủy của con người về bản thân mình và thiên nhiên bao quanh họ. Các tôn giáo nguyên thủy, sơ khai thể hiện niềm tin bản năng của con người và lúc ấy chưa gắn với các lợi ích về kinh tế - xã hội. Các hình thức phổ biến của tôn giáo nguyên thủy là các dạng sau:

+ Tô tem giáo (thờ vật tổ): Tô tem theo ngôn ngữ của thổ dân Bắc Mỹ nghĩa là giống loài. Đây là hình thức tôn giáo cổ xưa nhất, thể hiện niềm tin vào mối quan hệ gần gũi, huyết thống giữa một cộng đồng người (thị tộc, bộ lạc) với một loài động thực vật hoăïc một đối tượng nào đó. Tô tem giáo thể hiện hình thức nhận biết đầu tiên về mối liên hệ của con người với các hiện tượng xung quanh. Chẳng hạn: một bộ lạc tồn tại được nhờ săn bắt một loài động vật nào đó dẫn đến xuất hiện một ảo tưởng về mối quan hệ giữa loài vật đó với cộng đồng người săn nó và cuối cùng con vật này lại trở thành tổ tiên chung – là một tô tem của một tập thể nào đó.

+ Ma thuật giáo : Ma thuật theo tiếng Hi lạp cổ là phép phù thủy. Đây là biểu hiện của việc người nguyên thủy tin vào khả năng tác động đến tự nhiên bằng những hành động tượng trưng (cầu khấn, phù phép, thần chú...) nghĩa là bằng con đường siêu nhiên. Nhờ các biện pháp ma thuật, người nguyên thủy cố gắng tác động đến những sự kiện và làm cho nó diễn ra theo ý mình mong muốn. Về sau, ma thuật trở thành một thành tố quan trọng không thể thiếu được của các tôn giáo phát triển. Việc thờ cúng của bất kỳ tôn giáo nào cũng phải có ma thuật (cầu nguyện, làm phép...). Tàn dư của ma thuật là các hiện tượng bói toán, tướng số ngày nay.

+ Bái vật giáo : Bái vật theo tiếng Bồ Đào Nha là bùa hộ mệnh, phép lạ. Bái vật giáo xuất hiện vào lúc mới hình thành tôn giáo và sự thờ cúng. Bái vật giáo đặt lòng tin vào những thuộc tính siêu nhiên của các vật thể như hòn đá, gốc cây, bùa, tượng... Họ cho rằng có một lực lượng siêu nhiên, thần bí trú ngụ trong vật đó. Bái vật giáo là thành tố tất yếu của sự thờ cúng tôn giáo. Đó là sự thờ cúng các tượng gỗ, cây thánh giá... hoặc lòng tin vào sức mạnh kỳ quái của các lá bùa...

+ Vật linh giáo : Là hình thức tôn giáo xuất hiện muộn hơn, khi mà ý thức của con người đã đủ khả năng hình thành nên những khái niệm. Vật linh giáo là lòng tin ở linh hồn. Lòng tin này là cơ sở quan trọng để hình thành nên quan niệm về cái siêu nhiên của người cổ xưa. Giai đoạn này đã có ảo tưởng cho rằng có hai thế giới: một thế giới tồn tại thực sự và một thế giới siêu nhiên, trong đó thế giới siêu nhiên thống trị thế giới thực tại. Thế giới siêu nhiên này của người nguyên thủy cũng đầy đủ động vật, thực vật, các đối tượng do tinh thần tưởng tượng ra và không khác biệt gì lắm so với thế giới thực tại.

- Tôn giáo trong xã hội có giai cấp

Khi xã hội phân chia giai cấp, xuất hiện các nhà nước, quốc gia với các vùng lãnh thổ riêng biệt, tôn giáo lúc này không chỉ còn là một nhu cầu tinh thần của quần chúng mà còn là một phương tiện để giai cấp thống trị duy trì sự thống trị áp bức giai cấp và bóc lột của mình và thực hiện sự bành trướng, xâm lược vì vậy tôn giáo gắn liền với chính trị và bị dân tộc hóa. Từ đó đã dẫn đến sự xuất hiện các tôn giáo dân tộc và tôn giáo thế giới.

+ Tôn giáo dân tộc : Đặc trưng của tôn giáo dân tộc là tính chất quốc gia dân tộc của nó. Các vị thần được tạo lập mang tính quốc gia dân tộc và phạm vi quyền lực giới hạn trong phạm vi quốc gia. Thậm chí

một số tôn giáo lớn cũng bị dân tộc hóa ở mỗi quốc gia và trở thành tôn giáo có tính chất quốc gia. Ví dụ Anh giáo (Thanh giáo), các dòng khác nhau của đạo Hồi...

+ Tôn giáo thế giới : Sự phát triển của các tôn giáo vượt ra khỏi biên giới của một quốc gia đã hình thành nên các tôn giáo khu vực và thế giới như Phật giáo, Thiên chúa giáo, Hồi giáo... Khác với các tôn giáo dân tộc, tôn giáo thế giới mang tính đa quốc gia, ảnh hưởng đến nhiều khu vực rộng lớn trên thế giới.

1.2 Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của Tôn giáo học[2]

1.2.1 Khái niệm tôn giáo học

Tôn giáo học là khoa học nghiên cứu về tôn giáo. Đây là một ngành khoa học mới so với nhiều ngành khoa học khác. Nó được hình thành từ thế kỷ XVII – XIX ở các nước phương Tây do các nhà triết học, thần học, xã hội học, tâm lý học... đề xướng.

Tôn giáo học Mác - Lênin là khoa học nghiên cứu về tôn giáo theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, nghiên cứu tôn giáo với tư cách là một hình thái ý thức xã hội, một tiểu kiến trúc thượng tầng, một hiện tượng của lịch sử xã hội nhằm chỉ ra nguồn gốc, bản chất, kết cấu, chức năng của tôn giáo cũng như các hình thức vận động của nó.

Trong tài liệu này, tôn giáo được nghiên cứu theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin. Vì thế khi nói đến tôn giáo học nghĩa là nói đến tôn giáo học Mác – Lênin.

1.2.2 Đối tượng nghiên cứu của tôn giáo học

Tôn giáo là một hiện tượng xã hội, nó phản ánh hoang đường, hư ảo thế giới hiện thực vào trong đầu óc con người và tạo cho họ niềm tin vào cái siêu nhiên.

Việc xác định đối tượng nghiên cứu của tôn giáo học là hết sức phức tạp với những quan điểm khác nhau do có quá nhiều quan điểm khác nhau về tôn giáo.

Tôn giáo học Mác – Lênin xem xét tôn giáo với tư cách là một hệ thống hoàn chỉnh trong mối tương quan với các hệ thống khác của cấu trúc xã hội. Nghĩa là xem xét tất cả các mặt, các khía cạnh, các mối liên hệ bên trong và bên ngoài của một tôn giáo nói chung và những tôn giáo cụ thể với tất cả nội dung và hình thức của nó diễn ra trong lịch sử. Tất cả những điều đó tái tạo tính chỉnh thể, đa dạng của mọi tôn giáo y như bản thân nó vốn có.

1.2.3 Phương pháp nghiên cứu tôn giáo của tôn giáo học

Tôn giáo là hiện tượng xã hội rất phức tạp. Tính phức tạp đó biểu hiện ở tính đa dạng, đa diện, đa chức năng. Có lẽ vì tính phức tạp ấy mà đã có người đồng nhất tôn giáo với chính trị, với đạo đức, với triết học, với văn hóa..., điều này khiến ta không thể dùng một loại phương pháp riêng biệt nào để nghiên cứu về tôn giáo được. Từ việc xác định đối tượng nghiên cứu của tôn giáo học, cần thiết phải nghiên cứu tôn giáo bằng một hệ thống những phương pháp. Trong hệ thống này bao gồm ba loại phương pháp, đó là phương pháp của triết học, phương pháp của bản thân tôn giáo học và phương pháp của một số ngành khoa học cụ thể. Dưới đây là một số phương pháp cụ thể trong hệ thống ấy.

1.2.3.1 - Phương pháp luận duy vật biện chứng về mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội

Với phương pháp này cho phép hiểu được nguồn gốc, bản chất của ý thức tôn giáo và tôn giáo nói chung. Qua đó, có thể thấy được vai trò của tôn giáo đối với sự phát triển của lịch sử xã hội.

[2]This content is available online at <http://cnx.org/content/m28128/1.1/>.

1.2.3.2 - Phương pháp lịch sử cụ thể

Việc sử dụng phương pháp này giúp hiểu được sự ra đời của tôn giáo và lịch sử tôn giáo; hiểu được vai trò, sự tồn tại của tôn giáo trong mỗi giai đoạn lịch sử nhất định; qua đó có những đánh giá khách quan, khoa học về hiện tượng tôn giáo,...

1.2.3.3 - Phương pháp cấu trúc, chức năng

Với phương pháp này đòi hỏi phải nghiên cứu tôn giáo trong tính chỉnh thể, tính hệ thống. Trong cái chỉnh thể hay hệ thống tôn giáo lại được kết cấu bởi các bộ phận, mỗi một bộ phận có chức năng hay vai trò riêng của nó. Do vậy, khi nghiên cứu về tôn giáo cần phải xem xét tới mỗi một bộ phận của nó, đồng thời phải xem xét tới mối liên hệ giữa các bộ phận của chỉnh thể tôn giáo, cũng như mối liên hệ giữa hệ thống tôn giáo với các hệ thống khác. Việc dùng phương pháp cấu trúc chức năng cũng giúp chúng ta thấy được vị trí của mỗi loại chức năng (chủ yếu, đặc thù,...) của tôn giáo.

1.2.3.4 - Phương pháp xem xét tôn giáo xuất phát từ nhu cầu tín ngưỡng tôn giáo

Tôn giáo là sản phẩm tất yếu của lịch sử xã hội, nó ra đời, tồn tại trong những giai đoạn nhất định của lịch sử. Sự ra đời tôn giáo là nhằm đáp ứng nhu cầu cần có tín ngưỡng tôn giáo hay nhu cầu đền bù (bù đắp) hư ảo của con người. Việc xem xét nhu cầu tín ngưỡng tôn giáo cũng chính là xem xét sự ra đời, tồn tại của tôn giáo trong mối quan hệ với hoạt động và lợi ích của con người. Qua đó, có thể thấy được loại hoạt động nào, với đặc trưng gì của hoạt động ấy đã dẫn tới sự xuất hiện nhu cầu tín ngưỡng tôn giáo và con người cần đến tôn giáo nhằm lợi ích gì. Cuộc sống con người bao giờ cũng có cả một hệ thống những nhu cầu với sự vận động phức tạp, nhu cầu tín ngưỡng tôn giáo trong hệ thống những nhu cầu đó là rất quan trọng và cần thiết.

1.2.3.5 - Sự thống nhất trong phân tích tôn giáo về mặt triết học và mặt xã hội học

Đây là một phương pháp hết sức quan trọng của việc tiếp cận tôn giáo. Về mặt triết học, tất nhiên ở đây là triết học biện chứng duy vật đã chỉ ra rằng, thế giới quan tôn giáo là thế giới quan hoang đường, hư ảo của con người. Song vì sao thế giới quan hoang đường, hư ảo ấy của hiện tượng tôn giáo lại có vai trò, có sự tác động hết sức phức tạp đến đời sống xã hội, điều này không thể lý giải được một cách đầy đủ nếu như không có sự tiếp cận tôn giáo về mặt xã hội học. Có thể nói xem xét tôn giáo về mặt triết học là sự nghiên cứu về thế giới quan và mặt nhận thức luận, còn nghiên cứu tôn giáo về mặt xã hội học là nghiên cứu về mặt bản thể luận (cái bản thể ở đây được hiểu là sự tồn tại hiện hữu của hiện tượng tôn giáo với những chức năng xã hội của nó). Như vậy có thể nói, sự thống nhất trong việc nghiên cứu tôn giáo về mặt triết học và mặt xã hội học đó là sự thống nhất của việc nghiên cứu tôn giáo về mặt thế giới quan, nhận thức luận và bản thể luận. Đây là một yêu cầu quan trọng của nhận thức luận duy vật khoa học.

Ngoài các phương pháp nghiên cứu tôn giáo trên, tôn giáo học còn sử dụng các phương pháp khác như: phương pháp logic và lịch sử, phương pháp nhân quả...

1.3 Câu hỏi trắc nghiệm phần Nhập môn Tôn giáo học[3]

Exercise 1.1 ***(Solution on p. 12.)***

(select one)

a) Phương Tây
b) Việt nam
c) Trung Quốc
d) Tất cả cùng đúng

[3]This content is available online at <http://cnx.org/content/m27625/1.1/>.

Exercise 1.2 ***(Solution on p. 12.)***

(select one)

a) Công giáo
b) Phật giáo
c) Các tôn giáo
d) Tất cả đều đúng

Exercise 1.3 ***(Solution on p. 12.)***

(select one)

a) Phật giáo
b) Công giáo
c) Tin lành giáo
d) Hồi giáo

Exercise 1.4 ***(Solution on p. 12.)***

(select one)

a) Đạo
b) Giáo
c) Thờ
d) Tất cả đều sai

Exercise 1.5 ***(Solution on p. 12.)***

(select one)

a) Khi loài người xuất hiện
b) Trong vài thế kỷ gần đây
c) Cách đây vài chục ngàn năm
d) Tất cả đều sai

Exercise 1.6 ***(Solution on p. 12.)***

(select one)

a) Tôn giáo tạo ra con người
b) Tôn giáo là nhu cầu không thể thiếu của con người
c) Con người tạo ra tôn giáo
d) Con người không cần đến tôn giáo

Exercise 1.7 ***(Solution on p. 12.)***

(select one)

a) Phép phù thuỷ
b) Tin vào linh hồn
c) Bùa hộ mệnh
d) Thờ vật tổ

Exercise 1.8 ***(Solution on p. 12.)***

(select one)

a) Thờ vật tổ
b) Bùa hộ mệnh
c) Phép phù thuỷ
d) Tin vào linh hồn

Exercise 1.9 ***(Solution on p. 12.)***

(select one)

a) Tin vào linh hồn
b) Thờ vật tổ
c) Phép phù thuỷ
d) Bùa hộ mệnh

Exercise 1.10 ***(Solution on p. 12.)***

(select one)

a) Phật giáo
b) Công giáo
c) Hồi giáo
d) Tất cả đều đúng

Exercise 1.11 ***(Solution on p. 12.)***

(select one)

a) Do Thái giáo
b) Đạo Cao Đài
c) a, b cùng sai
d) a, b cùng đúng

Exercise 1.12 ***(Solution on p. 12.)***

(select one)

a) Tôn giáo
b) Thần thánh
c) Thiên đàng và địa ngục
d) Tất cả cùng đúng

Exercise 1.13 ***(Solution on p. 12.)***

(select one)

a) Đối tượng phản ánh
b) Cách thức phản ánh
c) Cả a, b cùng đúng
d) Cả a, b cùng sai

Exercise 1.14 ***(Solution on p. 12.)***

(select one)

a) Thực tiễn
b) Hiện thực
c) Điều kiện
d) Cuộc sống

Exercise 1.15 ***(Solution on p. 12.)***

(select one)

a) Đúng
b) Sai
c) Vừa đúng vừa sai

Exercise 1.16 ***(Solution on p. 12.)***

(select one)

a) Đặt ra và giải quyết những vấn đề có tính chất thế giới quan.
b) Đặt ra và giải quyết những vấn đề có tính chất nhân sinh quan
c) Cả tôn giáo và triết học đều có mối liên hệ với cơ sở kinh tế
d) Cả a,b,c đều đúng

Exercise 1.17 ***(Solution on p. 12.)***

(select one)

a) Nguồn gốc tâm lý
b) Nguồn gốc nhận thức
c) Nguồn gốc kinh tế – xã hội
d) Cả a, b, c đều sai

Exercise 1.18 ***(Solution on p. 12.)***

(select one)

a) Nguồn gốc kinh tế-xã hội
b) Nguồn gốc tâm lý
c) Nguồn gốc nhận thức
d) Cả a, b, c đều sai

Exercise 1.19 ***(Solution on p. 12.)***

(select one)

a) Nguồn gốc kinh tế-xã hội
b) Nguồn gốc tâm lý
c) Nguồn gốc nhận thức
d) Cả a, b, c đều sai

Solutions to Exercises in Chapter 1

Solution to Exercise 1.1 (p. 8)
Solution to Exercise 1.2 (p. 9)
Solution to Exercise 1.3 (p. 9)
Solution to Exercise 1.4 (p. 9)
Solution to Exercise 1.5 (p. 9)
Solution to Exercise 1.6 (p. 9)
Solution to Exercise 1.7 (p. 9)
Solution to Exercise 1.8 (p. 9)
Solution to Exercise 1.9 (p. 9)
Solution to Exercise 1.10 (p. 10)
Solution to Exercise 1.11 (p. 10)
Solution to Exercise 1.12 (p. 10)
Solution to Exercise 1.13 (p. 10)
Solution to Exercise 1.14 (p. 10)
Solution to Exercise 1.15 (p. 10)
Solution to Exercise 1.16 (p. 10)
Solution to Exercise 1.17 (p. 10)
Solution to Exercise 1.18 (p. 11)
Solution to Exercise 1.19 (p. 11)

Chương 2

Chức năng của Tôn giáo - Tình hình diễn biến và xu thế đời sống Tôn giáo trên thế giới

2.1 Chức năng của tôn giáo[1]

2.1.1 Chức năng đền bù hư ảo

Luận điểm nổi tiếng của C. Mác: "Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân" đã làm nổi bật chức năng đền bù hư ảo của tôn giáo. Giống như thuốc phiện, tôn giáo đã tạo ra cái vẻ bề ngoài của "sự giảm nhẹ" tạm thời những nỗi đau khổ của con người, an ủi cho những sự mất mát, thiếu hụt của con người trong cuộc sống.

Chức năng đền bù hư ảo không chỉ là chức năng chủ yếu, đặc thù mà còn là chức năng phổ biến của tôn giáo. Ở đâu có tôn giáo ở đó có chức năng đền bù hư ảo.

Tôn giáo là một hiện tượng xã hội phức tạp, nó không chỉ thực hiện một chức năng mà gồm một hệ thống chức năng xã hội. Mặc dù là chức năng chủ yếu nhưng chức năng đền bù hư ảo không thể tách rời các chức năng khác của tôn giáo.

2.1.2 Chức năng thế giới quan

Khi phản ánh một cách hư ảo hiện thực, tôn giáo có tham vọng tạo ra một bức tranh của mình về thế giới nhằm thoả mãn nhu cầu nhận thức của con người dưới một hình thức phi hiện thực. Bức tranh tôn giáo ấy bao gồm hai bộ phận: thế giới thần thánh và thế giới trần tục và trên cơ sở đó mà tôn giáo giải thích các vấn đề của tự nhiên cũng như xã hội. Sự lý giải của tôn giáo về thế giới nhằm hướng con người tới cái siêu nhiên , thần thánh, do đó nó đã xem nhẹ đời sống hiện thực. Quan niệm này có thể tác động tiêu cực đến ý thức giáo dân, đến thái độ của họ đối với xung quanh.

2.1.3 Chức năng điều chỉnh

Tôn giáo đã tạo ra một hệ thống các chuẩn mực, những giá trị nhằm điều chỉnh hành của những con người có đạo. Những hành vi được điều chỉnh ở đây không chỉ là những hành vi trong thờ cúng mà ngay cả trong cuộc sống hàng ngày trong gia đình cũng như ngoài xã hội của giáo dân. Vì vậy, hệ thống chuẩn mực, giá trị trong lý thuyết đạo đức và xã hội mà tôn giáo tạo ra đã ảnh hưởng quan trọng đến mọi hoạt động của con người. Tất nhiên ở đây chúng ta cần phải chú ý rằng những chuẩn mực, giá trị tôn giáo đã bị tước bỏ khá nhiều những đặc trưng khách quan và phụ thuộc vào những giá trị siêu nhiên, hư ảo.

[1]This content is available online at <http://cnx.org/content/m27605/1.1/>.

2.1.4 Chức năng giao tiếp

Chức năng giao tiếp của tôn giáo thể hiện khả năng liên hệ giữa những người có chung một tín ngưỡng. Sự liên hệ (giao tiếp) được thực hiện chủ yếu trong hoạt động thờ cúng, sự giao tiếp với thánh thần được coi là sự giao tiếp tối cao. Ngoài mối liên hệ giao tiếp trong quá trình thờ cúng, giữa các giáo dân còn có sự giao tiếp ngoài tôn giáo như liên hệ kinh tế, liên hệ cuộc sống hàng ngày, liên hệ trong gia đình... Những mối liên hệ ngoài tôn giáo có thể lại củng cố, tăng cường các mối liên hệ tôn giáo của họ.

2.1.5 Chức năng liên kết

Trong các xã hội trước đây, tôn giáo với tư cách là bộ phận tất yếu trong cấu trúc thượng tầng đã đóng vai trò quan trọng của nhân tố liên kết xã hội, nghĩa là nhân tố làm ổn định những trật tự xã hội đang tồn tại, dựa trên những hệ thống giá trị và chuẩn mực chung của xã hội. Tuy nhiên không nên quan niệm một cách sai lầm rằng tôn giáo bao giờ cũng là nhân tố liên kết xã hội chủ yếu, bảo đảm sự thống nhất của xã hội. Sự thống nhất của xã hội trước hết được bảo đảm bởi hệ thống sản xuất vật chất xã hội chứ không phải bằng cộng đồng tín ngưỡng. Hơn nữa trong những điều kiện xã hội nhất định, tôn giáo có thể biểu hiện như là ngọn cờ tư tưởng của sự chống đối lại xã hội, chống lại chế độ phản tiến bộ đương thời.

Trên đây là hệ thống chức năng của tôn giáo, trong đó mỗi chức năng lại hàm chứa các chức năng khác.

2.2 Tình hình diễn biến và xu thế của đời sống tôn giáo thế giới hiện nay[2]

2.2.1 Khái quát tình hình, thực trạng của tôn giáo

2.2.1.1 Tình hình, thực trạng

- Từ khi xuất hiện đến nay, tôn giáo luôn luôn biến động phản ánh sự biến đổi của lịch sử. Một tôn giáo có thể hưng thịnh, suy vong, thậm chí mất đi nhưng tôn giáo luôn luôn song hành cùng với đời sống của nhân loại. Tôn giáo là một hiện tượng xã hội sẽ còn tồn tại lâu dài.

- Về đánh giá thực trạng của tôn giáo, có nhiều ý kiến khác nhau. Tựu trung lại có ba ý kiến sau:

+ Tôn giáo đang khủng hoảng, suy tàn: những người đánh giá theo quan niệm này cho rằng trước sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ.... đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân sẽ được cải thiện, tôn giáo sẽ bị suy thoái dưới nhiều hình thái khác nhau. Họ cho rằng tôn giáo là một hiện tượng xã hội không có tương lai

+ Tôn giáo Tây Âu suy tàn nhưng tôn giáo ở các nước khác đang phát triển: đánh giá này xuất phát từ thực tế tôn giáo ở Tây Âu. Sự suy giảm biểu hiện rõ nhất trong lĩnh vực thực hành tôn giáo: đi lễ và tuân thủ một số nghi lễ, niềm tin giảm sút (nhạt đạo thậm chí khô đạo). Tuy nhiên cũng có người chỉ thừa nhận sự suy giảm ấy chỉ diễn ra ở trung tâm châu Âu. Trong khi đó tôn giáo ở các nước khác ngoài châu Âu, đặc biệt là các nước đang phát triển

+ Tôn giáo, tín ngưỡng đang phục hồi và phát triển mạnh mẽ ở nhiều quốc gia, châu lục: cách đánh gia này được nhiều người thừa nhận. Thực tế là trong mấy thập kỷ gần đây, tín ngưỡng, tôn giáo đang phục hồi và phát triển ở nhiều quốc gia, châu lục. Số lượng tín đồ hiện nay chiếm khoảng 3/4 dân số trên thế giới (có số liệu là 5/6).

2.2.1.2 Nguyên nhân

Tìm hiểu nguyên nhân của thực trạng tôn giáo là một điều không đơn giản. Tuy nhiên có thể nêu lên một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- Những mâu thuẫn về kinh tế, chính trị, xã hội ngày càng gay gắt: chiến tranh lạnh kết thúc nhưng hoà bình không đến với nhân loại, trên thế giới hiện nay đang xảy ra nhiều mâu thuẫn, xung đột về chính trị,

[2]This content is available online at <http://cnx.org/content/m28075/1.1/>.

kinh tế, xã hội và cả quân sự. Khoảng cách giàu nghèo ngày càng lớn giữa các quốc gia trên thế giới và khu vực.

- Trật tự thế giới đang xáo trộn, khó định trước: thế giới hai cực được thay bằng thế giới đơn cực do Mỹ chi phối và đang tiềm ẩn sự ra đời của trật tự thế giới đa cực với các cường quốc có tiềm lực mạnh về kinh tế, chính trị và quân sự...

- Khủng hoảng niềm tin vào mô hình xã hội tương lai: từ khi xã hội có giai cấp và nạn bóc lột giai cấp, con người đã ước mơ về một xã hội bình đẳng, công bằng, tự do và bác ái... tôn giáo chính là sự phản ánh nguyện vọng ấy của nhân dân dù đó là sự phản ánh một cách hư ảo. Khi chủ nghĩa xã hội hiện thực xuất hiện, sự hướng về thiên đường đã chuyển sang hướng về chủ nghĩa xã hội, góp phần tạo ra sự suy giảm của tôn giáo. Tuy nhiên, khi chủ nghĩa xã hội hiện thực bị sụp đổ ở Đông Âu và Liên Xô trong khi chủ nghĩa tư bản không phải là lý tưởng mà con người vươn tới nên con người có thể đi tìm chỗ dựa tinh thần nơi tôn giáo

- Những hậu quả tiêu cực của sự phát triển của khoa học và công nghệ mới: Cuối thế kỷ XX, nhân loại có những thành tựu kỳ diệu trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Tuy nhiên sự phát triển ấy cũng để lại những hậu quả nặng nề mà nhân loại đang phải gánh chịu. Đó là sự suy thoái về môi trường, sinh thái như phá rừng, ô nhiễm, tầng ôzôn bị thủng, trái đất nóng dần lên... bên cạnh đó là các bệnh dịch mới xuất hiện (AIDS, SARS...) làm cho tiên tri về "nạn hồng thủy", "ngày tận thế"...lại có dịp phát triển, làm xuất hiện nhiều tôn giáo mới...

2.2.2 Những xu thế chủ đạo của đời sống tôn giáo

Các diễn biến trên thể hiện sự phức tạp tromg đời sống tôn giáo với nhiều xu thế diễn ra đan chéo rất khó phân định ngay trong bản thân từng tôn giáo. Tuy nhiên có thể quy vào 4 xu thế sau đây:

2.2.2.1 Xu thế toàn cầu hóa

- Toàn cầu hóa là sự mơ tưởng của tất cả các tôn giáo dù là những tôn giáo thế giới có bề dày lịch sử lâu đời hay chỉ là những hiện tượng tôn giáo mới ra đời gần đây. Chẳng hạn như đạo Cao Đài ở Việt Nam, ngay từ khi mới ra đời đã tuyên bố sẽ là tôn giáo của nhân loại.

- Thực tế lịch sử đã chứng minh rằng sự tồn tại và phát triển của một tôn giáo phụ thuộc vào sự bành trướng của một thế lực chính trị có trong tay một tiềm lực kinh tế nhất định.

- Trong thời đại ngày nay, vấn đề toàn cầu hoá tôn giáo chủ yếu phụ thuộc vào chính sách bá quyền của một số cường quốc, muốn gắn vấn đề nhân quyền với tự do tôn giáo cho từng quốc gia, dân tộc, tộc người để tìm cách can thiệp vào các nước không chịu đi theo con đường mà các cường quốc đã vạch ra cho họ

- Tính toàn cầu hóa dẫn đến sự có mặt của hầu hết các tôn giáo lớn nhỏ trong một quốc gia. Từng tôn giáo đều muốn và cố gắng có mặt trên khắp địa cầu.

2.2.2.2 Xu thế đa dạng hóa

- Từ xu thế toàn cầu hóa dẫn đến xu thế đa dạng hóa trong tôn giáo. Điều này phản ánh được nguyên tắc của thời đại: thống nhất trong đa dạng.

- Ngày nay, dân trí được nâng cao, không gian xã hội của cá nhân đã vượt ra khỏi biên giới quốc gia, của khu vực. Con người không chỉ tiếp cận với các tôn giáo truyền thống mà còn với các tôn giáo khác. Sự tiếp cận ấy không hề thụ động mà còn có sự phê phán, tiếp thu. Từ đó dẫn đến sự phân hóa tín đồ các tôn giáo thành 3 loại: khô đạo, nhạt đạo, đậm đạo và nảy sinh hiện tượng song hành tôn giáo trong một con người. Nghĩa là một cá nhân cùng một lúc theo nhiều tôn giáo khác nhau, ngay cả ở những nước vốn có truyền thống độc thần. Trong điều kiện đó từng tôn giáo cũng có sự phân rẽ thành các giáo phái, thậm chí có giáo lý xa lạ với giáo lý ban đầu. Nội bộ các tôn giáo bị phân rẽ thành 3 bộ phận: bộ phận toàn thống, bộ phận bảo thủ cực đoan, bộ phận ôn hòa.

2.2.2.3 Xu thế thế tục hóa

- Hướng chủ yếu của xu thế này là những hành vi nhập thế của mọi tôn giáo bằng cách tham gia vào những hoạt động trần tục phi tôn giáo như xã hội, đạo đức, giáo dục, y tế... nhằm góp phần cứu nhân độ thế.

- Xu thế thế tục hóa cũng biểu hiện trong cuộc đấu tranh của bộ phận tiến bộ trong từng tôn giáo muốn xóa bỏ những điểm lỗi thời trong giáo lý, những khắt khe trong giáo luật, muốn tiến tới sự đoàn kết giữa các tín đồ các tôn giáo khác nhau.

- Xu thế thế tục hóa biểu hiện ở vai trò của tôn giáo bị giảm sút, đặc biệt là ở các nước công nghiệp, nhất là ở các cư dân thành thị và tầng lớp thanh niên. Họ cho rằng cuộc sống bản thân được quyết định chủ yếu là là tự thân, ít phụ thuộc và không phụ thuộc vào thần linh.

- Xu thế thế tục hóa còn biểu hiện ở chỗ con người dường như ra khỏi tôn giáo. Một số tín đồ vẫn tiến hành những nghi lễ và cầu xin, có khi còn hành hương nhưng lại không hẳn theo giáo lý hay giáo luật đã được định sẵn.

- Xu thế thế tục hóa cũng có mặt trái, thể hiện rất rõ trong việc tham gia vào các hoạt động chính trị của một số tổ chức tôn giáo nhằm bảo vệ trực tiếp hay gián tiếp quyền lợi của các thế lực chính trị phản động.

2.2.2.4 Xu thế dân tộc hóa

- Biểu hiện của xu thế này là hướng trở về với tôn giáo truyền thống, phổ biến ở các nước đang phát triển, lan rộng sang cả châu Âu. Các tôn giáo dân tộc không có tính phổ quát nhưng lại gắn chặt và bền vững với từng dân tộc.

- Hiện nay có hiện tượng các tôn giáo được truyền bá một cách nhanh chóng sang các quốc gia khác với nhiều cách thức khác nhau vì vậy tôn giáo dân tộc hay tôn giáo truyền thống được coi là một thứ vũ khí để bảo vệ bản săùc của dân tộc trước sự uy hiếp của các tôn giáo thế giới, thường được các thế lực chính trị sử dụng như một phương tiện để đồng hóa văn hóa, đồng thời là chỗ dựa để để các tôn giáo ngoại sinh được dân tộc hóa.

Tóm lại: Bốn xu thế trình bày ở trên trong thực tế đan quyện vào nhau, xu thế nọ là hệ quả của xu thế kia, ta chỉ có thể phân tích rành rẽ trong từng trường hợp ở từng thời điểm, từng nơi cụ thể. Nhưng trong các xu thế ấy thì hiện nay xu thế thế tục hoá là nổi trội hơn cả và biểu hiện của nó rất phong phú và rất đa dạng.

2.3 Câu hỏi trắc nghiệm phần Chức năng của Tôn giáo - tình hình diễn biến và xu thế của đời sống tôn giáo trên thế giới[3]

Exercise 2.1 ***(Solution on p. 18.)***

(select one)

a) 3
b) 4
c) 5
d) 6

Exercise 2.2 ***(Solution on p. 18.)***

(select one)

a) Chất gây nghiện
b) Thuốc giảm đau
c) Chất kích thích
d) Sự ru ngủ

Exercise 2.3 ***(Solution on p. 18.)***

(select one)

[3]This content is available online at <http://cnx.org/content/m27614/1.1/>.

a) Co´
b) Không
c) Vư`a co´ vư`a không

Exercise 2.4 ***(Solution on p. 18.)***

(select one)

a) Tôn giáo có vai trò quan trọng nhất trong việc liên kết xã hội
b) Tôn giáo không có vai trò liên kết xã hội
c) Tôn giáo là nhân tố liên kết xã hội chủ yếu
d) Cả a, b, c cùng sai

Exercise 2.5 ***(Solution on p. 18.)***

(select one)

a) Giao tiếp giữa thần thánh với thần thánh
b) Giao tiếp giữa con người với thần thánh
c) Giao tiếp giữa con người với con người
d) Cả a, b, c cùng đúng

Exercise 2.6 ***(Solution on p. 18.)***

(select one)

a) Tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức
b) Trái tim cu˚a thế giới không có trái tim
c) Tinh thần của trật tự không có tinh thần
d) Cả a, b, c cùng đúng

Exercise 2.7 ***(Solution on p. 18.)***

(select one)

a) 1
b) 2
c) Nhiê`u
d) Cả a, b, c cùng đúng

Exercise 2.8 ***(Solution on p. 18.)***

(select one)

a) Xu thế toàn cầu hóa
b) Xu thế đa dạng hoá
c) Xu thế tục hoá
d) Xu thế dân tộc hoá

Exercise 2.9 ***(Solution on p. 18.)***

(select one)

a) Chức năng đền bù hư ảo
b) Chức năng thế giới quan
c) Chức năng điều chỉnh
d) Cả a,b,c đều sai

Exercise 2.10 ***(Solution on p. 18.)***

(select one)

a) Chức năng đền bù hư ảo
b) Chức năng thế giới quan
c) Chức năng điều chỉnh
d) Cả a,b,c đều sai

Solutions to Exercises in Chapter 2

Solution to Exercise 2.1 (p. 16)
Solution to Exercise 2.2 (p. 16)
Solution to Exercise 2.3 (p. 16)
Solution to Exercise 2.4 (p. 17)
Solution to Exercise 2.5 (p. 17)
Solution to Exercise 2.6 (p. 17)
Solution to Exercise 2.7 (p. 17)
Solution to Exercise 2.8 (p. 17)
Solution to Exercise 2.9 (p. 17)
Solution to Exercise 2.10 (p. 17)

Chương 3

Những yếu tố cấu thành một Tôn giáo

3.1 Tín ngưỡng hay niềm tin tôn giáo[1]

3.1.1 Phân biệt thuật ngữ tín ngưỡng và tôn giáo

Đi vào mặt từ ngữ, giữa tín ngưỡng và tôn giáo có sự khác biệt. Có lúc, tín ngưỡng được cho là thuật ngữ rộng hơn tôn giáo, bao trùm lên tôn giáo nhưng cũng có khi tín ngưỡng lại được coi là một bộ phận chủ yếu nhất cấu thành nên tôn giáo.

Trong thời gian gần đây, trên một số sách báo hoặc trong quần chúng tự phát hình thành nên sự phân biệt cấp độ các hình thái tôn giáo, coi tín ngưỡng và tôn giáo như hai cấp độ thấp cao.

Ở nước ta, trong thực tế thuật ngữ "tín ngưỡng" dùng để chỉ niềm tin tôn giáo. Các nhà nghiên cứu đều cơ bản nhất trí với nhau rằng yếu tố quyết định của một tôn giáo là đức tin hay niềm tin. Theo các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lênin thì các hình thái tôn giáo ra đời từ thuở sơ khai cho đến nay đều được gọi thống nhất là tôn giáo.

3.1.2 Niềm tin tôn giáo (hay tín ngưỡng) là gì?

- Niềm tin tôn giáo là một dạng nhận thức đặc biệt, dựa trên trực giác, tạo cho con người một niềm tin có tính thiêng liêng, giúp người ta có thể nhận thức được những sự vật mà người thường không thấy được, cho ta một sức mạnh đặc biệt mang tính "thăng hoa" để tác động đến cuộc sống trần tục.

- Niềm tin tôn giáo là một niềm tin có thật và chắc chắn, là niềm tin mang tính chủ quan, không cần lý giải một cách khoa học. Đó là điều kiện để con người đến với tôn giáo. Không có niềm tin này con người không thể đến được với đạo. Để có được niềm tin đó, người theo đạo cần phải có một sự hiểu biết nhất định về giáo lý, tuân thủ những hành vi, phép tắc tôn giáo... theo cách của mình.

- Niềm tin tôn giáo có tính thiêng còn thể hiện ở những vật thể, những lời thề, những sự kiêng cữ nào đó... thậm chí còn gắn với những con người cụ thể. Ví dụ: người ta thường nói "Thần cây đa, Ma cây gạo...", một số người được coi là thánh nhân và trở thành đối tượng được thờ cúng: Trần Hưng Đạo được coi là Đức Thánh Trần...

3.1.3 Đặc điểm của niềm tin tôn giáo

- Trong tín ngưỡng phải có yếu tố liên quan đến thế giới vô hình, những siêu linh mà do chính con người tưởng tượng và sáng tạo ra rồi chính chúng lại có thể chi phối tác động ngược trở lại cuộc sống con người. Đó là niềm tin vào một quyền lực siêu linh được san sẻ không đều cho những cộng đồng tôn giáo, khẳng định sự ưu ái của quyền lực đó đối với một số người và từ đó an ủi đối với thân phận của một số người khác.

[1] This content is available online at <http://cnx.org/content/m28071/1.1/>.

- Niềm tin tôn giáo phải là một niềm tin siêu lý, không dựa vào lý tính, thực nghiệm, một niềm tin được cảm nhận hoặc theo truyền thống kinh nghiệm, hoặc do tu luyện dần để khẳng định vững chắc. Đó là một niềm tin không cần chứng minh. Người ta tin để rồi tin. Tin vào những điều vĩnh hằng, tuyệt đối, một cuộc sống như ý muốn, cuộc sống bất diệt. Vì lý do đó mà nội dung Niềm tin tôn giáo phụ thuộc vào những tín điều, giáo lý của từng tôn giáo khác nhau.

- Niềm tin tôn giáo có phần độc lập với việc am hiểu nội dung tôn giáo. Trong thực tế có những người không thực hành nghi thức tôn giáo có khi lại hiểu giáo lý nhiều hơn người thực hành nghi lễ tôn giáo đều đặn... Do đó không phải cứ có nhận thức giáo lý một cách vững chắc là có được niềm tin sâu sắc. E. Rousseau rất có lý khi ông cho rằng: "chính cái mơ mơ hồ hồ lại tạo dựng cho Niềm tin tôn giáo, làm cho tôn giáo tồn tại."

- Mặc dù nội dung tôn giáo có thể không thay đổi nhưng Niềm tin tôn giáo có thể thay đổi trong từng cá nhân, từng cộng đồng. Đối với con người, Niềm tin tôn giáo thay đổi theo tuổi tác, theo sức khoẻ hoặc theo những thăng trầm của cuộc sống.

- Con người tạo ra thần thánh không chỉ để tin, không chỉ vì cảm nhận sự bất lực, kém cỏi của bản thân mà còn xuất phát từ nhu cầu muốn được bất tử trong một thế giới vĩnh hằng. Vì vậy không nên nhầm lẫn hoặc đánh đồng giữa tôn giáo với những ý thức hệ, những chủ nghĩa, những lý tưởng... trong cuộc sống đời thường.

3.2 Nội dung tôn giáo[2]

3.2.1 Huyền thoại và triết lý

- Huyền thoại là một hình thức ra đời từ thuở nguyên sơ, là những lý giải của con người, có thể sai hoặc đúng về một hiện tượng tự nhiên hay xã hội mà bản thân con người không thể hiểu nổi và trong đó có những cái khác lạ, không giống bình thường nhưng lại có tác động đến họ. Qua một dịp tình cờ, ngẫu nhiên thì họ coi những thế lực đó như một thực thể vô hình chi phối tốt hoặc xấu đến họ từ đó dẫn đến một huyền thoại mang tính tôn giáo. Bước đầu tiên của quá trình tạo dựng huyền thoại là làm sao cho những huyền thoại đó được người đương thời coi như là sự thật và phải tin theo. Bước tiếp theo là vì tin tưởng, nội dung huyền thoại được chuyển thành nội dung một tôn giáo, kèm theo là nghi lễ. Huyền thoại đó lúc đầu có hình thức rất đơn giản, phù hợp với trình độ nhận thức, tư duy lúc đó nhưng nội dung đó có thể lại phi lý đối với tư duy người hiện đại. Huyền thoại phải được củng cố bằng lễ thức mới thành nội dung của một hình thức tôn giáo nhưng chủ yếu phải được người ta tin là có thật. Niềm tin là yếu tố quan trọng nhất để người ta lý giải những sự vật hiện tượng mà con người quan tâm như nguồn gốc vũ trụ, nguồn gốc con người, nguồn gốc dân tộc, tạo dựng thế giới bên kia...

- Nếu nội dung các tôn giáo sơ khai với chủ yếu là các huyền thoại nhằm lý giải những nhu cầu của xã hội – bộ lạc thì đến xã hội có giai cấp, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, cùng với sự cần thiết tạo dựng những nhà nước, những quốc gia, sau nữa là các đế chế, nội dung các tôn giáo được định hình không chỉ dừng lại ở các huyền thoại mà còn là những triết lý rút ra trong đời sống thường ngày. Đó là các triết lý có hoặc không có tác giả, sau đó các nhà thần học, các triết gia bổ sung và hệ thống lại mới xây dựng nên được giáo lý. Giáo lý là hình thức hoàn thiện hơn rất nhiều so với huyền thoại. Bên cạnh đó các tôn giáo còn phải vay mượn, thêm thắt, tiếp biến những nội dung của các tôn giáo khác hay ý thức hệ khác mà nó tiếp xúc để cho phù hợp, thích nghi với thời đại, dân tộc để tồn tại. Tuy nhiên phải chú ý rằng mặc dù kinh sách của các tôn giáo (nhất là các tôn giáo lớn) có thể có rất nhiều, thậm chí đọc cả đời không hết nhưng để phục vụ hành lễ tôn giáo, kinh sách được hạn chế trong một số lượng nhất định, thích hợp với trình độ của các tín đồ trong đó kinh sách được diễn giải súc tích, tóm gọn những nguyên lý cơ bản.

3.2.2 Thế giới bên kia

- Những yếu tố cấu thành nên nội dung của tôn giáo cho dù ở hình thức sơ khai hay đã phát triển đều không nhằm ngoài mục đích tạo dựng nên một thế giới bên kia đối lập với thế giới trần tục. Thế giới được tạo dựng

[2]This content is available online at <http://cnx.org/content/m27964/1.1/>.

này nhằm thỏa mãn một câu hỏi mà nếu không viện đến tôn giáo thì không ai có thể trả lời được: sau cái chết là gì? Câu hỏi này đã làm bừng lên một tia hi vọng muốn kéo dài cuộc sống quá ngắn ngủi, đầy khổ đau và không toại nguyện để đến với một cuộc sống cực lạc, vĩnh cửu của thế giới bên kia và điều đó đồng nghĩa với việc không bị rơi xuống địa ngục, vào tay quỷ dữ bị hành hạ, đau đớn... tùy theo quan niệm của từng tôn giáo. Vì lẽ đó, thế giới bên kia với những sức mạnh của thần linh hướng con người đến một cuộc sống tự thân lương thiện. Mọi tội ác của con người gây ra ở trần gian sẽ bị phán xử khi bước qua thế giới ấy.

- Mỗi dân tộc hay mỗi khu vực tạo ra một bộ mặt của thế giới bên kia cơ bản có thể giống nhau nhưng biểu hiện lại khác nhau. Các tôn giáo lớn xuất hiện muộn hơn đã nhào nặn, hệ thống lại để tạo nên thế giới bên kia phù hợp với điện thần của mình. Thông thường thế giới bên kia được cấu trúc thành 3 tầng (ở trên trời, trên mặt đất và dưới mặt đất) và bốn thế giới (thiên giới, địa giới, thủy giới và âm phủ). "Địa ngục" là nơi đày ải những kẻ không ngoan đạo, những người ngoan đạo và lương thiện được lên "thiên đàng" hay "niết bàn"...

3.3 Các hành vi tôn giáo (nghi lễ)[3]

3.3.1 Sự thờ cúng

- Bất kỳ tôn giáo nào muốn tồn tại phải có những hành vi thờ cúng và hành vi này liên quan đến niềm tin, giáo lý và được thực hiện bởi các chức sắc, những người làm nghi lễ tôn giáo chuyên nghiệp hoặc tự thực hiện dưới sự chỉ dẫn của một nguyên lý và nội dung nhất định.

- Hành vi thờ cúng có thể được thực hiện bằng tự cá nhân hoặc dưới hình thức cộng đồng. Những hành vi tôn giáo đó thường được gọi là nghi lễ hay lễ thức. Nghi lễ là mối quan hệ của các thực thể ở thế giới bên kia với cuộc sống trần gian của của cộng đồng và cá nhân, nó làm cho nội dung giáo lý tôn giáo trở nên sống động, phổ quát qua thực hành hành vi tôn giáo

- Cần phân biệt rõ ràng giữa 2 loại nghi lễ: Nghi lễ tôn giáo và nghi lễ thế tục cho dù trong thực tế có lúc khó mà phân biệt rạch ròi giữa hai loại nghi lễ này. Tuy nhiên những nghi lễ tôn giáo thường đi song song với một hành vi thế tục như sự ra đời, sự trưởng thành, sự chết chóc hay những tai nạn, thiên tai...

3.3.2 Các loại nghi lễ

Nghi lễ có tầm quan trọng rất lớn đối với các tín đồ. Nếu huyền thoại hay giáo lý thu hút con người ta bằng lời thì nghi lễ làm phong phú thêm lời nói bằng những hành vi tạo ra một trường tôn giáo – một ngôn ngữ hành động – cuốn hút con người ta không chỉ một lần mà nhiều lần, được lặp di lặp lại, nhằm tạo nên một tập quán ăn sâu vào tâm thức tôn giáo của các thành viên trong cộng đồng – một cộng đồng thống nhất và sống động.

Có nhiều loại nghi lễ nhưng có thể chia thành 3 loại sau:

- Những nghi lễ tuân thủ theo chu kỳ thời gian: đây là những nghi lễ được các tôn giáo tổ chức theo tháng, hàng năm, theo chu kỳ 10 năm, 12 năm, 100 năm...

- Những nghi lễ tuân thủ theo chu kỳ đời người: đây là những nghi lễ liên quan đến những thời kỳ chuyển tiếp của đời một con người. Những nghi lễ này có khi công khai nhưng cũng có những nghi lễ được tiến hành bí mật trong một nhóm người của một tôn giáo hoặc chỉ riêng với các tín đồ của một tôn giáo.

- Những nghi lễ riêng của từng tôn giáo : những nghi lễ này nhằm mục đích giáo dục các tín đồ hay chức sắc am hiểu giáo lý, tuân thủ giáo luật, giữ gìn phẩm chất đạo đức theo mục đích của đạo.

3.3.3 Các biểu hiện cụ thể của nghi lễ

Đối với các tôn giáo, việc thực hiện nghi lễ có tác dụng dẫn con người đến với các đối tượng mà họ thờ cúng, ngược với nội dung tôn giáo là dẫn thế giới siêu linh đến với con người. Yêu cầu của nghi lễ là nhằm thỏa mãn một yêu cầu phi trần tục và giúp họ có một đảm bảo an toàn trong cuộc sống đạo cũng như đời. Những biểu hiện cụ thể của nghi lễ được thể hiện qua những hành vi khác nhau. Đó là:

[3]This content is available online at <http://cnx.org/content/m27604/1.1/>.

3.3.3.1 Cầu nguyện, cầu xin hay khấn lễ

Đó là hình thức cơ bản nhất diễn ra do sự thúc ép của bản thân hay theo quy định của từng tôn giáo, là hành vi thông thường, phổ biến của bất kỳ một tôn giáo nào với tư cách cá nhân hay cộng đồng. Một số tôn giáo, trong khi cầu nguyện còn kèm theo việc dâng lễ vật, thậm chí hiến sinh, có tôn giáo khi cầu nguyện còn đi đôi với những hành vi khắc kỷ, những hành động hành xác hay kiêng cữ nhằm biểu lộ đức tin.

3.3.3.2 Những sự kiêng cữ

Kiêng cữ là việc con người không được làm điều gì khác với lệ tục quy định. Những kiêng cữ này có thể là sự kiêng cữ đối với các lễ vật, thức ăn mang tính nghi lễ, đối với những người được coi là thiêng liêng. Một số kiêng cữ được áp dụng trong thời kỳ lễ hội hay trong các nghi lễ, có khi trong cả đời thường. Những sự kiêng cữ này rất đa dạng và liên quan đến hầu hết đến các lĩnh vực trong đời sống con người. Kiêng cữ là một bộ phận của hành vi tôn giáo và trong đó có nhiều biểu hiện lạc hậu, gần đây đã dần dần mất đi.

3.3.3.3 Lễ hội

Lễ hội là hoạt động quan trọng trong đời sống tôn giáo. Có thể nói rằng nếu không có thờ cúng, không có lễ hội thì không có tôn giáo. Lễ hội trước hết là sự lặp đi lặp lại trong cộng đồng nhằm khơi dậy niềm tin, gợi lên cho từng cá nhân thấy rằng mình thuộc về một cộng đồng tôn giáo hay một xã hội nhất định. Lễ hội làm cho con người thấy rằng mình không lẻ loi, thấy mình được sự đùm bọc và che chở của cộng đồng. Lễ hội có khi còn gắn với hành hương. Không một tôn giáo nào lại không có một vài nơi thiêng mà các tín đồ muốn được đến đó, chí ít là một lần trong đời. Có thể coi đây là một hình thức tổng hợp hoàn thiện nhất của hành vi tôn giáo. Ví dụ: người theo đạo Hồi hành hương đến thánh địa Mecca, đạo Cao Đài ở Việt Nam hành hương về tòa thánh Tây Ninh, Công giáo hành hương đến Roma...

3.4 Tổ chức tôn giáo[4]

3.4.1 Tổ chức tôn giáo là gì ?

Mỗi tôn giáo mang tính xã hội đều tạo nên một cộng đồng, đó là một cộng đồng có chung một nhu cầu tôn giáo. Sự tồn tại của cộng đồng tất yếu dẫn đến một tổ chức.

Tổ chức tôn giáo là một tập hợp người có thứ bậc nội bộ, theo chức năng, ít hay nhiều dựa vào quyền uy, định ra một tập hợp quy chế và chuẩn mực nội bộ được hợp thức hoá nhằm duy trì, phát triển và truyền bá giáo lý, tổ chức nghi lễ đảm bảo sự sống còn của bản thân tôn giáo.

Khi nói về tổ chức Tôn giáo cần chú ý một số vấn đề sau:

- Cần phải phân biệt giữa cộng đồng tôn giáo và tổ chức tôn giáo với tư cách là những thể chế được định ra. Đó là sự phân biệt giữa hai loại thành viên trong một cộng đồng, những chức sắc chịu trách nhiệm thực hiện thể chế trong bộ máy tổ chức tôn giáo và những tín đồ nói chung.

- Không thể dựa vào tính tổ chức mà đánh giá sự hơn kém giữa các tôn giáo. Tất nhiên tính tổ chức cao của tôn giáo có thể làm cho tôn giáo dễ được truyền bá và phát triển. Tuy nhiên yếu tố quyết định, cơ bản là tôn giáo đó có chiếm được niềm tin của cộng đồng hay không?

- Khi đề cập đến tổ chức tôn giáo thì phải kể đến một tổ chức quan trọng là giáo hội. Không một tôn giáo nào mà không có giáo hội. Giáo hội gắn bó chặt chẽ với dân tộc, có lúc nó mở rộng ra ngoài phạm vi biên giới, có lúc chỉ bao gồm một bộ phận dân tộc, có lúc nó được chỉ đạo bởi một đoàn giáo sĩ, có lúc nó lại gần như hoàn toàn không có một cơ quan chỉ đạo được chính thức giao nhiệm vụ.

3.4.2 Mối quan hệ tổ chức tôn giáo và cộng đồng xã hội

Giữa tổ chức tôn giáo và cộng đồng xã hội có mối quan hệ khăng khít nhưng trong những điều kiện xã hội khac nhau thì mối quan hệ ấy là khác nhau.

[4]This content is available online at <http://cnx.org/content/m28095/1.1/>.

3.4.2.1 Trong xã hội không có giai cấp

Tổ chức tôn giáo thường có liên quan đến cộng đồng bằng mối quan hệ đan xen, quyện chặt với cộng đồng và các tổ chức điều hành xã hội. Trong xã hội này, giữa cá nhân và cộng đồng dường như có sự hòa tan vào nhau: cá nhân là cộng đồng, cộng đồng là cá nhân. Lúc này tuy có sự phân biệt rành rẽ hai thế giới trần tục và siêu linh nhưng con người thường đắm mình vào cả hai thế giới ấy nên rất khó phân biệt.

3.4.2.2 Trong xã hội có giai cấp

Các tổ chức tôn giáo thể hiện rất khác nhau. Một tổ chức tôn giáo có người sáng lập, có thể hữu danh, có thể vô danh hoặc được gán cho một cái tên nào đó. Những nội dung, nghi lễ dẫn đến niềm tin tôn giáo hay tín ngưỡng ban đầu phải do một người đưa ra, người đời sau làm phong phú thêm và có thể thích nghi được với thời đại.

3.4.3 Tính chất của các tổ chức tôn giáo

Cách thức tổ chức của các tôn giáo rất khác nhau.

- Có những tôn giáo tổ chức của nó rất chặt chẽ và có hệ thống, tiêu biểu là Kitô giáo mà đến nay là Công giáo (sau hai lần phân rẽ thành Chính thống và Tin lành). Giáo hội được coi như là một nhà nước vừa là một tổ chức bộ máy điều hành từ trên xuống các địa phận, các cơ sở, vừa là một cộng đồng tôn giáo. Trong khi đó với đạo Phật, tổ chức của nó gọi là Tăng già, tổ chức không chặt chẽ bằng, quần chúng tín đồ của đạo Phật sống ngoài đời, có nhiều người không đứng trong tổ chức, có người xuất gia nhưng có người lại tu tại gia.
- Trong thời gian gần đây phát triển các tổ chức có tính xã hội gắn kết với một tôn giáo. Đó là các giáo phái quyện cả việc đạo lẫn việc đời, khó tách biệt rạch ròi.
- Một tổ chức tôn giáo còn bao gồm một hệ thống các đoàn thể, hội đoàn mang tính xã hội như giải trí, tu thân, luyện võ để tăng tuổi thọ, thậm chí manh tính chính trị, quân sự để buộc các tín đồ hành động, không chỉ mục đích thuần đạo mà còn vì mục đích ngoài đời.

3.5 Câu hỏi trắc nghiệm về "Những yếu tố cấu thành một Tôn giáo"[5]

Exercise 3.1 ***(Solution on p. 25.)***

(select one)

a) Không cần chứng minh
b) Con người hiểu rất rõ ràng
c) Chứng minh được
d) Giống với niềm tin đối với các học thuyết

Exercise 3.2 ***(Solution on p. 25.)***

(select one)

a) Quan hệ mật thiết với nhau
b) Hoàn toàn đối lập nhau
c) Có phần độc lập với nhau
d) Cả a, b. c cùng sai

Exercise 3.3 ***(Solution on p. 25.)***

(select one)

a) Tuổi tác
b) Những thăng trầm của cuộc sống
c) Sức khoẻ

[5]This content is available online at <http://cnx.org/content/m27655/1.1/>.

d) a, b, c cùng đúng

Exercise 3.4 ***(Solution on p. 25.)***

(select one)

a) Thế giới bên kia
b) Những huyền thoại và triết lý
c) Cả a và b
d) Tất cả cùng sai

Exercise 3.5 ***(Solution on p. 25.)***

(select one)

a) Huyền thoại
b) Triết lý
c) Vay mượn một phần giáo lý của các tôn giáo khác
d) a, b, c cùng đúng

Exercise 3.6 ***(Solution on p. 25.)***

(select one)

a) Là sự kính trọng đối với thần linh
b) Sự gắn bó trong cộng đồng
c) Là sự giao tiếp của con người với thần linh
d) Tất cả cùng đúng

Exercise 3.7 ***(Solution on p. 25.)***

(select one)

a) Phật đản
b) Nôen
c) Mừng năm mới
d) a, b đúng

Exercise 3.8 ***(Solution on p. 25.)***

(select one)

a) Bất kỳ tôn giáo nào đang tồn tại cũng cần phải có hành vi thờ cúng
b) Không có hành vi thờ cúng, không có tôn giáo
c) Hành vi thờ cúng phải được thực hiện dưới hình thức cộng đồng
d) Giữa nghi lễ tôn giáo và thế tục có thể có ranh giới không rõ ràng

Exercise 3.9 ***(Solution on p. 25.)***

(select one)

a) Trong xã hội nguyên thuỷ, giữa tổ chức tôn giáo và tổ chức điều hành xã hội đã có sự phân biệt rõ ràng
b) Không thể dựa vào tính tổ chức để đánh giá sự hơn kém giữa các tôn giáo
c) Một tôn giáo có tổ chức chặt chẽ sẽ thuận lợi hơn trong việc phát triển và truyền bá
d) Cộng đồng tôn giáo và tổ chức tôn giáo là khác nhau

Exercise 3.10 ***(Solution on p. 25.)***

(select one)

a) Trong một bộ phận của dân tộc
b) Trong phạm vi một dân tộc
c) Có khi vượt ra khỏi phạm vi quốc gia
d) Tất cả cùng đúng

Solutions to Exercises in Chapter 3

Solution to Exercise 3.1 (p. 23)
Solution to Exercise 3.2 (p. 23)
Solution to Exercise 3.3 (p. 23)
Solution to Exercise 3.4 (p. 24)
Solution to Exercise 3.5 (p. 24)
Solution to Exercise 3.6 (p. 24)
Solution to Exercise 3.7 (p. 24)
Solution to Exercise 3.8 (p. 24)
Solution to Exercise 3.9 (p. 24)
Solution to Exercise 3.10 (p. 24)

Chương 4

Phật giáo

4.1 Những vấn đề cơ bản về Phật giáo[1]

4.1.1 Khái quát về lịch sử ra đời và phát triển của phật giáo

- Phật giáo xuất hiện ở miền Bắc Ấn Độ cổ đại (nay thuộc Nêpan) vào cuối thế kỷ VI trước Công nguyên. Khi ấy trong xã hội tình trạng phân chia đẳng cấp rất khắc nghiệt. Sự ra đời của Phật giáo thể hiện tinh thần phản kháng của những người nghèo, chống lại thuyết bốn đẳng cấp của đạo Bà la môn, tìm con đường giải thoát con người khỏi nỗi khổ triền miên trong xã hội nô lệ Ấn Độ.

Theo đạo Bà la môn, mỗi người thuộc một đẳng cấp nhất định: Bà la môn, quý tộc, bình dân gồm người buôn bán, thợ thủ công, nông dân và nô lệ... tức là có bốn đẳng cấp là Tăng lữ – đẳng cấp cao quý nhất là Bà la môn sinh ra từ miệng của đấng Tối cao là thần Sáng Tạo Brahmâ và thấp hèn nhất là tiện dân-nô lệ. Người đẳng cấp nào sẽ mãi mãi thuộc đẳng cấp ấy. Không thể thay đổi.

Đạo Bà la môn chủ trương đại sát sinh và hiến tế nên gia súc bị giết chết rất nhiều để hiến tế, thậm chí tế cả người. Đối với phụ nữ, chồng chết phải hỏa thiêu và vợ cũng bị hỏa thiêu theo...

- Người sáng lập Phật giáo là Thích Ca Mâu Ni (nghĩa là ông thánh hay nhà hiền triết của tộc người Thích Ca). Đây là tên gọi khi thành đạo. Tên thật của Thích Ca Mâu Ni là Siddhartha (Tất đạt đa) nghĩa là "người thực hiện được mục đích", họ là Gautama (Cù Đàm), vốn là con đầu vua Tịnh Phạn. Thích Ca Mâu Ni sinh ngày 8 tháng 4 năm 563 trước công nguyên, và mất năm 483 trước công nguyên. Năm 29 tuổi, ông quyết định từ bỏ cuộc đời vương giả của một thái tử để đi tu, tìm đường diệt khổ cho chúng sinh. Sau 6 năm, ông đã "ngộ đạo" và trở thành Thích Ca Mâu Ni (35 tuổi). Khi ấy ông lấy hiệu là Buddha có nghĩa là "người giác ngộ" (Trung quốc dịch là Phật). Người ta gọi ông là Sakya-muni (Trung quốc dịch là Thích Ca Mâu Ni - nhà hiền triết xứ Sakya).

4.1.2 Những nguyên lý cơ bản của Phật giáo

Những nguyên lý cơ bản của Phật giáo được thể hiện trong giáo lý. Hệ thống giáo lý của Phật giáo là một hệ thống rất đồ sộ nằm chủ yếu trong Tam tạng kinh điển, gồm Kinh tạng (ghi lời Phật dạy), Luật tạng (các giới luật), và Luận tạng (các bài kinh, tác phẩm luận giải, bình chú về giáo pháp của các cao tăng và học giả sau này).

4.1.2.1 Về bản thể luận:

Phật giáo đưa ra tư tưởng "vô ngã", "vô thường"

[1]This content is available online at <http://cnx.org/content/m27968/1.1/>.

- Vô ngã: Tất cả sự vật, hiện tượng cũng như chính bản thân ta là không có thực. Thế giới (nhất là thế giới hữu hình - con người) là do sự hợp lại của các yếu tố vật chất (Sắc) và tinh thần (Danh). Đó là 5 yếu tố (ngũ uẩn)

+ Sắc (vật chất)
+ Thụ (cảm giác)
+ Tưởng (ấn tượng)
+ Hành (Tư duy nói chung)
+ Thức (ý thức)

Nhưng Danh và Sắc chỉ tụ hội trong thời gian ngắn rồi chuyển sang trạng thái khác, do vậy " không có cái tôi" (vô ngã - natman).

- Vô thường: Bản chất sự tồn tại của thế giới là một dòng biến chuyển không ngừng (vô thường). Không thể tìm ra nguyên nhân đầu tiên, do vậy không có ai tạo ra thế giới và cũng không có gì vĩnh hằng. Sự biến hiện của thế giới theo chu trình: sinh - trụ - dị - diệt theo luật nhân quả.

4.1.2.2 Về thế giới quan và nhân sinh quan:

- Phật giáo tiếp thu tư tưởng luân hồi và nghiệp của Upanisa là bộ phận kinh Veda của đạo Bà la môn phần nói về tri thức. Theo Phật giáo, sự vật mất đi ở chỗ này là để sinh ra ở chỗ khác. Quá trình thác sinh luân hồi đó do nghiệp chi phối theo nhân quả.

- Theo quan niệm của đạo Phật, để đến được sự giải thoát, mọi người phải nhận thức Bốn chân lý thiêng liêng tuyệt diệu (Tứ diệu đế). Đó là:

+ Khổ đế:

Phật giáo cho rằng đời là bể khổ. Cái khổ ấy không ngoài 8 nỗi khổ: Sinh, lão, bệnh, tử, thụ biệt ly (yêu mà phải xa), oán tăng hội (ghét mà phải ở gần), sở cầu bất đắc (muốn mà không được), thủ ngũ uẩn (khổ vì có sự tồn tại của thân xác).

+ Tập đế (Nhân đế)

Mọi nỗi khổ đều có nguyên nhân. Phật giáo đưa ra "Thập nhị nhân duyên" để chỉ ra nguyên nhân của sự khổ. Đó là: vô minh, hành, thức, danh sắc, lục căn, xúc, thụ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử.

+ Diệt đế: Phật giáo khẳng định có thể tiêu diệt nỗi khổ và chấm dứt luân hồi.

+ Đạo đế: Con đường giải thoát, diệt khổ thực chất là tiêu diệt vô minh (sự tăm tối, không sáng suốt), gồm 8 con đường (Bát chính đạo). Đó là:

Chính kiến : hiểu biết đúng.

Chính tư duy: suy nghĩ đúng.

Chính ngữ: giữ lời nói chân chính.

Chính nghiệp : Nghiệp có hai loại là tà nghiệp và chính nghiệp. Tà nghiệp phải sửa, chính nghiệp phải giữ. Nghiệp có thân nghiệp (do hành động gây ra), khẩu nghiệp, ý nghiệp.

Chính mệnh: tiết chế dục vọng, giữ điều răn.

Chính tinh tiến: hăng hái truyền bá chân lý của Phật.

Chính niệm: hằng nhớ Phật, niệm Phật.

Chính định: tĩnh tâm, tập trung tư tưởng nghĩ về Tứ diệu đế, vô ngã, vô thường...

Theo Bát chính đạo, con người có thể diệt trừ vô minh, giải thoát, nhập vào cõi niết bàn - Nirvana. Niết Bàn là trạng thái yên tĩnh, sáng suốt, chấm dứt sinh tử, luân hồi. Như vậy Phật giáo có tư tưởng biện chứng, mang tính duy tâm chủ quan.

Chú ý: Bát chính đạo còn gọi là Tam học: Tuệ (chính kiến, chính tư duy, chính ngữ), Giới (chính nghiệp, chính mệnh), Định (chính tinh tiến, chính niệm, chính định)

- Đặc điểm của Phật giáo là không đề cập vị thần sáng tạo thế giới và con người. Đây là nét độc đáo trong thế giới quan Phật giáo. Về nhân sinh quan, Phật giáo đề cao vai trò của con người trong cuộc sống hiện thực.

4.1.3 Giáo luật của Phật giáo

Kinh luật tạng trình bày những phép tắc, giới luật. Về cơ bản, đạo Phật có hai giới luật quan trọng là ngũ giới và thập thiện, quy định những điều mà những người theo đạo phải tuân theo

- Ngũ giới :

+ Giới sát (không sát sinh).

+ Giới đạo (không trộm cắp).

+ Giới dâm (không tà dâm).

+ Giới vọng ngữ (không được nói điều sai trái).

+ Giới tửu (không uống rượu).

- Thập thiện :

+ Về thân: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm.

+ Về khẩu: không nói dối, không nói hai chiều, không ác khẩu, không thêu dệt.

+ Về ý: Không tham lam, không giận dữ, không tà kiến.

- Ngoài những quy định trên, người tu hành còn phải thực hiện một số điều cấm khác. Các vị sư từ Đại đức trở lên phải theo giới luật nghiêm hơn:

+ Hàng Tỳ kheo : nam 250 giới, Tì kheo nữ 348 giới.

+ Hàng Sa di: phải thực hiện 10 giới: không sát sinh, không trộm cắp, không dâm dục, không nói điều sai, không uống rượu, không trang điểm, không nằm giường nệm, không xem ca hát, không giữ vàng bạc, không ăn quá giờ quy định).

4.1.4 Tổ chức của đạo Phật

- Tổ chức Phật giáo không chặt chẽ. Phật giáo không có giáo quyền, không thống nhất cách tu hành, có nhiều tông phái và sơn môn.

- Người theo đạo Phật được chia làm hai loại:

+ Người tu hành: phải thoát ly gia đình và các sinh hoạt xã hội, đi tu ở chùa theo quy định. Nam tu sĩ gọi là Tăng, nữ tu sĩ gọi là Ni.

+ Người tu tại gia: thờ Phật, lễ Phật tại nhà và tuân theo Ngũ giới và Thập thiện.

- Về hệ thống chức sắc và các nhà tu hành:

+ Đối với Tăng:

* Hòa thượng : có 40 năm tu, 60 năm tuổi đời và từ Thượng tọa được tấn phong lên.

* Thượng tọa: có 30 năm tu, 50 năm tuổi đời và từ Đại đức được tấn phong lên.

* Đại đức: là hàng Tỳ kheo, được thọ giới sau khi xuất gia khoảng 10 năm trở lên.

* Sa di: được thọ giới từ Tiểu lên.

* Tiểu: người xuất gia tu hành.

+ Đối với Ni:

Gồm có Ni trưởng, Ni sư, Ni cô, Sadini, Tiểu cũng phải thọ giới và tấn phong như bên Tăng.

- Phật giáo gồm hai phái là Đại thừa, Tiểu thừa. Từ hai phái đó mỗi phái lại chia thành nhiều tông nên hay gọi là "tông phái".

+ Đại thừa (cỗ xe lớn): phái này cho rằng con người có thể giác ngộ bằng tự lực và bằng tha lực tức bằng sự dẫn dắt của người khác, đặc biệt là của các vị Bồ Tát. Do đó phải "tự giác giác tha, tự độ độ tha" tức mình đã giác ngộ thì phải giác ngộ người khác. Ở Việt Nam phái Đại thừa còn gọi là Bắc tông.

+ Tiểu thừa (cỗ xe nhỏ): Mỗi người phải lo tu thân, giác ngộ chỉ bằng tự lực. Ở Việt Nam phái Tiểu thừa còn gọi là Nam tông.

4.2 Phật giáo ở Việt Nam[2]

4.2.1 Sự du nhập Phật giáo vào Việt Nam

- Phật giáo truyền vào Việt Nam rất sớm. Một số sách sử ghi rằng nơi đầu tiên là Luy Lâu (Bắc Ninh) vào cuối thế kỷ thứ hai. Phật giáo vào Việt Nam bằng hai con đường: đường thủy thông qua việc buôn bán với thương gia Ấn Độ và đường bộ qua sự giao lưu văn hóa với Trung Quốc.

- Đạo Phật đến với Việt Nam thông qua con đường hòa bình, mặt khác giáo lý của Phật giáo chuyển tải tư tưởng bình đẳng, bác ái, cứu khổ, cứu nạn.... gần gũi tín ngưỡng, văn hóa Việt Nam nên được các cư dân Việt Nam dễ dàng chấp nhận.

- Trải qua gần 2000 năm tồn tại, Phật giáo lúc thịnh lúc suy và trải qua nhiều bước thăng trầm. Có thời kỳ Phật giáo được coi là quốc đạo. Tư tưởng, văn hóa, đạo đức Phật giáo đã bám rễ và ảnh hưởng sâu sắc đến con người và xã hội Việt Nam.

4.2.2 Phật giáo việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến nay

- Vào những năm 20 – 30 của thế kỷ XX, do yêu cầu nội tại của Phật giáo Việt Nam và do tác động của các cuộc chấn hưng Phật giáo ở Trung Quốc, Nhật Bản, Phật giáo Việt Nam đi vào chấn hưng và có sự khởi sắc. Một bộ phận Phật giáo duy trì hoạt động có tổ chức, một số cơ sở đào tạo tăng tài lần lượt ra đời và Phật giáo đã tạo ra được những phong trào lớn cho lịch sử Phật giáo và lịch sử dân tộc.

- Các chính quyền thực dân thường dựa vào Công giáo để xây dựng bộ máy thống trị (Thực dân Pháp dựa vào Công giáo để xây dựng bộ máy chính quyền. Đăïc biệt chính quyền Ngô Đình Diệm đã dựa vào Mỹ và Công giáo để xây dựng bộ máy thống trị) và vì vậy đã phân biệt đối xử hoặc chèn ép Phật giáo. Chính vì vậy nhiều phong trào Phật giáo đã nổ ra để chống sự kỳ thị và đàn áp Phật giáo, phát động phong trào yêu nước chống đế quốc xâm lược. Những phong trào đã làm cho có sự khác biệt nhất định giữa Phật giáo ở hai miền Nam – Bắc. Nếu như Phật giáo miền Bắc là khá thuần nhất thì bộ mặt Phật giáo miền Nam lại rất đa dạng, không chỉ về hệ phái kiến trúc, về cách bố cục trong chùa, về giáo lý mà còn cả trong sự hòa quyện với các tôn giáo khác, thậm chí là yếu tố tạo thành các tôn giáo mới.

- Phật giáo Việt Nam có truyền thống đoàn kết trong cộng đồng dân tộc. Do có sự biến đổi và phân hóa mà lịch sử đã để lại đa số chức sắc tín đồ Phật giáo có nguyện vọng thống nhất trong một Giáo hội Phật giáo toàn quốc. Sau khi cả nước thống nhất, năm 1981 các tổ chức hệ phái Phật giáo trong cả nước đã tổ chức đại hội, thống nhất làm một và lấy tên: "Giáo hội Phật giáo Việt Nam". Đại hội đã thông qua hiến chương, chương trình hành động và bầu ra cơ quan lãnh đạo.

- Giáo hội Phật giáo Việt Nam bao gồm hai Hội đồng ở Trung ương: Hội đồng chứng minh và Hội đồng trị sự. Ở các tỉnh, thành phố có các Ban trị sự, dưới nữa có các Ban đại diện Phật giáo Quận, Huyện, Thị.

- Hiện nay số tín đồ Phật giáo khoảng 7,6 triệu người với 21 ngàn chức sắc và tu hành, 14 ngàn nơi thờ tự. Đa số chức sắc tín đồ Phật giáo tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước, gắn bó với dân tộc, thực hiện chủ trương chính sách nhà nước theo phương châm "Đạo pháp – Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội". Gần đây, Phật giáo bắt đầu chú ý đến việc nâng cao hiểu biết cho tăng ni và tín đồ bằng các lớp học, các buổi thuyết giảng, in ấn các loại sách, tham gia vào các công tác xã hội từ thiện... và vào cả các công việc của nhà nước, chính quyền địa phương với tư cách là đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, ủy viên Hội đồng nhân dân các cấp. Phật giáo cũng góp phần tích cực vào việc giữ gìn truyền thống văn hóa, đạo đức của dân tộc và sự lành mạnh của xã hội.

- Bên cạnh những đóng góp, Phật giáo cũng còn những mặt tồn tại. Trình độ văn hóa nói chung và việc tu học giáo lý còn nhiều hạn chế. Đội ngũ tăng ni am hiểu kinh pháp chưa nhiều. Số lượng tăng ni còn thiếu và còn yếu. Một vài nơi trong các chức sắc và Ban trị sự Phật giáo tỉnh, thành thiếu sự gắn bó giáo lý giữa các sơn môn, pháp phái, thiếu đoàn kết và thống nhất trong hoạt động của giáo hội. Ở vài chùa diễn ra không ít các tệ mê tín. Nhiều chùa tăng phần trai đàn, cầu siêu, cúng sao giải hạn, cầu an, cúng cô hồn thậm chí cả sắc quẻ, bói toán, tăng thùng công đức... để kinh doanh.

[2]This content is available online at <http://cnx.org/content/m27975/1.1/>.

4.3 Câu hỏi trắc nghiệm về "Phật giáo"[3]

Exercise 4.1 ***(Solution on p. 33.)***

(select one)

a) Phật
b) Bụt
c) Người giác ngộ
d) Thái tử

Exercise 4.2 ***(Solution on p. 33.)***

(select one)

a) Kinh tạng
b) Luật tạng
c) Luận tạng
d) Cả a, b, c cùng đúng

Exercise 4.3 ***(Solution on p. 33.)***

(select one)

a) Tất cả sự vật, hiện tượng cũng như bản thân ta là có thực
b) Thế giới hữu hình là do sự hợp lại của ngũ uẩn
c) Bản chất của sự tồn tại của thế giới là một dòng biến chuyển không ngừng
d) Sự biến hiện của thế giới theo chu trình Sinh – Trụ – Dị - Diệt

Exercise 4.4 ***(Solution on p. 33.)***

(select one)

a) Phật giáo ra đời ở miền Bắc Aán Độ cổ đại (Nay thuộc Nêpan)
b) Người sáng lập Phật giáo là Thái tử Tất Đạt Đa (Siddhartha)
c) Sự ra đời của Phật giáo thể hiện sự phản kháng của người nghèo chống lại thuyết 4 đẳng cấp của đạo Bà la môn
d) Tất cả cùng đúng

Exercise 4.5 ***(Solution on p. 33.)***

(select one)

a) Đề xướng tư tưởng vô ngã - vô thường
b) Lý thuyết Tứ diệu đế
c) Không đề cập đến vị thần sáng tạo ra thế giới
d) Tất cả cùng đúng

Exercise 4.6 ***(Solution on p. 33.)***

(select one)

a) Có 30 năm tu, 50 năm tuổi đời và từ Đại đức tấn phong lên
b) Có 40 năm tu, 50 năm tuổi đời và từ Đại đức tấn phong lên
c) Có 30 năm tu, 60 năm tuổi đời và từ Đại đức tấn phong lên
d) Có 40 năm tu, 60 năm tuổi đời và từ Đại đức tấn phong lên

Exercise 4.7 ***(Solution on p. 33.)***

(select one)

a) Phái Đại thừa gọi là Nam tông, phái tiểu thừa gọi là Bắc tông
b) Phái Đại thừa gọi là Bắc tông, phái Tiểu thừa gọi là Nam tông
c) Phái Tiểu thừa và Đại thừa ở phía Bắc gọi là Bắc tông; phái Đại thừa và Tiểu thừa ở phía Nam gọi là Nam tông
d) Cả ba đều không đúng

[3]This content is available online at <http://cnx.org/content/m27653/1.1/>.

Exercise 4.8 ***(Solution on p. 33.)***

(select one)

a) Thế kỷ VI trước công nguyên
b) Đầu Công Nguyên
c) Thế kỷ thứ II
d) Thế kỷ VI

Exercise 4.9 ***(Solution on p. 33.)***

(select one)

a) Công giáo
b) Phật giáo
c) Tin Lành
d) Hồi giáo

Exercise 4.10 ***(Solution on p. 33.)***

(select one)

a) Thế kỷ VII TCN
b) Thế kỷ VI TCN
c) Thế kỷ V TCN
d) Thế kỷ IV TCN

Solutions to Exercises in Chapter 4

Solution to Exercise 4.1 (p. 31)
Solution to Exercise 4.2 (p. 31)
Solution to Exercise 4.3 (p. 31)
Solution to Exercise 4.4 (p. 31)
Solution to Exercise 4.5 (p. 31)
Solution to Exercise 4.6 (p. 31)
Solution to Exercise 4.7 (p. 31)
Solution to Exercise 4.8 (p. 32)
Solution to Exercise 4.9 (p. 32)
Solution to Exercise 4.10 (p. 32)

Chương 5

Công giáo

5.1 Những vấn đề cơ bản về Công giáo[1]

5.1.1 Khái quát chung về lịch sử Kitô giáo

5.1.1.1 Sự ra đời Kitô giáo

- Kitô giáo xuất hiện vào thế kỷ thứ I ở các tỉnh phía đông của đế quốc La Mã với chế độ chiếm hữu nô lệ. Đế chế La Mã tiến hành nhiều cuộc chiến tranh xâm lược tàn khốc, tạo ra nhiều mâu thuẫn và xung đột gay gắt trong đời sống xã hội. Trong bối cảnh ấy đã làm nảy sinh những tư tưởng được giải phóng và tự do. Bên cạnh đó, vùng Trung Cận đông là nơi tiếp giáp 3 châu lục, dân cư ở đây vốn theo đa thần giáo, trong quá trình thống nhất của đế chế đã xuất hiện yêu cầu thống nhất về tư tưởng, trong đó có nhu cầu về tôn giáo độc thần, vì vậy Kitô giáo đã ra đời trên cơ sở của Do Thái giáo vốn đang tồn tại ở vùng này

- Sự ra đời của Kitô giáo gắn với tên tuổi của Giêsu Kitô. Ông sinh ra vào đầu Công nguyên, theo truyền thuyết, bà Maria đã mang thai một cách màu nhiệm và sinh ra ông. Giêsu là người thông minh. Trên cở sở kinh thánh và những nghiên cứu hiện có, ta có thể biết được vài điểm về cuộc sống của Giêsu như sau:

+ Giêsu là người Do Thái.
+ Sống ở đầu thế kỷ I sau Công nguyên.
+ Khoảng 30 tuổi thì bắt đầu truyền, giảng đạo khoảng 3 năm.
+ Thu nhận và đào tạo 12 người thành Thánh tông đồ. Phêrô là Thánh tông đồ cả.
+ Bị sự ghen ghét của các phần tử Do Thái giáo.
+ Sau khi bị kết tội "mưu phản La Mã", bị đóng đinh chết trên thập tự giá.

Sau khi Giêsu qua đời, Kitô giáo được hình thành.

5.1.1.2 Sự phát triển của Kitô giáo

- Kitô giáo trong thời kỳ cổ đại:

Đây là thời kỳ Kitô giáo xuất hiện và hoạt động trong cộng đồng người Do Thái nhưng bị những người theo Do Thái giáo đả kích và chính quyền La Mã đàn áp. Sang thế kỷ II, tầng lớp quý tộc dần theo Kitô giáo làm thay đổi vị trí và ảnh hưởng của nó, đến cuối thế kỷ II, Kitô giáo trở thành quốc giáo của Đế chế La Mã.

- Kitô giáo trong thời trung cổ:

Kitô giáo chi phối mọi mặt đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của nhiều nước phong kiến châu Âu. Quá trình mở rộng ảnh hưởng của đạo Kitô đã gây ra nhiều cuộc xung đột, mâu thuẫn gay gắt giữa Kitô giáo với Do Thái giáo và Hồi giáo với những cuộc Thập tự chinh tàn khốc và đẫm máu. Ngay trong bản thân trong Kitô giáo cũng nảy sinh mâu thuẫn gay gắt, quyết liệt dẫn đến sự phân hoá Kitô giáo lần

[1]This content is available online at <http://cnx.org/content/m27970/1.1/>.

thứ nhất vào năm 1054 thành 2 phái: Công giáo – thế lực lớn nhất ở phía Tây La Mã. Chính thống giáo ở phía Đông La Mã.

- Kitô giáo trong thời kỳ cận – hiện đại:

Đến thế kỷ XVI, sự ra đời, phát triển của giai cấp tư sản và phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã xuất hiện yêu cầu cải cách Kitô giáo, Với những sự cải cách của Mactin Luthơ (1483 – 1546) và Giăng Canvanh (1509 – 1546) đã làm xuất hiện Giáo hội cải cách gọi là Tin lành. Cũng thời kỳ này vua Anh tách Công giáo ở Anh khỏi sự chỉ đạo của Giáo Hoàng và lập ra Anh giáo. Ngày nay, Kitô giáo có hơn 400 dòng khác nhau trong đó có 4 nhánh lớn là Công giáo, Chính thống giáo, đạo Tin Lành và Anh giáo.

5.1.2 Nội dung cơ bản của giáo lý Công giáo

Giáo lý Công giáo là một hệ thống từ giản đơn cho tín đồ đến phức tạp của các học thuyết kinh viện với các quan điểm triết học và thần học siêu hình, căn cứ vào kinh thánh nhưng phải dựa vào những lời giải thích truyền thống và là thẩm quyền của Giáo hội. Tín đồ không có quyền kê cứu kinh thánh. Luật lệ, lễ nghi của Công giáo rất phức tạp (12 tín điều trong kinh tín kính,10 điều răn của Chúa, 6 điều răn của Hội thánh, 7 phép bí tích, 1752 điều luật). Công giáo đề cao thuyết thần quyền tuyệt đối (mọi việc do Chúa định) và thuyết giáo quyền tập trung (Giáo Hoàng là đại diện Thiên chúa ở trần gian).

5.1.2.1 Kinh thánh

- Kinh thánh theo quan niệm của giáo hội là "lời Chúa truyền dạy đời đời" là một bộ sách gồm 73 quyển được chia làm 2 bộ Tân ước và Cựu ước. Ban đầu Kinh thánh được truyền khẩu trong dân gian. Đến thế kỷ II thì bắt đầu được viết trên da dê, từ thế kỷ IV – VI được viết trên giấy Papêrút và đến thế kỷ VII mới viết thành sách. Kinh thánh là một kho tàng lịch sử và điển tích văn học. Trong Kinh thánh bao gồm toàn bộ toàn bộ quan điểm, tư tưởng của giáo lý và tín điều của các đạo Kitô. Tùy theo đạo mà số kinh này được chấp nhận theo yêu cầu của giáo lý các đạo. Ví dụ Đạo Chính thống chú trọng 5 cuốn đầu tiên của Kinh Cựu ước. Đạo Tin Lành lại lấy 4 cuốn Kinh Phúc âm làm giáo nghĩa cơ bản....

- Kinh thánh chia làm 2 bộ:

+ Bộ Cựu ước: có 46 cuốn. Kể về những chuyện trước khi Chúa Giê su ra đời. Bộ này chia làm 4 tập.

Tập 1: Bao gồm 5 cuốn đầu tiên (Ngũ kinh) gồm Sáng thế ký, Xuất hành ký, Lê vi ký, Dân số ký, và Thân mệnh ký.

Tập 2: là bộ sử thư gồm 16 cuốn.

Tập 3:gồm 7 cuốn là những thi ca Triết học.

Tập 4: gồm 14 cuốn sách Tiên tri.

+ Bộ Tân ước: có 27 cuốn chia làm 4 tập.

Tập 1: có 4 quyển sách nổi tiếng gọi là sách Phúc âm. 4 cuốn sách này mô tả cuộc đời của Chúa Giêsu, nhất là 3 năm ông đi truyền đạo.

Tập 2: bao gồm 15 cuốn nói về Công vụ tông đồ. Ghi lại các tông đồ làm việc như thế nào khi Chúa về trời.

Tập 3: có 7 cuốn. Nói về hoạt động của 3 tông đồ giỏi nhất.

Tập 4: có tên là Khải huyền thư. Ghi lại việc con người không nghe lời nên bị Chúa trừng phạt

5.1.2.2 Một số nội dung cơ bản

- Mười hai tín điều cơ bản:

Tín điều là 1 đoạn văn ngắn viết về các giáo lý chủ yếu tạo ra cơ sở cho bất kỳ phong trào tôn giáo nào hay bất kỳ giáo hội nào. Tín điều phải được chấp nhận không điều kiện (không chứng minh).

Đối với Công giáo trong kinh Tín kính có 12 tín điều cơ bản. Trong đó 8 tín điều nói về bản chất Thiên Chúa, sự hiện thân của chúa Giêsu và ơn cứu độ, 4 tín điều còn lại nói về giáo hội, nhà thờ và cuộc sống vĩnh hằng.

Tín điều căn bản đầu tiên là niềm tin vào Thiên Chúa và sự màu nhiệm của Thiên Chúa. Thiên Chúa có ba ngôi: Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Chúa Thánh Thần nhưng cùng một bản thể. Ba ngôi "đồng

vinh, đồng đẳng, đồng quyền" nhưng có chức năng và vai trò khác nhau. Cha – tạo dựng, Con – cứu chuộc, Thánh thần – thánh hoá....

- Bảy phép bí tích:

Phép Bí tích: Một nghi lễ của Thiên Chúa giáo, theo đó ơn Chúa sẽ được đem đến cho các tín đồ.

Trong các nghi lễ, phép bí tích là quan trọng nhất, thể hiện mối quan hệ giao tiếp giữa con người với Chúa. Có 7 bí tích:

1. Bí tích rửa tội: nhằm xóa tội tổ tông và các tội bản thân. Hình thức là lấy nước lã đổ lên đầu kẻ lãnh bí tích rửa tội và đọc "(tên thánh) tôi rửa tội nhân danh cha, con và thánh thần" còn kẻ lãnh bí tích thề hứa bỏ ma quỷ lánh tội lỗi, tin theo Chúa Kitô giữ lề luật của Người.
2. Bí tích thêm sức : để củng cố đức tin kính Chúa
3. Bí tích thánh thể: ăn bánh thánh, uống rượu nho với ý nghĩa đó là mình và máu của Chúa Giêsu để được tha tội.
4. Bí tích giải tội: dành cho người sám hối tội lỗi.
5. Bí tích truyền chức thánh: chỉ dành cho giám mục và linh mục đã được tuyển chọn để họ có quyền tế lễ chăn dắt dân chúa.
6. Bí tích hôn phối: là bí tích kết hợp hai tín hữu 1 nam, 1 nữ thành vợ chồng trước mặt Chúa.
7. Bí tích xức dầu bệnh nhân: là bí tích nâng đỡ bệnh nhân về phần hồn và phần xác, giúp tín đồ chịu đựng đau khổ, dọn mình trước cái chết.

- Mười điều răn của Chúa

1. Phải thờ kính Thiên Chúa trên hết mọi sự.
2. Không được lấy danh Thiên Chúa để làm những việc phàm tục, tầm thường.
3. Dành ngày Chúa Nhật để thờ phụng Thiên Chúa
4. Thảo kính cha mẹ.
5. Không được giết người.
6. Không được dâm dục.
7. Không được tham lam lấy của người khác
8. Không được làm chứng dối, che dấu sự giả dối.
9. Không được ham muốn vợ (hoặc chồng) người khác.
10. Không được ham muốn của cải trái lẽ.

- Sáu điều răn của Hội Thánh

1. Xem lễ ngày Chúa Nhật và ngày lễ buộc.
2. Kiêng việc xác ngày Chúa Nhật.
3. Xưng tội một năm một lần.
4. Chịu lễ ngày phục sinh.
5. Giữ chay những ngày quy định.
6. Kiêng ăn thịt những ngày quy định.

5.1.3 Tổ chức của Công giáo

5.1.3.1 Quan niệm của Công giáo về Giáo hội

Giáo hội theo nghĩa thông thường là tổ chức của tôn giáo bao gồm toàn thể các thành viên của một tôn giáo, có hệ thống tổ chức từ trung ương đến cơ sở.

Trước đây, khi nhắc đến giáo hội, Công giáo thường hiểu là một tổ chức mà chủ yếu nhấn mạnh đến chức năng lãnh đạo, truyền giảng bao gồm các chức sắc từ Giáo Hoàng đến các hồng y, giám mục, linh mục, tu sĩ... mà quên mất các tín đồ, các "con chiên", cơ sở của công giáo. Ngày nay giáo hội được Công giáo hiểu bao hàm các giáo phẩm, tu sĩ, giáo dân. Tức vừa là tổ chức lãnh đạo, chế định ra các thể chế, truyền bá, giáo dục... vừa là toàn thể cộng đồng tôn giáo – một cộng đồng mà Chúa là đấng tối cao.

Cơ quan lãnh đạo giáo hội công giáo thế giới ở Toà thánh Vaticăng, do Giáo hoàng trực tiếp lãnh đạo, bên dưới là đoàn Hồng y giáo chủ do chính Giáo hoàng bổ nhiệm. Cơ quan chủ yếu của Toà thánh gồm có: Quốc vụ viện, Cục văn thư, Cục tài chính, Toà án, Thánh bộ và Ban bí thư...

5.1.3.2 Phẩm trật trong giáo hội Công giáo

- Giáo hoàng

Theo quan niệm của Công giáo. Giáo hoàng là người kế vị Thánh Phêrô (Pierre) và thay mặt Đức Chúa Giêsu làm đầu Hội thánh ở trần gian. Đức Giáo hoàng là biểu tượng và cơ sở của sự thống nhất trong đức tin và sự hiệp thông của các tín đồ.

Giáo hoàng có quyền lực cao nhất và có trách nhiệm điều khiển mọi công việc của Hội thánh

- Giám mục

Dưới Toà thánh Vaticăng là Hội thánh ở các địa phận. Điều khiển các Toà thánh ở địa phận là các giám mục. Giám mục có quyền lực tối cao trong địa phận mình cai quản và tuyệt đối tuân lệnh Giáo hoàng. Giám mục điều hành mọi công việc của địa phận, mỗi năm không được vắng quá 3 tháng ở các địa phận, không được cư ngụ ở nhà anh em

- Linh mục

Cơ sở thấp nhất của Hội thánh là Giáo xứ (xứ đạo, họ đạo). Điều khiển giáo xứ và chăn dắt tín đồ là linh mục, linh mục tuyệt đối tuân lệnh giám mục. Có hai loại linh mục: linh mục "Triều" là những linh mục theo đơn vị hành chính từ xứ họ trở lên, linh mục "Dòng" là linh mục làm chuyên môn. Các linh mục có nhiệm vụ chăm sóc giáo dân, không được rời xa quá 2 tháng trong một năm, quyền lợi của các linh mục là quyền được làm các bí tích và và giáo huấn cho các tín đồ.

Việc đào tạo một linh mục rất được coi trọng. Linh mục "Triều" phải qua 7 năm ở chủng viện, 2 năm giúp xứ, 6 năm học ở Đại chủng viện (học Triết học, tâm lý, ngoại ngữ, tâm lý, xã hội học, siêu hình học giáo sử...). Sau đợt sát hạch về về tư cách, ý chí, sức khoẻ, thi cử... các chủng sinh mới được thụ phong linh mục.

Việc thụ phong từ linh mục lên giám mục cũng rất phức tạp: phải trên 30 tuổi, đã có 5 năm làm linh mục, có bằng cử nhân hoặc tiến sĩ thần học. Việc thụ phong giám mục phải trải qua 3 giai đoạn: đề nghị (hay tiến cử) của giáo dân, giai đoạn tuyên nhiệm (bổ nhiệm) của Giáo hoàng, và cuối cùng là thụ phong.

5.2 Công giáo ở Việt Nam[2]

5.3 Câu hỏi trắc nghiệm về "Công giáo"[3]

Exercise 5.1 ***(Solution on p. 41.)***

(select one)

a) Hồi giáo
b) Công giáo
c) Do Thái giáo
d) Phật giáo

Exercise 5.2 ***(Solution on p. 41.)***

(select one)

a) 1
b) 2
c) 3
d) 4

Exercise 5.3 ***(Solution on p. 41.)***

(select one)

a) Quyển sách ghi lại hoạt động của giáo hội
b) Lịch sử Công giáo
c) Là "Lời chúa truyền dạy đời đời"
d) Tất cả cùng đúng

[2]This content is available online at <http://cnx.org/content/m27657/1.1/>.
[3]This content is available online at <http://cnx.org/content/m27640/1.1/>.

Exercise 5.4 ***(Solution on p. 41.)***

(select one)

a) Cựu ước và Tân ước với 70 quyển
b) Cựu ước và Tân ước với 72 quyển
c) Cựu ước và Tân ước với 73 quyển
d) Cựu ước và Tân ước với 75 quyển

Exercise 5.5 ***(Solution on p. 41.)***

(select one)

a) Là điều mà người ta phải tin
b) Là một đoạn giáo lý chủ yếu mà tín đồ chấp nhận không cần chứng minh
c) Là những điều không thể chứng minh
d) Là những đoạn giáo lý mà tín đồ thuộc

Exercise 5.6 ***(Solution on p. 41.)***

(select one)

a) 6
b) 10
c) 12
d) Tất cả đều sai

Exercise 5.7 ***(Solution on p. 41.)***

(select one)

a) Là một loại nghi lễ
b) Là những sự tích bí ẩn
c) Là sự hoá thân
d) Sự ban phước lành

Exercise 5.8 ***(Solution on p. 41.)***

(select one)

a) Là người đứng đầu các tín đồ Công giáo
b) Là người lãnh đạo Toà thánh Vaticăng
c) Là người thay mặt đức Chúa Giêsu làm đầu hội thánh ở trần gian
d) Là người kế vị thánh Phêrô, thay mặt đức Chúa Giêsu làm đầu hội thánh ở trần gian

Exercise 5.9 ***(Solution on p. 41.)***

(select one)

a) Trên 30 tuổi, 5 năm làm linh mục, có bằng cử nhân hoặc tiến sĩ thần học
b) Trên 35 tuổi, 5 năm làm linh mục, có bằng cử nhân hoặc tiến sĩ thần học
c) Trên 35 tuổi, 10 năm làm linh mục, có bằng cử nhân hoặc tiến sĩ thần học
d) Trên 40 tuổi, 10 năm làm linh mục, có bằng cử nhân hoặc tiến sĩ thần học

Exercise 5.10 ***(Solution on p. 41.)***

(select one)

a) Thế kỷ XIV
b) Thế kỷ XVI
c) Thế kỷ XVIII
d) Thế kỷ XIX

Exercise 5.11 ***(Solution on p. 41.)***

(select one)

a) Thời kỳ đầu, Công giáo truyền vào Việt Nam ít gặp trở ngại
b) Nhà Nguyễn luôn tạo điều kiện thuận lợi cho Công giáo phát triển
c) Trong chế độ thực dân, giáo hội Công giáo có nhiều đặc quyền, đặc lợi
d) Trong chế độ thực dân, giáo hội Công giáo Việt Nam bị coi là giáo hội thuộc địa

Exercise 5.12 ***(Solution on p. 41.)***

(select one)

a) 1976
b) 1978
c) 1980
d) 1982

Solutions to Exercises in Chapter 5

Solution to Exercise 5.1 (p. 38)
Solution to Exercise 5.2 (p. 38)
Solution to Exercise 5.3 (p. 38)
Solution to Exercise 5.4 (p. 39)
Solution to Exercise 5.5 (p. 39)
Solution to Exercise 5.6 (p. 39)
Solution to Exercise 5.7 (p. 39)
Solution to Exercise 5.8 (p. 39)
Solution to Exercise 5.9 (p. 39)
Solution to Exercise 5.10 (p. 39)
Solution to Exercise 5.11 (p. 39)
Solution to Exercise 5.12 (p. 40)

Chương 6

Đạo Tin lành

6.1 Khái quát về đạo Tin lành[1]

6.1.1 Sự ra đời đạo Tin lành

Sự phân liệt lần thứ hai của đạo Kitô vào đầu thế kỷ XVI dẫn đến sự ra đời của đạo Tin lành. Cuộc cải cách này gắn liền với tên tuổi hai đại biểu la Máctin Luthơ (1483 – 1546) và Giăng Canvanh (1509 – 1546).

Thế kỷ XVI là thế kỷ mở đầu cho các cuộc cách mạng tư sản châu Âu. Máctin Luthơ chịu ảnh hưởng của tư tưởng tự do tư sản, phản kháng lại những quy định khắc nghiệt của của Công giáo. Ông thừa nhận Thánh kinh nhưng phủ nhận truyền thống của nhà thờ, bãi bỏ những nghi lễ phiền toái, cải cách lại ngày phục sinh của chúa, chủ trương cho phép các mục sư lấy vợ... Những tư tưởng cải cách này đã dẫn tới xung đột gay gắt quyết liệt với Toà thánh Vaticăng và dẫn đến việc ra đời một tôn giáo mới : đạo Tin Lành.

Nói chung về nội dung cơ bản của đạo Tin lành vẫn giữ nguyên như Công giáo nhưng về luật lệ, lễ nghi, cách thức hành đạo và cơ cấu tổ chức Giáo hội có nhiều thay đổi, ảnh hưởng khá đậm nét tư tưởng dân chủ tư sản, nhấn mạnh ý chí cá nhân.

6.1.2 Giáo lý cơ bản của đạo Tin lành

- Đạo Tin lành đề cao vị trí của kinh thánh, coi đó là chuẩn mực căn bản duy nhất của đức tin và sự hành đạo. Lấy kinh thánh làm giáo lý nhưng đạo Tin lành chỉ công nhận 36 trong tổng số 46 cuốn Cựu ước. Khác với Công giáo, đạo Tin lành không coi Kinh thánh là cuốn sách chỉ có một số người (giáo sĩ) được quyền kê cứu, giảng giải mà tín đồ, giáo sĩ đạo Tin lành đều có quyền sử dụng, nói và làm theo Kinh thánh.

- Đạo Tin lành tin rằng Đức mẹ Maria sinh ra Chúa Giêsu một cách mầu nhiệm nhưng xem bà không phải là mẹ Thiên chúa và chỉ đồng trinh cho đến khi sinh ra Chúa. Tin có thiên sứ, các thánh tông đồ, các thánh tử vì đạo và các thánh khác nhưng không sùng bái và thờ lạy họ như trong Công giáo. Tin có Thiên đàng và Địa ngục nhưng không coi trọng đến mức dùng nó làm công cụ để khuyến khích và răn đe, trừng phạt con người.

6.1.3 Nghi lễ của đạo Tin lành

- Nghi lễ đạo Tin lành khá đơn giản. Đạo không thờ tranh ảnh, hình tượng cũng như di vật. Thánh ca trở thành phương tiện diễn đạt hàng đầu. Tín đồ đạo Tin lành chỉ thừa nhận hai bí tích rửa tội và thánh thể song quan niệm và cách tiến hành nghi lễ đó cũng có nhiều nội dung khác với Công giáo.

- Tín đồ Tin lành xưng tội trực tiếp với Thiên Chúa (Công giáo phải thông qua Linh mục. Khi xưng tội, cầu nguyện tín đồ có thể ở nhà thờ, trước đám đông để sám hối, nói lên ý nguyện một cách công khai.

[1]This content is available online at <http://cnx.org/content/m27724/1.1/>.

6.1.4 Tổ chức của đạo Tin lành

- Đạo Tin lành không lập Giáo hội duy nhất mang tính phổ quát cho toàn đạo mà xây dựng các giáo hội riêng rẽ, độc lập với các hình thức khác nhau tuỳ theo hệ phái và từng quốc gia. Nhà thờ đạo Tin lành thường có cấu trúc hiện đại nhưng bài trí đơn giản.

- Giáo sỹ đạo Tin lành có hai chức Mục sư và Truyền đạo (Giảng sư). Các giáo sỹ vẫn có gia đình bình thường nhưng họ phải chịu sự kiểm soát của các tín đồ, không có thần quyền và vai trò tuyệt đối đối với các tín đồ.

- Do nghi lễ đơn giản, những tín đồ Tin lành ít bị gò bó vào nghi thức, họ có khả năng "giao thiệp với Chúa", mặt khác đạo Tin lành quan tâm đến các vấn đề của cuộc sống hàng ngày như khuyên dạy con người sống văn minh, từ bỏ những hủ tục (trong ma chay, cưới xin, cúng lễ...), quy định những điều cấm kỵ như không quan hệ nam nữ bất chính, không có vợ bé, không cờ bạc rượu chè, ma tuý, đánh chửi nhau... và vì thế đạo Tin lành dễ lôi kéo quần chúng theo đạo.

- Đạo Tin lành có một đặc điểm là không chấp nhận điều gì trái với Kinh thánh, không cho tín đồ thờ cúng tổ tiên, các lễ hội... là cái bị coi là khác điều chúa dạy. Vì lẽ đó những thành viên của nhiều dân tộc theo đạo Tin lành bị buộc phải từ bỏ tôn giáo, văn hóa truyền thống của dân tộc mình.

6.2 Đạo tin lành ở Việt Nam[2]

6.2.1 Sự du nhập đạo Tin lành vào Việt Nam

- Đạo Tin lành du nhập vào Việt Nam khoảng cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX do tổ chức Tin lành "Liên hiệp phúc âm truyền giáo" (CMA) truyền vào. Năm 1911 tổ chức này đã xây dựng được cơ sở đầu tiên ở Đà Nẵng. Các Hội thánh tin lành được lần lượt được xây dựng tại các địa phương. Năm 1927, Tổng Hội thánh Tin lành Việt Nam được thành lập. Đến năm 1930, một tổ chức thứ hai là Giáo hội Cơ đốc Phục lâm được truyền vào nước ta.

- Tính đến 1954 đạo Tin lành Việt Nam có khoảng 50.000 tín đồ với gần 100 mục sư truyền đạo trong Tổ chức Hội thánh Tin lành Việt Nam và một số nhỏ tín đồ, mục sư truyền đạo trong tổ chức Cơ đốc Phục lâm.

- Sau năm 1954, đất nước bị chia cắt, đạo Tin lành ở hai miền Nam – Bắc có sự khác nhau: ở miền Bắc, do số đông tín đồ, giáo sĩ đã di cư vào miền Nam và cơ quan Tổng liên hội cũng chuyển vào Sài Gòn nên năm 1955 các tín đồ, mục sư truyền đạo còn ở lại lập nên tổ chức Giáo hội riêng gọi là Tổng hội thánh Tin lành Việt Nam (gọi tắt là Hội thánh Tin lành Miền Bắc) còn tồn tại đến ngày nay với khoảng 10.000 tín đồ. Ở miền Nam, dưới thời Mỹ – Ngụy, Tổng hội Tin lành Việt Nam và các giáo phái nằm trong sự chỉ đạo của các thế lực nước ngoài, nhất là Mỹ. Trong thời gian chiến tranh đạo Tin lành phát triển rộng khắp và đặc biệt chú trọng đến địa bàn Trường Sơn, Tây Nguyên và thường liên quan đến các hoạt động chính trị. Thời kỳ này đạo Tin lành có khoảng 20 hệ phái và các hệ phái này thường tranh giành nhau tín đồ trong đó Tổng Liên hội Hội thánh Tin lành Việt Nam là phái lớn nhất.

6.2.2 Đạo Tin lành ở Việt Nam hiện nay

- Sau ngày miền Nam giải phóng, cùng với sự ra đi của các giáo sĩ nước ngoài và một bộ phận không nhỏ mục sư truyền đạo và tín đồ, đạo Tin lành giảm hoạt động. Một số giáo phái nhỏ hầu như không hoạt động.

- Trong thời gian gần đây, cùng với trào lưu đổi mới Tổng Liên hội Tin lành đã hoạt động trở lại. Các hệ phái liên hệ với nhau, một số phái ra miền Bắc lợi dụng danh nghĩa hợp pháp của Tổng hội thánh Tin lành Việt Nam để truyền đạo. Đặc biệt đạo Tin lành chú trọng phục hồi và phát triển ở Tây nguyên, truyền đạo ở các vùng núi phía Bắc trong các đồng bào dân tộc thiểu số với phương pháp truyền đạo khá đa dạng và linh hoạt. Ngoài việc truyền đạo trực tiếp, các Giáo hội Tin lành thường thông qua các hoạt động khoa học, văn hóa - xã hội, giáo dục, y tế, đầu tư kinh doanh... tranh thủ cảm tình của quần chúng để truyền đạo, thậm chí còn dùng cả các biện pháp mua chuộc, đe dọa và cưỡng ép vào đạo. Hiện nay một số thế lực phản

[2]This content is available online at <http://cnx.org/content/m28114/1.1/>.

động trong và ngoài nước đã bịa đặt ra cái gọi là Nhà nước Đêga độc lập và Tin Lành Đêga ở Tây Nguyên nhằm tuyên truyền, kích động cho sự chia rẽ, ly khai.. Nhà nước Việt Nam đã kiên quyết bác bỏ cái gọi là "Nhà nước Đêga độc lập", coi đây là âm mưu chia rẽ sự toàn vẹn lãnh thổ và gây mất an ninh trật tự của đất nước và khẳng định ở Việt Nam không có cái gọi là đạo Tin Lành Đêga ngoài đạo Tin Lành đã tồn tại ở nước ta trong nhiều năm qua.

6.3 Câu hỏi trắc nghiệm phần Đạo Tin lành[3]

Exercise 6.1 ***(Solution on p. 47.)***

(select one)

a) Thế kỷ XV
b) Thế kỷ XVI
c) Thế kỷ XVII
d) Thế kỷ XVIII

Exercise 6.2 ***(Solution on p. 47.)***

(select one)

a) Đạo Tin Lành ra đời gắn với tên tuổi của hai đại biểu là Mactin Luthơ và Giang Canvanh
b) Đạo Tin Lành cho phép mục sư có gia đình riêng
c) Đạo Tin Lành coi Kinh thánh là cuốn sách mà chỉ có các giáo sĩ mới được kê cứu và giảng giải
d) Đạo Tin Lành coi Kinh thánh là chuẩn mực căn bản duy nhất của sự hành đạo

Exercise 6.3 ***(Solution on p. 47.)***

(select one)

a) Chủ nô
b) Phong kiến
c) Tư sản
d) Cả 3 giai cấp trên

Exercise 6.4 ***(Solution on p. 47.)***

(select one)

a) Cũng tương tự
b) Phức tạp hơn
c) Đơn giản hơn
d) Tất cả đều sai

Exercise 6.5 ***(Solution on p. 47.)***

(select one)

a) Linh mục
b) Giám mục
c) a và b cùng đúng
d) a và b cùng sai

Exercise 6.6 ***(Solution on p. 47.)***

(select one)

a) Đạo Tin Lành chủ trương xây dựng giáo hội riêng rẽ
b) Giáo sĩ đạo Tin Lành có vai trò tuyệt đối với các tín đồ
c) Giáo sĩ đạo Tin Lành chịu sự kiểm soát của các tín đồ
d) Nhà thờ đạo Tin Lành có cấu trúc hiện đại nhưng bài trí đơn giản

[3]This content is available online at <http://cnx.org/content/m27648/1.1/>.

Exercise 6.7 ***(Solution on p. 47.)***

(select one)

a) Liên hiệp phúc âm truyền giáo
b) CMA
c) Giáo hội Cơ đốc phục lâm
d) a và b cùng đúng

Exercise 6.8 ***(Solution on p. 47.)***

(select one)

a) Năm 1901
b) Năm 1911
c) Năm 1927
d) Năm 1939

Exercise 6.9 ***(Solution on p. 47.)***

(select one)

a) Có
b) Không
c) Mới có gần đây

Exercise 6.10 ***(Solution on p. 47.)***

(select one)

a) Kích động sự ly khai trong cộng đồng dân tộc ở Tây Nguyên
b) Gây ra sự mất ổn định về an ninh trật tự của đất nước
c) Chia rẽ sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam
d) Cả a, b, c cùng đúng

Solutions to Exercises in Chapter 6

Solution to Exercise 6.1 (p. 45)
Solution to Exercise 6.2 (p. 45)
Solution to Exercise 6.3 (p. 45)
Solution to Exercise 6.4 (p. 45)
Solution to Exercise 6.5 (p. 45)
Solution to Exercise 6.6 (p. 45)
Solution to Exercise 6.7 (p. 46)
Solution to Exercise 6.8 (p. 46)
Solution to Exercise 6.9 (p. 46)
Solution to Exercise 6.10 (p. 46)

Chương 7

Hồi giáo

7.1 Những vấn đề cơ bản về Hồi giáo[1]

7.1.1 Khái quát về lịch sử ra đời và phát triển của Hồi giáo

7.1.1.1 Hoàn cảnh lịch sử dẫn đến sự ra đời của hồi giáo

Hồi giáo (tôn giáo của tộc người Hồi) là cách gọi của người Trung Quốc gọi đạo Islam (theo tiếng Ảrập nghĩa là phục tùng theo ý chân chủ) xuất hiện ở bán đảo Ảrập vào khoảng thế kỷ thứ VII. Ảrập Xêut là quê hương của Hồi giáo. Hồi giáo ra đời do hàng loạt nguyên nhân kinh tế, xã hội, tư tưởng gắn liền với sự chuyển biến từ chế độ công xã nguyên thủy sang xã hội có giai cấp của các tộc người vùng Trung cận Đông và yêu cầu thống nhất các bộ lạc trong bán đảo Ảrập thành một nhà nước phong kiến thần quyền do đó cần một tôn giáo độc thần để thay thế những tôn giáo đa thần tồn tại ở đó từ trước.

7.1.1.2 Sự ra đời và phát triển của Hồi giáo

Sự ra đời của Hồi giáo gắn liền với tên tuổi một người nổi tiếng là giáo chủ Mohammed (Mahomet). Mâohammed (570 – 632) là một người thuộc gia tộc Casimu ở Mecca.

Tục truyền rằng khi Mohammed được 40 tuổi (năm 610) ông một mình vào trong một hang nhỏ ớ núi Xira, ngoại thành Mecca để tu luyện và trầm ngâm suy tưởng. Trong một đêm thánh Allah (Ala – Chân chủ) đã cử thiên sứ Gabrien đến truyền đạt Thần dụ và lần đầu tiên "khải thị" cho ông chân lý của Kinh Coran khiến ông trở thành "Thánh thụ mệnh" và ông tự xưng là đã tiếp thụ sứ mệnh của chân chủ trao cho và bắt đầu truyền đạo. Đầu tiên ông bí mật truyền giáo trong số những bạn bè thân thiết và họ trở thành những tín đồ đầu tiên, về sau sự truyền đạo trở nên công khai, đối tượng mở rọâng tới quần chúng ở Mecca nhưng bị giới quý tộc đả kích và bức hại. Môhamet đã trốn được đến Yathrib (sau đổi thành Madinah - Thành phố tiên tri). Ơû đây ông phát động và tổ chức quần chúng đấu tranh và cuộc cách mạng của ông giành được thắng lợi. Sau đó ông tổ chức vũ trang cho các tín đồ (Muslim) và dùng khẩu hiệu "Chiến đấu vì Allah" và đè bẹp được giới quý tộc ở Mecca.

Cùng với việc mở rộng phạm vi truyền đạo Mohamet còn liên minh với các bộ tộc và dùng sức mạnh buộc các thế lực còn lại phải quy thuận theo Hồi giáo. Có thể nói cuộc cách mạng do Mohammed lãnh đạo là một cuộc cách mạng tôn giáo và cải cách xã hội kết hợp với nhau. Sự ra đời của Hồi giáo đã mở ra một thời kỳ lịch sử mới thống nhất trên bán đảo Ảrập.

Hiện nay trên thế giới có khoảng 900 triệu tín đồ Hồi giáo có mặt ở hơn 50 quốc gia trên khắp các châu lục nhưng tập trung chủ yếu ở các nước Ảrập (trừ Li băng và Ixraen) và chiếm đại đa số ở các nước như Iran, Irắc, Pakistan, Apganistan, Thổ Nhĩ Kỳ... và một số nước vùng Trung Á và cả ở Đông nam Á (chủ

[1]This content is available online at <http://cnx.org/content/m27958/1.1/>.

yếu ở Inđonesia). Một số quốc gia tự coi mình là quốc gia Hồi giáo. Tuy nhiên Hồi giáo ở các quốc gia khác nhau nên đã phân chia thành các hệ phái khác nhau nhưng về cơ bản không đối lập nhau.

7.1.2 Nội dung cơ bản của Hồi giáo

7.1.2.1 Giáo lý của Hồi giáo

Đặc điểm giáo lý của Hồi giáo là rất đơn giản nhưng luật lệ và lễ nghi rất phức tạp và nghiêm khắc thậm chí đến mức khắt khe và nhiều khi nó vượt ra khỏi phạm vi tôn giáo và trở thành một chuẩn mực pháp lý của xã hội. Trong Hồi giáo khó thấy ranh giới giữa cái thiêng và cái tục.

Giáo lý cơ bản của Hồi giáo là Kinh Coran (Coran theo nguyên nghĩa tiếng Ảrập là "tụng đọc") vì đó là những lời nói của Môhamet được ghi lại và những lời này do thánh Allah thông qua thiên sứ Gabrien "khải thị" cho Mohammed. Kinh Coran tổng cộng có 30 quyển, 114 chương hơn 6200 tiết (là những đoạn thơ). Nội dung Kinh Coran vô cùng phong phú đại thể bao gồm những tín ngưỡng cơ bản và chế độ tôn giáo của đạo Hồi và những ghi chép về tình hình xã hội trên bán đảo Ảrập đương thời cùng với những chính sách về chủ trương xã hội, quy phạm luân lý đạo đức... Giáo lý Hồi giáo gồm các điểm cơ bản sau:

+ Allah là đấng tối cao sinh ra trời đất.

+ Allah là đấng tối cao sinh ra muôn loài trong đó có con người.

+ Con người là bình đẳng trước Allah nhưng số phận và tài năng tạo nên sự khác nhau giữa những con người .

+ Số phận con người có tính định mệnh và do Allah sắp đăït.

+ Tín đồ Hồi giáo phải luôn có thái độ đúng: trong cộng đồng (Hồi giáo) thì phải kiên nhẫn chịu đựng, phục tùng Allah, đối với người ngoài thì phải kiên quyết bảo vệ mọi lợi ích của Hồi giáo và phải có tinh thần thánh chiến.

+ Về y lý: khuyên bảo con người phải giữ gìn sức khỏe.

+ Những lời khuyên về đạo lý:

- Tôn thờ thần cao nhất là Allah.
- Sống nhân từ độ lượng.
- Thưởng phạt công minh, trừng phạt chủ yếu đối với kẻ thù.
- Thánh chiến là thiêng liêng và bắt buộc.
- Kiên định và nhẫn nại trong mọi thử thách.
- Tin vào định mệnh và sự công minh của Allah.
- Cấm một số thức ăn: thịt heo, rượu bia và các chất có men. (Heo là con vật gắn với khởi nguyên: phát triển là nhờ chăn nuôi).
- Trung thực.
- Không tham của trộm cắp
- Làm lễ và tuân thủ các nghi lễ Hồi giáo.

7.1.2.2 Tín ngưỡng Hồi giáo

Xét về niềm tin, tín đồ Hồi giáo tin vào Alah, sứ giả Mohammed, thiên sứ, thiên kinh, hậu thế.

- Tin vào Alah: Đây là một nội dung quan trọng của tín điều cơ bản. Theo Hồi giáo, Alah là vị thần duy nhất trong vũ trụ, tự sinh ra và bất tử. Alah sáng tạo thế giới, và là chúa tể. Hồi giáo không thờ ảnh tượng của Alah vì họ quan niệm Alah toả khắp nơi, không một hình tượng nào đủ để thể hiện Alah.

- Tin vào sứ giả Mohammed: Giáo lý Hồi giáo cho rằng Allah từng cử nhiều sứ giả đến các dân tộc khác nhau trong những thời kỳ nhất định để truyền đạt ngôn luận của Allah cho con người. Có đến 5 sứ giả. Trong đó Mohammed là sứ giả cuối cùng mà Allah chọn lựa. Đây cũng là sứ giả xuất sắc nhất. Chỉ có Mohammed là được nhận những ngôn luận của Allah một cách đầy đủ nhất.

- Tin Thiên kinh: Allah từng trao thiên kinh cho các sứ giả trước Mohammedû, mỗi người một bộ. Nhưng những bộ ấy không đầy đủ, bị thất lạc hoặc bị người đời sau giải thích sai lệch. Chỉ có bộ thiên kinh mà

Allah truyền cho Mohammed là bộ kinh điển cuối cùng nhưng đầy đủ nhất. Đó là kinh Coran. Vì vậy, kinh Coran dưới mắt người Hồi giáo làø bộ kinh điển thần thánh duy nhất.

- Tin vào Thiên sứ: Thiên sứ do Allah tạo ra, là một loại linh hồn, vô hình trước con người, không có tính thần. Mỗi thiên sứ có một nhiệm vụ. Trong Thiên sứ cũng có sự phân chia cao thấp. Cao nhất là thiên sứ Gabrien. Con người không phải phủ phục trước thiên sứ.

- Tin vào hậu thế: Sẽ có ngày tận thế. Trong ngày ấy, mọi sinh linh sẽ kết thúc để rồi tất cả sống lại nhận sự phán xét của Allah. Dựa vào hành vi của mỗi người mà Allah quyết định: thiên đường dành cho người thiện, địa ngục là nơi của kẻ ác.

7.1.2.3 Nghĩa vụ Hồi giáo

Hệ thống nghĩa vụ của tín đồ Hồi giáo rất rộng và chi tiết, dựa trên cơ sở kinh Coran và sách Thánh huấn.

Các tín đồ có 5 nghĩa vụ chủ yếu. Đó là niệm, lễ, trai, khoá, triều. Đây là 5 trụ cột của Hồi giáo, tạo nên sườn cốt cho đời sống của người Hồi giáo.

- Niệm: tín đồ phải thường xuyên tụng niệm thành tiếng tín điều cơ bản (Vạn vật không phải là Chúa, chỉ có Chân chúa; Mohammed là sứ giả của Chúa).

- Lễ: tức là lễ bái. Các tín đồ mỗi ngày hành lễ 5 lần (sáng, trưa, chiều, tối, đêm). Thứ 6 hàng tuần thì làm lễ tại thánh đường 1 lần vào buổi trưa. Trước khi làm lễ, tín đồ phải rửa mặt, tay chân, quỳ xuống, hướng về đền Kabah để cầu nguyện.

- Trai: tức là trai giới. Tháng 9 theo lịch Hồi là tháng trai giới của Hồi giáo. Trong tháng này mọi tín đồ không ăn uống, quan hệ tính dục từ khi mặt trời mọc đến khi mặt trời lặn, trừ một số trường hợp đặc biệt. Kết thúc tháng này là lễ Phá bỏ sự nhịn đói, các tín đồ sẽ cùng nhau cầu nguyện, sau đó tặng quà cho nhau, và bố thí.

- Khoá: các tín đồ có nghĩa vụ đóng góp cho các hoạt động từ thiện. Sự đóng góp đó có thể là tự nguyện, nhưng cũng có khi là bắt buộc dựa vào tài sản của tín đồ (khoảng 1/40 tài sản).

- Triều: Các tín đồ có nghĩa vụ hành hương về Mecca ít nhất 1 lần trong cuộc đời, để triều bái Kabah trong tháng 12 theo lịch Hồi (hành hương Haji). Cuộc lễ triều bái kéo dài trong 10 ngày. Ngày cuối cùng tín đồ sẽ hiến lễ là một con cừu hoặc lạc đà, hoặc một con vật có sừng. Triều bái Mecca trong dịp này là chính triều. Còn phó triều thì diễn ra trong thời gian bất kỳ của năm và ít nghi lễ hơn.

Ngoài ra, Hồi giáo còn có nhiều quy định cụ thể về hành vi của tín đồ trong các mối quan hệ xã hội.

7.1.2.4 Tổ chức Hồi giáo

- Thánh đường Hồi giáo là nơi sinh hoạt tập thể và có tính thiêng với các tín đồ. Thánh đường gồm có Đại Thánh đường và Tiểu Thánh đường. Trong Thánh đường có bài trí đơn giản, không bàn ghế, không có đồ thờ quý hay nhạc cụ, chỉ có chiếc gậy mà theo truyền thuyết là của giáo chủ Môhammet đã dùng nó để đi truyền đạo.

- Hệ thống chức sắc gồm có Giáo chủ (Mufty), phó giáo chủ (Naib Mufty), Giáo cả (Ha Kim), phó giáo cả (Naib Ha Kim), Imân, Khatib, Tuan, Bilat, Slak, HaDji.

7.2 Hồi giáo ở Việt Nam[2]

7.2.1 Sự du nhập Hồi giáo vào Việt Nam

- Người theo đạo Hồi ở Việt Nam hầu hết là người dân tộc Chăm. Đạo Hồi du nhập vào Việt Nam vào khoảng thế kỷ X – XIV bằng con đường hòa bình cùng với quá trình tan rã của quốc gia Chiêm Thành (Chămpa) và sự suy giảm dần của đạo Hinđu - tôn giáo chính thống của người Chăm. Hiện nay vấn đề thời điểm cụ thể Hồi giáo vào Việt Nam vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau.

- Theo kết quả nghiên cứu của một số nhà nghiên cứu văn hóa Chăm thì khoảng từ thế kỷ X trở đi, vương quốc Chăm với sự phát triển khá mạnh về hàng hải nên đã có sự tiếp xúc và giao lưu văn hóa và

[2]This content is available online at <http://cnx.org/content/m27919/1.1/>.

buôn bán với người Indonesia và Malaysia là những nước đã có đạo Hồi lan rộng. Do tình hình chiến tranh liên miên và thất bại, vương triều dần suy yếu và niềm tin vào đạo Hinđu dần giảm sút nên đạo Hồi đã bám rễ được vào một bộ phận người Chăm.

Vương quốc Chămpa (từ Quảng Bình đến Bình Thuận) sau những cuộc giao tranh từ thế kỷ XI – XIII dần dần bị suy yếu. Về sau bị lấn át bởi cuộc Nam tiến của người Việt. Năm 1471, vua Lê Thánh Tôn đánh chiếm Vigiaya (Bình Định) và vua Chămpa bỏ chạy. Năm 1693 chúa Nguyễn tiến đánh và bắt được vua Chăm và cho làm quan ở vùng Bình Thuận (lúc này vua Chăm chỉ còn trên danh nghĩa). Trong hai thời điểm này người Chăm bỏ chạy vào miền Nam (An Giang), chạy sang Campuchia (Công pông chàm) và sang Malaysia lập nên bang Ache. Đầu thế kỷ XX, theo thống kê của người Pháp, người Chăm ở Việt Nam có khoảng 30.000 người. Hiện nay người Chăm có khoảng 200.000 người trong đó ở miền Trung Việt Nam (Ninh thuận, Bình Thuận) là 50.000, miền Nam 50.000 (TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Tây Ninh, An Giang), Ở Campuchia (Côngpôngchàm) 50.000 và ở Malaysia 30.000 người. Phần lớn người Chăm ở miền Trung theo đạo Hinđu, chỉ có một ít theo đạo Hồi, người Chăm ở miền Nam gọi là Chăm Ixlam, theo Hồi giáo chính thống, không bị pha trộn với phong tục tập quán, tín ngưỡng cũ và thường xuyên liên hệ với thế giới Hồi giáo qua Hồi giáo Campuchia và Malaysia.

7.2.2 Hồi giáo ở Việt Nam hiện nay

- Do vị trí địa lý và hoàn cảnh truyền đạo, điều kiện sống và sự giao lưu của đồng bào Chăm với bên ngoài nhất là vơi thế giới Hồi giáo mà ở Việt Nam hình thành 2 khối Hồi giáo với nhiều khác biệt đáng kể:

+ Hồi giáo vùng Ninh Thuận, Bình Thuận là Hồi giáo không chính thống gọi là Chăm Bani, đượm sắc thái của yếu tố sinh hoạt và tôn giáo bản địa. Các lễ thức được tiếp biến cho phù hợp với chế độ gia đình mẫu hệ và các lễ liên quan đến chu kỳ đời sống của con người và các lễ thức nông nghiệp, không có liên hệ với Hồi giáo thế giới.

+ Hồi giáo ở TP. Hồ Chí Minh, An Giang, Đồng Nai, Tây Ninh gọi là Chăm Ixlam theo Hồi giáo chính thống, không bị pha trộn với phong tục, tập quán, tín ngưỡng cũ và thường xuyên liên hệ với thế giới Hồi giáo Campuchia và Malaysia.

Tuy có sự khác nhau nhưng giữa hai khối Hồi giáo này không có sự kỳ thị mà hòa hợp với nhau.

- Về tổ chức, thời Pháp thuộc có tổ chức Saykhon Ixlam đại diện cho người ChămXà và những người Mã Lai theo Hồi giáo. Năm 1960 khối người Chăm Hồi giáo lập ra "Hiệp hội Chăm Hồi giáo Việt Nam" có văn phòng đặt tại Sài Gòn. Năm 1966 có thêm tổ chức "Hội đồng giáo cả các Thánh đường Hồi giáo Việt Nam" đặt văn phòng tại Châu Đốc và tồn tại cho đến ngày nay.

- Hiện nay các tín đồ Hồi giáo sinh hoạt bình thường, vừa tuân phục các giáo luật khắt khe vừa thực hiện tốt các nghĩa vụ công dân, tôn trọng sự lãnh đạo của Đảng cộng sản và sự quản lý của chính quyền mong muốn được sinh hoạt tôn giáo hợp pháp, muốn duy trì mối quan hệ với thánh địa Mecca. Nói chung trong những năm qua tín đồ Hồi giáo tăng chậm do đồng bào Chăm thường sống ở những vùng có kinh tế khó khăn, có thu nhập thấp, diện nghèo còn cao và rất cần có sự quan tâm hỗ trợ của các cấp chính quyền để xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp hơn.

7.3 Câu hỏi trắc nghiệm phần Đạo hồi[3]

Exercise 7.1 ***(Solution on p. 55.)***

(select one)

a) Iran
b) Irắc
c) Ảrập Xêút
d) Palextin

Exercise 7.2 ***(Solution on p. 55.)***

(select one)

[3]This content is available online at <http://cnx.org/content/m27629/1.1/>.

a) Nhu cầu tín ngưỡng

b) Nhu cầu thống nhất các bộ lạc ở bán đảo Ảrập

c) Sự sùng bái Giáo chủ Môhamet

d) Tin vào Thánh Ala

Exercise 7.3 ***(Solution on p. 55.)***

(select one)

a) Ixlam

b) Tôn giáo của tộc người Hồi

c) Phục tùng Ala

d) Cả a, b, c cùng đúng

Exercise 7.4 ***(Solution on p. 55.)***

(select one)

a) Lời nói của giáo chủ Môhamet được ghi lại và những lời này do thánh Ala thông qua thiên sứ Gabrien khải thị cho Môhamet

b) Quyển sách ghi chép lại những tín ngưỡng cơ bản của đạo Hồi

c) Quyển sách ghi chép lại tình hình xã hội trên bán đảo Ả rập thế kỷ thứ VII

d) Cả a, b, c cùng đúng

Exercise 7.5 ***(Solution on p. 55.)***

(select one)

a) 3

b) 4

c) 5

d) 6

Exercise 7.6 ***(Solution on p. 55.)***

(select one)

a) 4

b) 5

c) 6

d) 10

Exercise 7.7 ***(Solution on p. 55.)***

(select one)

a) 3

b) 4

c) 5

d) 6

Exercise 7.8 ***(Solution on p. 55.)***

(select one)

a) Quê hương của giáo chủ Môhamet

b) Có đền thờ Kabah

c) Nơi sản sinh ra đạo Hồi

d) Tất cả cùng đúng

Exercise 7.9 ***(Solution on p. 55.)***

(select one)

a) Vào cộng đồng người Chăm bằng con đường hoà bình

b) Gắn với sự tan rã của quốc gia Chiêm Thành (Chămpa)

c) Thay thế cho đạo Hinđu đang suy giảm

d) Cả a, b, c cùng đúng

Exercise 7.10 ***(Solution on p. 55.)***

(select one)

a) Ở Việt Nam hiện nay có hai khối Hồi giáo khác nhau khá đáng kể

b) Hồi giáo ở Việt Nam là Hồi giáo không chính thống nên ít chịu ảnh hưởng của Hồi giáo thế giới

c) Giữa các khối Hồi giáo ở Việt Nam không có sự kỳ thi mà hoà hợp với nhau

d) Ở Việt Nam hiện nay, trung tâm của Hồi giáo thuộc về tỉnh An Giang

Solutions to Exercises in Chapter 7

Solution to Exercise 7.1 (p. 52)
Solution to Exercise 7.2 (p. 52)
Solution to Exercise 7.3 (p. 53)
Solution to Exercise 7.4 (p. 53)
Solution to Exercise 7.5 (p. 53)
Solution to Exercise 7.6 (p. 53)
Solution to Exercise 7.7 (p. 53)
Solution to Exercise 7.8 (p. 53)
Solution to Exercise 7.9 (p. 53)
Solution to Exercise 7.10 (p. 54)

Chương 8

Đạo Cao đài và Phật giáo Hoà hảo

8.1 Đạo Cao Đài[1]

8.1.1 Sự ra đời của đạo Cao Đài

- Đạo Cao Đài là tên gọi tắt của một tôn giáo bản địa Việt Nam, có tên đầy đủ là "Đại đạo Tam kỳ Phổ độ". Đạo Cao Đài ra đời vào đêm Noel năm 1925 trong bối cảnh cách mạng nước ta đang bị khủng hoảng về đường lối và lực lượng lãnh đạo, còn chính sách cai trị thực dân Pháp đang đẩy nông dân Nam Bộ vào con đường cùng không lối thoát, trong khi các tôn giáo khác dần dần bị mất uy tín. Đó còn là hệ quả trực tiếp và điển hình của tư tưởng "Tam giáo đồng nguyên" (Phật – Lão – Nho), là sự hòa nhập giữa trào lưu "Thần linh học" – một hình thức mê tín của dân phương Tây với tục cầu hồn, cầu tiên của người Việt trong những năm 1924 – 1926, đã tạo nên phong trào cầu cơ – chấp bút (gọi tắt là cơ bút), khá sôi nổi ở vùng Nam Bộ. Nhu cầu lúc bấy giờ của nhân dân Nam bộ là muốn có một tôn giáo mới phù hợp với tâm trạng của họ và đạo Cao Đài ra đời đã đáp ứng được vấn đề tư tưởng tình cảm và tôn giáo của nông dân nơi đây. Vì lẽ đó ngay lập tức đạo Cao đài được đông đảo quần chúng đón nhận và được thống đốc Nam Kỳ đồng ý vào tháng 10 năm 1926. Đạo Cao đài do một số người thuộc tầng lớp trên (tư sản, địa chủ, tiểu tư sản), công chức chủ trương, ban đầu vốn là một trào lưu chính trị với mục đích thành lập đạo để tập hợp lực lượng quần chúng mà chủ yếu là nông dân chống lại sự kỳ thị, bóc lột, chèn ép của thực dân Pháp. Song sau đó trào lưu này đã nhanh chóng trở thành một tôn giáo lớn tại Nam bộ cho đến tận ngày nay.

- Sự ra đời của đạo Cao Đài gắn liền với tên tuổi của một số nhân vật sau đây:

+ Ông Ngô Minh Chiêu:

Ngô Minh Chiêu sinh năm 1879 tại chợ Bình Tây, Chợ Lớn Sài Gòn. Ông học giỏi, là thư ký của Sở di trú tại Sài gòn rồi tri phủ Phú Quốc. Ông ham mê truyện thần tiên và cầu cơ, tiếp thu "Thông linh học". Oâng tổ chức cầu cơ và tuyên truyền là mình đã tiếp xúc được với một đấng thiêng liêng là Cao Đài tiên ông và được vị tiên này phán bảo sứ mệnh xây dựng một tôn giáo mới ở phương Nam. Đến khi đạo Cao Đài chính thức ra đời, ông nhường quyền lãnh đạo cho ông Lê Văn Trung rồi trở về Cần Thơ tu luyện và hình thành phái Cao Đài Chiếu Minh đàn (là biến âm của tên ông). Ông mất năm 1932.

+ Ông Lê Văn Trung:

Lê Văn Trung sinh năm 1875 tại Chợ Lớn, Sài gòn. Năm 1893 tốt nghiệp trường trung học và được bổ làm văn phòng thống đốc Nam kỳ, sau đó chuyển sang làm thầu khoán và được bầu làm nghị sĩ, tham gia hội đồng tư vấn phủ Thống đốc. Năm 1920, ông bị thua lỗ trong kinh doanh và bị phá sản, ông quay sang hoạt động tôn giáo. Nhờ sự thông minh, tài ngoại giao và tài tổ chức, ông đã nhanh chóng tiếp thu sứ mệnh khai đạo của ông Ngô Minh Chiêu và trở thành Giáo tông đứng đầu "Cửu trùng đài" – cơ quan hành pháp của đạo Cao Đài. Ông mất năm 1941.

+ Ông Phạm Công Tắc:

[1]This content is available online at <http://cnx.org/content/m28116/1.1/>.

Phạm Công Tắc sinh năm 1893 tại Tân An. Ông bắt đầu làm công chức ngành thuế từ năm 1940. Sau do bị chèn ép nên ông bỏ nhiệm sở chuyển sang hoạt động đạo Cao Đài với chức Hộ pháp, đứng đầu Hiệp Thiên đài – cơ quan lập pháp của đạo này. Sau khi ông Lê Văn Trung chết, Phạm Công Tắc trở thành lãnh tụ tối cao nắm cả hai cơ quan Hành pháp và Lập pháp và cũng từ đó mâu thuẫn trong nội bộ đạo Cao Đài nổ ra và chia rẽ thành nhiều hệ phái.

8.1.2 Giáo lý cơ bản của đạo Cao Đài

- Nội dung giáo lý của đạo Cao Đài là sự vay mượn, chắp vá, kết hợp, nhào trộn các giáo lý của các tôn giáo đã có từ cổ chí kim, từ đông sang tây.

- Đạo Cao đài có chủ trương "Qui nguyên tam giáo" (Phật – Lão – Nho, đây có thể coi là nền tảng tư tưởng của đạo, đạo Cao Đài hợp nhất ba tư tưởng lớn của ba đạo (từ bi của đạo Phật, bác ái của Đạo giáo, công bằng của đạo Nho) và có ý đồ "hợp nhất ngũ chi" – thống nhất 5 ngành đạo (nhân đạo – Khổng tử, thần đạo – Khương Thái Công, thánh đạo – Giê su, tiên đạo – Lão Tử, Phật đạo - Thích ca Mầu ni) và đấy là trung tâm giáo lý của đạo. Từ đó đạo Cao Đài bộc lộ ý đồ là "tôn giáo của tôn giáo" và làm cho giáo lý mang tính dung hợp rất phức tạp.

- Giáo lý của đạo Cao Đài đặc biệt quan tâm và đề cao tính thiêng liêng huyền diệu của cơ bút, coi đó là linh hồn của đạo.

8.1.3 Luật lệ, lễ nghi của đạo Cao Đài

- Đạo Cao Đài đặt ra nhiều qui định về luật lệ, lễ nghi để hướng dẫn người theo đạo tu tập và xử thế. Luật đạo có nhiều nhưng có một số nội dung quan trọng là "ngũ giới cấm", "tứ đại điều qui",...

+ Ngũ giới cấm (tức 5 điều cấm kỵ) : bất sát sinh, bất du đạo, bất tửu nhục, bất tà dâm, bất vọng ngữ.

+ Tứ đại điều quy: 4 điều trau dồi đức hạnh.

1. Tuân lời dạy bề trên, lấy lẽ hoà người (ôn hoà)
2. Chớ khoe tài kiêu ngạo, giúp người nên Đạo (cung kính)
3. Đừng vay mượn không trả (khiêm tốn)
4. Đừng kính trước, khinh sau

+ Ăn chay từ 6 ngày (lục trai) đến 10 ngày (thập trai)

- Đạo Cao Đài còn những quy định về việc nhập môn cầu đạo, xây dựng thánh thất, tổ chức quan, hôn, tang, tế... đạo Cao Đài rất chú trọng giáo dục các tín đồ về đạo đức theo tiêu chuẩn đạo đức Tam cương, ngũ thường của Nho giáo.

- Linh tượng thờ chủ yếu của đạo Cao Đài là hình con mắt, gọi là Thiên Nhãn.

- Các lễ của đạo Cao Đài :

+ Hàng ngày có 4 khóa lễ vào các giờ: sáng sớm, giữa trưa, chập tối và đêm khuya.

+ Hàng tháng có 2 ngày lễ vào ngày rằm và mồng một, âm lịch.

+ Hàng năm có các ngày lễ chính (theo âm lịch) là ngày 9 tháng Giêng, 15 tháng hai, 8 tháng tư, 15 tháng bảy, 15 tháng tám, 15 tháng mười và ngày 15 tháng Chạp.

- Lễ nghi của đạo Cao Đài khá rườm rà và cầu kỳ. Đạo Cao Đài giải thích rằng lễ nghi sinh hoạt tôn giáo cũng thể hiện tinh thần tổng hợp tôn giáo. Đạo phục chung là màu trắng. Riêng các chức sắc dùng màu theo ngành: Thái – thuộc Phật – màu vàng; Thượng – thuộc Lão – màu xanh; Ngọc – thuộc Nho – màu đỏ.

8.1.4 Tổ chức của đạo Cao Đài

- Mỗi hệ phái của đạo Cao Đài có tổ chức giáo hội riêng. Nhưng nhìn chung tổ chức giáo hội của Cao Đài được mô phỏng theo mô hình thể chế chính trị quân chủ lập hiến.

- Thành phần của giáo hội Cao Đài gồm chức sắc, chức việc và tín đồ.

- Tổ chức ở Trung ương của đạo gồm có 3 đài là: Bát quái đài, Hiệp thiên đài, Cửu trùng đài.

+ Bát quái đài: là nơi thờ phụng của đạo gồm các vị Thánh, Thần, Tiên, Phật.. do Lý Thái Bạch (còn gọi là Lý Đại Tiên) thay mặt Thượng đế làm chưởng quản.

+ Hiệp Thiên đài: vừa là cơ quan lập pháp vừa là cơ quan tư pháp, đứng đầu là chức Hộ pháp.

+ Cửu Trùng đài: là cơ quan hành pháp đứng đầu là chức Giáo tông.

- Hiện nay tổ chức hành chính của đạo Cao Đài được sắp xếp lại còn hai cấp: trung ương và cơ sở. Tương ứng với bộ máy tổ chức ấy, đạo Cao Đài có một hệ thống chức sắc bao gồm nhiều cấp bậc khác nhau với những qui định về số lượng khá cụ thể. Trước kia, mọi chức sắc quan trọng của đạo được bổ nhiệm thông qua cơ bút, còn ngày nay, mọi chức sắc của đạo đều thông qua điều lệ cầu phong, cầu thăng theo luật công cử.

8.1.5 Đạo Cao Đài trong những năm gần đây

- Đạo Cao Đài ra đời đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của một bộ phận nhân dân Nam Bộ. Trên thực tế, nó có vai trò cố kết người dân không chỉ về mặt tinh thần mà còn về các mặt kinh tế, xã hội. Vì thế đạo phát triển khá nhanh chóng.

- Khi mới ra đời, đạo Cao Đài là một tổ chức thống nhất với cơ quan đầu não đặt tại Tòa thánh Tây Ninh nhưng sau đó đạo Cao Đài sớm phân hoá thành nhiều hệ phái (trước 1975 có khoảng gần 20 hệ phái, nay còn khoảng trên dưới 10 hệ phái). Quá trình phân hoá về tổ chức là quá trình xa rời nhau về thái độ chính trị của các hệ phái Cao Đài. Một số chức sắc của một số giáo phái Cao Đài mang tư tưởng cơ hội, vọng ngoại, bị các thế lực đế quốc lợi dụng, đi ngược lại lợi ích dân tộc. Còn tuyệt đại đa số tín đồ, số đông chức sắc của nhiều hệ phái có quá trình gắn bó với cách mạng, đóng góp công sức vào hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của dân tộc.

- Sau năm 1975, các chức sắc và hơn 1 triệu tín đồ các hệ phái chủ yếu tu tại gia. Trong thời kỳ đổi mới, các hệ phái đã sinh hoạt trở lại với sự giúp đỡ của Đảng và Nhà nước. Nhiều hệ phái được thừa nhận tư cách pháp nhân như: Tiên thiên, Minh Chơn đạo, Bạch Y Liên Đài... Các hệ phái tổ chức các đại hội. Qua đó, lòng tin vào chính sách tôn giáo của Đảng được củng cố trong tín đồ. Những nhân tố tích cực của Đạo được khơi dậy, khắc phục một bước tình trạng mất đoàn kết trong chức sắc. Xu thế chung là tín đồ đạo Cao Đài muốn hành đạo thuận lợi trong khuôn khổ luật pháp và làm tròn nghĩa vụ công dân.

Các hội thánh Cao Đài đã được xây dựng lại và có tư cách pháp nhân:

1. Cao Đài Minh Chơn đạo. Toà thánh Tổ đình tại Cà Mau
2. Cao Đài Ban Chỉnh đạo. Toà thánh Tổ đình tại Bến Tre
3. Cao Đài Tiên Thiên. Toà thánh Tổ đình tại Bến Tre
4. Cao Đài Tây Ninh. Toà thánh Tổ đình tại Tây Ninh
5. Truyền giáo Cao Đài. Toà thánh Tổ đình tại Đà Nẵng
6. Cao Đài Chiếu Minh Long Châu. Toà thánh Tổ đình tại Cần Thơ
7. Cao Đài Bạch Y. Toà thánh Tổ đình tại Kiên Giang
8. Cao Đài Cầu kho Tam Quan. Toà thánh Tổ đình tại Bình Định
9. Cao Đài Chơn lý. Toà thánh Tổ đình tại Tiền Giang
10. Cơ quan phổ thông giáo lý (Thành phố Hồ Chí Minh)

8.2 Phật giáo Hòa Hảo (đạo Hòa Hảo)[2]

8.2.1 Lịch sử ra đời của Phật giáo Hòa Hảo

Phật giáo Hòa Hảo ra đời ngày 15 tháng 5 năm 1939 tại làng Hòa Hảo, Châu Đốc, An Giang và phát triển chủ yếu ở đồng bằng sông Cửu Long. Sự ra đời của Phật giáo Hòa Hảo Hảo gắn với đặc điểm tâm lý, lối sống đạo đức, tính cách, đời sống tín ngưỡng của nông dân Nam Bộ và liên quan đến môi trường kinh tế - xã hội - chính trị ở đây trong khoảng thời gian hai cuộc chiến tranh thế giới. Sự ra đời này cũng là do tác động của phong trào chấn hưng Phật giáo nhất là ảnh hưởng của Bửu Sơn Kỳ Hương - một nhánh của Phật giáo ở Nam Bộ cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX. Người sáng lập ra Phật giáo Hòa Hảo là ông Huỳnh Phú Sổ (1920 – 1947).

[2]This content is available online at <http://cnx.org/content/m27976/1.1/>.

Huỳnh Phú Sổ là con một gia đình địa chủ ở làng Hòa Hảo. Hồi nhỏ ông đi học và tốt nghiệp tiểu học, song do sức khỏe yếu nên ông phải bỏ học. Trong Quá trình chữa bệnh ông học được nhiều bài học thuốc nam. Sau đó ông nghiên cứu sấm Trạng Trình và tư tưởng môn phái Bửu Sơn Kỳ Hương của Phật Thầy Tây An. Ông tự xưng là bậc "sinh như tri" biết được nhiều việc của quá khứ và tương lai, được gặp và thọ mệnh của Phật A Di Đà, Ngọc Hoàng Thượng đế, Phật Thích Ca, xuống trần với nhiệm vụ truyền bá tư tưởng Bửu Sơn Kỳ Hương để "chấn hưng Phật giáo, cứu độ chúng sinh khỏi sông mê, bể khổ về chốn Tây phương cực lạc".

8.2.2 Quá trình phát triển của Phật giáo Hòa Hảo

- Ra đời năm 1939 nhưng qua đến năm 1940 số tín đồ của Phật giáo Hòa Hảo có đến vài trăm ngàn người. Năm 1941, thực dân Pháp sợ Huỳnh Phú Sổ theo Nhật nên đã câu thúc ông tại Châu đốc rồi Cần Thơ, Bạc Liêu. Năm 1942, Nhật mua chuộc, lôi kéo đạo Hòa Hảo và đưa ông về Sài Gòn. Năm 1945, Huỳnh Phú Sổ được mời tham gia Ủy ban kháng chiến Nam Bộ với tư cách là đại diện cho đồng bào Phật giáo Hòa Hảo.

- Năm 1946, những người lãnh đạo Hòa Hảo thành lập tổ chức "Việt Nam dân chủ xã hội đảng" gọi tắt là đảng Dân xã. Đây là một tổ chức chính trị. Cùng lúc, lực lượng vũ trang riêng của Phật giáo Hòa Hảo được thành lập lấy tên là bộ đội Nguyễn Trung Trực với một lực lượng gồm 7 chi đội vũ trang với khoảng 20.000 binh sĩ và 300.000 đội viên bảo an quân. Năm 1947, sau khi Huỳnh Phú Sổ chết, lực lượng vũ trang Hòa Hảo chia rẽ, mỗi nhóm cát cứ một vùng.

- Đến năm 1954, tổng số tín đồ Phật giáo Hòa Hảo khoảng trên 1 triệu người.

- Năm 1955, cuộc chiến tranh giữa các giáo phái ở miền Nam (Cao đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên) xảy ra do sự xúi bẩy và chia rẽ của Mỹ – Diệm, lực lượng vũ trang của đạo Hòa Hảo tan rã, đa số sát nhập vào quân đội ngụy. Từ năm 1964, Phật giáo Hòa Hảo được Mỹ – Nguỵ hỗ trợ nên đạo Hòa Hảo phát triển nhanh. Đến năm 1975 tổng số tín đồ có khoảng hơn 2 triệu người.

8.2.3 Giáo lý Phật giáo Hòa Hảo

Giáo lý của đạo Hòa Hảo được thể hiện trong các bài sấm kệ do ông Huỳnh Phú Sổ soạn thảo trên cơ sở tiếp thu và nâng cao tư tưởng của Bửu Sơn Kỳ Hương của Phật Thầy Tây An, đồng thời chịu ảnh hưởng của xu hướng nhập thế của phong trào chấn hưng Phật giáo, của quan điểm đạo đức Nho giáo, Lão giáo. Nội dung giáo lý gồm hai phần: Học Phật và Tu nhân.

- Phần Học Phật: chủ yếu dựa vào giáo lý Phật giáo nhưng được giản lược bớt và có sửa đổi đôi chỗ, có 3 pháp môn chính là Ác pháp, Chân pháp và Thiện pháp

- Phần Tu nhân: Phần thực hành đạo đức "Tứ ân hiếu nghĩa" để tu thân. Đó là thực hành ân tổ tiên cha mẹ, ân đất nước, ân tam bảo, ân đồng bào và nhân loại.

8.2.4 Về tổ chức và lễ nghi

Đạo Hòa Hảo không có đội ngũ giáo sĩ và hàng ngũ giáo phẩm. Đạo Hòa Hảo có Tổ đình ở làng Hòa Hảo là trung tâm của đạo mang tính gia tộc. Song đạo này không xây dựng chùa chiền, tạc tượng, ảnh thờ. Việc thờ phụng và hành đạo rất đơn giản, thờ phụng chủ yếu tại gia đình. Mỗi gia đình theo đạo Hòa Hảo thờ một tấm Trần điều (trước kia là tấm vải mầu đỏ, nay là mầu nâu sẫm còn gọi là mầu trầu già) ở trang thờ đặt gian chính giữa, còn ngoài sân trước nhà có một bàn thờ thông thiên. Điều đó thể hiện tư tưởng "Phật tại tâm, tâm tức Phật". Lễ vật chỉ có hương hoa và nước mát. Ban đêm thắp đèn ở trang thờ và bàn thông thiên. Đạo Hòa Hảo không đọc kinh kệ của Phật giáo, chỉ đọc sấm giảng của giáo chủ Huỳnh Phú Sổ soạn và niệm 6 chữ Nam mô A Di đà Phật để tĩnh tâm.

Đạo Hòa Hảo còn có những quy định khác về tôn giáo, gia đình và xã hội. Chẳng hạn: đạo Hòa Hảo quy định người nhập môn phải tuyên thệ giữ gìn một đời, một đạo cho đến ngày chung thân. Nam tín đồ thường để râu, tóc "búi" để thể hiện chữ hiếu với ông bà tổ tiên, tín đồ phải ăn chay từ thấp đến cao, một ngày phải cầu nguyện và khấn lạy trước bàn thờ của đạo và bàn thông thiên 2 lần vào 2 buổi sáng tối, ngày ăn mặn phải kiêng ăn thịt chuột, thịt trâu, thịt hổ, thịt mèo...

Các ngày lễ của đạo Hòa Hảo (theo âm lịch) ngoài Tết Nguyên Đán, lễ Thượng nguyên, Phật đản, lễ Trung nguyên, Hạ nguyên còn có các lễ khai đạo (ngày 18 tháng 5), lễ vía Phật Thầy Tây An (ngày 12 tháng 8), lễ Phật A Di Đà (ngày 15 tháng 1), lễ sinh nhật ông Huỳnh Phú Sổ (ngày 25 tháng 11), lễ phật thành đạo (ngày 8 tháng Chạp)

Có thể nói Hòa Hảo là đạo Phật được cách tân theo hướng địa phương hoá. Với giáo lý hòa bình và thực hành đạo đơn giản nhưng trong phần lớn các thời kỳ phát triển của đạo, những người lãnh đạo của đạo này hoặc bị các thế lực chính trị lôi kéo hoặc bản thân họ cũng có nhiều tham vọng chính trị lớn nên trên thực tế, ở miền Nam trước ngày giải phóng (1975), đạo Hòa Hảo hoạt động chính trị nhiều hơn hoạt động tôn giáo.

8.2.5 Đạo Hòa Hảo trong những năm gần đây

Đạo Hòa Hảo ra đời trong tình hình chính trị phức tạp, từng bị các thế lực phản động lôi kéo lợi dụng. Trên thực tế sự lợi dụng này có lúc khá nặng nề, gây thiệt hại cho cách mạng và còn tạo ra tình trạng chia rẽ không bình thường trong nội bộ của đạo Hòa Hảo.

Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, ngày 19-6-1975, Tổ đình đạo Hòa Hảo tuyên bố giải tán. Ban trị sự các cấp, kêu gọi tín đồ tu tại gia như lúc đầu.

Cho đến đầu năm 1999, đạo Hòa Hảo không có tổ chức giáo hội, tín đồ tu tại gia. Hàng năm đến ngày khai đạo (18 tháng 5 Âm lịch) các tín đồ tổ chức hành hương về Tổ đình (nơi sinh sống của gia tộc ông Huỳnh Phú Sổ).

Ngày 26-5-1999, Đại hội đại biểu đạo Hòa Hảo lần thứ I được tổ chức tại An Giang, thông qua chương trình đạo sự, quy chế tổ chức, hoạt động của Ban đại diện, đồng thời đã bầu ra Ban Đại diện nhiệm kỳ I và ngày 11-6-1999, Ban Tôn giáo của Chính phủ đã chấp thuận quy chế đạo Hòa Hảo, tổ chức hoạt động và nhân sự của Ban đại diện và cho đến nay, hoạt động của đạo Hòa Hảo đã trở nên bình thường.

8.3 Câu hỏi trắc nghiệm phần Đạo Cao đài và Phật giáo Hoà hảo[3]

Exercise 8.1 ***(Solution on p. 64.)***

(select one)

a) 1925
b) 1926
c) 1930
d) 1939

Exercise 8.2 ***(Solution on p. 64.)***

(select one)

a) Ngô Minh Chiêu
b) Lê Văn Trung
c) Phạm Công Tắc
d) Cả 3 ông

Exercise 8.3 ***(Solution on p. 64.)***

(select one)

a) Là sự vay mượn, chắp vá, nhào trộn, kết hợp các giáo lý của các tôn giáo khác
b) Chủ trương quy nguyên tam giáo (Phật – Lão – Nho)
c) Thống nhất 5 ngành đạo (Hợp nhất ngũ chi)
d) Tất cả đều đúng

Exercise 8.4 ***(Solution on p. 64.)***

(select one)

a) Bát quái đài là nơi thờ phụng Thánh , Thần, Tiên, Phật

[3]This content is available online at <http://cnx.org/content/m27620/1.1/>.

b) Chức Hộ pháp đứng đầu cơ quan Hiệp Thiên đài
c) Chức Giáo tông đứng đầu cơ quan Cửu Trùng đài
d) Tất cả đều đúng

Exercise 8.5 ***(Solution on p. 64.)***

(select one)
a) 2
b) 3
c) 4
d) 5

Exercise 8.6 ***(Solution on p. 64.)***

(select one)
a) Đỏ, xanh biển, vàng, trắng
b) Đỏ, tím, vàng, xanh biển
c) Đỏ, vàng, đen, trắng
d) Vàng, xanh, trắng, đen

Exercise 8.7 ***(Solution on p. 64.)***

(select one)
a) Giáo chủ đạo Hòa Hảo
b) Ông là con một địa chủ nhỏ
c) Từng đi học và học hết trung học
d) Tất cả cùng đúng

Exercise 8.8 ***(Solution on p. 64.)***

(select one)
a) Cao Đài
b) Phật giáo Hòa hảo
c) Cả a, b cùng đúng
d) Cả a, b cùng sai

Exercise 8.9 ***(Solution on p. 64.)***

(select one)
a) Ngũ giới cấm và Tứ đại điều quy
b) Học Phật và Tu nhân
c) Tư tưởng Phật giáo và sấm Trạng Trình
d) Tất cả đều đúng

Exercise 8.10 ***(Solution on p. 64.)***

(select one)
a) 2
b) 3
c) 4
d) 5

Exercise 8.11 ***(Solution on p. 64.)***

(select one)
a) 1975
b) 1980
c) 1990
d) 1999

Exercise 8.12 ***(Solution on p. 64.)***

(select one)

a) Nam bộ
b) Trung bộ
c) Bắc bộ
d) Khắp nơi

Solutions to Exercises in Chapter 8

Solution to Exercise 8.1 (p. 61)
Solution to Exercise 8.2 (p. 61)
Solution to Exercise 8.3 (p. 61)
Solution to Exercise 8.4 (p. 61)
Solution to Exercise 8.5 (p. 62)
Solution to Exercise 8.6 (p. 62)
Solution to Exercise 8.7 (p. 62)
Solution to Exercise 8.8 (p. 62)
Solution to Exercise 8.9 (p. 62)
Solution to Exercise 8.10 (p. 62)
Solution to Exercise 8.11 (p. 62)
Solution to Exercise 8.12 (p. 62)

Chương 9

Chính sách Tôn giáo của Đảng và nhà nước ta

9.1 Quan điểm của chủ nghĩa Mac-Lênin - Tư tưởng Hồ Chí Minh về giải quyết vấn đề Tôn giáo[1]

9.1.1 Quan điểm chung của chủ nghĩa Mác – Lênin về giải quyết vấn đề tôn giáo

Chủ nghĩa Mác – Lênin coi tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội duy tâm và có nhiều hạn chế nhưng chủ nghĩa Mác – Lênin cũng thừa nhận tính chất vai trò của tôn giáo, thừa nhận tôn giáo còn tồn tại lâu dài, tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân. Để giải quyết vấn đề tôn giáo cần một thời gian dài, gắn liền với quá trình vận động cách mạng, cải biến xã hội và nâng cao nhận thức quần chúng. Quan điểm chung của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về việc giải quyết vấn đề tôn giáo gồm các vấn đề sau đây:

9.1.1.1 Khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo gắn liền với cuộc vận động đoàn kết các tín đồ tôn giáo trong quá trình cải tạo xã hội cũ xây dựng xã hội mới

- Chủ nghĩa Mác – Lênin khẳng định tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội nên muốn làm thay đổi nó trước hết cần phải thay đổi bản thân tồn tại xã hội. Muốn xóa bỏ những ảo tưởng trong đầu óc con người thì phải xóa bỏ nguồn gốc gây ra ảo tưởng ấy. Muốn đẩy lùi được những ước mơ về thiên đường hư ảo ở thế giới bên kia thì con người cần phải xây dựng cho được một "thiên đường" có thực ngay tại trần gian này. Đó là một quá trình lâu dài để cải tạo xã hội cũ xây dựng xã hội mới, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, thông qua quá trình này mới tạo ra được khả năng gạt bỏ dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo trong đời sống xã hội.

- Để khắc phục những tiêu cực của tôn giáo còn cần quan tâm đến cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng, coi trọng tuyên truyền, giáo dục thế giới quan duy vật và biện chứng với nhiều hình thức.

9.1.1.2 Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân

Tự do tín ngưỡng là một tư tưởng tiến bộ trong lịch sử phát triển của xã hội loài người. Trong chủ nghĩa xã hội, tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng là một nguyên tắc. Quyền ấy không chỉ thể hiện về mặt pháp lý mà còn thể hiện trong thực tiễn của đời sống xã hội. Nội dung cơ bản của quyền tự do tín ngưỡng là:

- Mọi người được quyền hoàn toàn tự do theo hoặc không theo bất kỳ một tôn giáo nào. Việc vào đạo, chuyển đạo hoặc bỏ đạo theo khuôn khổ pháp luật là quyền tự do của mỗi người. Mọi công dân không phân

[1]This content is available online at <http://cnx.org/content/m27984/1.1/>.

biệt có đạo hay không có đạo đều bình đẳng trước pháp luật về nghĩa vụ cũng như quyền lợi. Các tôn giáo được nhà nước thừa nhận đều bình đẳng trước pháp luật. Giáo hội các tôn giáo có trách nhiệm động viên các tín đồ phấn đấu sống một cuộc sống "tốt đời, đẹp đạo". Mọi người có ý thức tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của người khác đồng thời kiên quyết chống lại những phần tử lợi dụng tôn giáo để có những hành vi đi ngược lại lợi ích chung của dân tộc.

Nhà nước nghiêm cấm những kẻ lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng để hành nghề mê tín dị đoan và những âm mưu lợi dụng tôn giáo để hoạt động chính trị hoặc gây rối trật tự trị an.

9.1.1.3 Phải có quan điểm lịch sử cụ thể khi giải quyết vấn đề tôn giáo

Trong những thời kỳ lịch sử khác nhau, vai trò và tác động của mỗi tôn giáo đối với xã hội là không giống nhau và quan điểm, thái độ của giáo sĩ và giáo dân đối với các lĩnh vực xã hội cũng không hoàn toàn thống nhất. Vì vậy, khi thực hiện nhất quán nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt đối xử cần phải có quan điểm lịch sử cụ thể khi xem xét, đánh giá và ứng xử đối với các vấn đề có liên quan với tôn giáo.

Có nhiều tôn giáo khi mới ra đời được coi như là một phong trào bảo vệ, bênh vực quyền lợi của những người nghèo, người bị áp bức. Sau một thời gian tồn tại, tôn giáo ấy lại biến thành công cụ của giai cấp thống trị, bóc lột. Có những giáo sĩ suốt đời hành đạo và luôn luôn đồng hành cùng với dân tộc nhưng cũng có người đã hợp tác với các thế lực thù địch bên ngoài mà đi ngược lại với lợi ích quốc gia... Vì vậy đòi hỏi nhà nước xã hội chủ nghĩa phải có thái độ, cách ứng xử phù hợp với từng trường hợp cụ thể.

9.1.1.4 Cần phân biệt rõ ràng hai mặt chính trị và tư tưởng trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo

- Trong xã hội công xã nguyên thủy, tôn giáo chỉ thể hiện thuần túy về mặt tư tưởng, phản ánh nhận thức ngây thơ của con người về thế giới tự nhiên. Khi xã hội xuất hiện giai cấp, tôn giáo không chỉ thể hiện ở mặt tư tưởng mà còn cả mặt chính trị.

- Mặt tư tưởng thể hiện tín ngưỡng trong tôn giáo. Mặt chính trị, bên cạnh ước nguyện giải phóng của quần chúng chống lại sự nô dịch của các thế lực thống trị bóc lột, mặt chính trị còn thể hiện ở việc lợi dụng tôn giáo để chống lại sự nghiệp cách mạng của những phần tử phản động đội lốt tôn giáo.

- Trong thực tế, hai mặt chính trị và tư tưởng trong tôn giáo thường đan xen vào nhau. Có những lúc mâu thuẫn về mặt chính trị lại được các thế lực phản động ngụy trang bằng sự khác nhau về tư tưởng và ngược lại. Loại bỏ mặt chính trị phản động trong tôn giáo, nhất là khi các thế lực phản động quốc tế đang lợi dụng tôn giáo nhằm thực hiện chiến lược diễn biến hòa bình là việc làm cần thiết. Khi thực hiện cần dựa vào sức mạnh của quần chúng tín đồ. Phương pháp phải kịp thời, cương quyết nhưng phải tránh nôn nóng vội vàng. Đảm bảo được yêu cầu: đoàn kết rộng rãi đồng bào có tín ngưỡng và không có tín ngưỡng, phát huy tinh thần yêu nước của các tu sĩ chân tu đồng thời kiên quyết trừng trị những kẻ lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo để phá hoại sự đoàn kết dân tộc, phá hoại sự nghiệp cách mạng .

9.1.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo

Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến vấn đề tôn giáo, Người đã vận dụng một cách quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về tôn giáo vào điều kiện cụ thể ở Việt Nam. Nội dung của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo gồm những điểm cơ bản sau đây:

9.1.2.1 Đoàn kết lương giáo, hòa hợp dân tộc

- Hồ chủ tịch cho rằng việc đoàn kết lương giáo, đoàn kết giữa những người có tín ngưỡng, tôn giáo với những người không có tín ngưỡng, tôn giáo là một bộ phận của đoàn kết dân tộc.

- Để đoàn kết những người có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau với người không theo tín ngưỡng, tôn giáo thì cần phải đặt lợi ích dân tộc lên trên hết đồng thời quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào có đạo.

- Để có thể thực hiện tốt việc đoàn kết tôn giáo cần phải phân biệt được nhu cầu tín ngưỡng chân chính của đồng bào có đạo với việc lợi dụng tín ngưỡng vì lợi ích cục bộ, vị kỷ đồng thời phải phân biệt giữa đức

tin của quần chúng với việc lợi dụng tôn giáo để chống phá sự đoàn kết trong nhân dân của các phần tử phản động để có các biện pháp xử lý phù hợp.

- Cần phải biết kế thừa các giá trị nhân bản của các tôn giáo, trân trọng các nhân vật sáng lập các tôn giáo.

9.1.2.2 Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân

- Quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng là một trong những quyền chính đáng của con người. Hạn chế và vi phạm quyền ấy là đi ngược với xu thế của tiến bộ xã hội. Bác Hồ luôn giáo dục mọi người và bản thân Bác luôn gương mẫu trong việc thực hiện quyền tự do tín ngưỡng của đồng bào có đạo. Sự tôn trọng ấy không chỉ thể hiện trên văn bản, lời nói mà còn trên cả hoạt động thực tiễn của Bác.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh nghiêm khắc phê phán những phần tử lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, những kẻ hành nghề mê tín dị đoan, phê phán những việc làm sai chủ trương chính sách tôn giáo của Đảng và chính phủ.

9.1.2.3 Về mối quan hệ giữa tôn giáo và dân tộc, đức tin và lòng yêu nước

- Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm rằng giữa đức tin tôn giáo và lòng yêu nước là không mâu thuẫn nhau. Mỗi người vừa là một tín đồ chân chính vừa là một công dân yêu nước.

- Hồ chủ tịch thường nhắc: nước nhà có độc lập thì tôn giáo mới được tự do vì vậy mọi người phải làm cho nước nhà được độc lập. Khi có được độc lập rồi thì phải quan tâm đến đời sống nhân dân dân vì độc lập sẽ chẳng có ý nghĩa gì nếu người dân vẫn còn đói khổ.

9.2 Quan điểm chỉ đạo, nguyên tắc và chính sách của Đảng và Nhà nước đối với Tôn giáo[2]

9.2.1 Quan điểm chỉ đạo của công tác tôn giáo

9.2.1.1 Công tác tôn giáo phải vừa quan tâm giải quyết hợp lý những nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng, vừa kịp thời đấu tranh chống kẻ địch lợi dụng tôn giáo để phá hoại sự nghiệp cách mạng

Quan điểm này xuất phát từ hai vấn đề sau:

- Tôn giáo là một hiện tượng xã hội và còn tồn tại lâu dài. Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu của một bộ phận nhân dân. Đạo đức tôn giáo có nhiều điểm phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới. Việc giải quyết những nhu cầu hợp lý về tín ngưỡng, tôn giáo của quần cúng là một nhiệm vụ của các tổ chức Đảng và cơ quan nhà nước các cấp. Mọi hành vi vi phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo phải bị ngăn chặn và xử lý.

- Do tính chất chính trị của tôn giáo và sự lợi dụng tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá sự nghiệp cách mạng, mọi hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chống lại nhà nước ta, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân đều bị xử lý theo pháp luật.

9.2.1.2 Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng

Sở dĩ xác định như vậy vì đại đa số tín đồ các tôn giáo là quần chúng lao động, có tinh thần yêu nước và gắn bó với dân tộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập tự do và xây dựng cuộc sống hạnh phúc. Từ việc chăm lo những lợi ích thiết thân trong đó có nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo chính đáng, các chính sách và việc làm cụ thể của Đảng và Nhà nước ta sẽ thuyết phục, lôi cuốn, tập hợp bà con có đạo tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mọi thái độ đối xử thô bạo, mệnh lệnh, áp đặt một chiều hoàn toàn xa lạ với công tác vận động quần chúng. Ngay cả trong trường hợp phải dùng đến các biện pháp pháp luật thì cũng cần phải tuyên truyền, giải thích để có được sự đồng tình ủng hộ của đông đảo quần chúng tín đồ.

[2]This content is available online at <http://cnx.org/content/m27980/1.1/>.

9.2.1.3 Công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo

Tôn giáo là một hiện tượng xã hội phức tạp, có liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Do đó công tác tôn giáo bao gồm nhiều mặt: nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn để không ngừng hoàn thiện chính sách tôn giáo, thực hiện công tác vận động quần chúng, chức sắc, tổ chức quản lý nhà nước đối với các hoạt động tôn giáo và các tổ chức của tôn giáo. Vì vậy công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng. Chính quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với tôn giáo, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân làm tốt công tác vận động các tín đồ, chức sắc tôn giáo.

9.2.2 Nguyên tắc của chính sách đối với tôn giáo

- Tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và tự do không tín ngưỡng tôn giáo của công dân. Mọi công dân đều bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi trước pháp luật, không phân biệt người theo đạo và không theo đạo cũng như giữa các tôn giáo khác nhau.

- Đoàn kết gắn bó đồng bào theo các tôn giáo và không theo tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân.

- Mọi cá nhân và tổ chức hoạt động tín ngưỡng tôn giáo phải tuân thủ hiến pháp và pháp luật, có nghĩa vụ bảo vệ lợi ích của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giữ gìn độc lập chủ quyền quốc gia.

- Những hoạt động tôn giáo ích nước lợi dân, phù hợp với nguyện vọng và lợi ích chính đáng, hợp pháp của các tín đồ được bảo đảm. Những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo được tôn trọng và phát huy.

- Mọi hành vi lợi dụng hoạt động tôn giáo làm mất trật tự an toàn xã hội, phương hại nền độc lập dân tộc, phá hoại chính sách đoàn kết toàn dân, chống lại Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, gây tổn hại các giá trị đạo đức lối sống, văn hóa của dân tộc, ngăn cản tín đồ, chức sắc các tôn giáo thực hiện nghĩa vụ công dân đều bị xử lý theo pháp luật. Hoạt động mê tín dị đoan bị phê phán và loại bỏ.

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể tổ chức xã hội và các tổ chức tôn giáo có trách nhiệm làm tốt công tác vận động quần chúng và thực hiện đúng đắn chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước.

9.3 Nhiệm vụ của công tác tôn giáo và những chính sách cụ thể đối với tôn giáo hiện nay[3]

9.3.1 Nhiệm vụ của công tác tôn giáo hiện nay

Thứ nhất, Làm cho toàn Đảng, toàn dân nói chung và bà con tín đồ, chức sắc tôn giáo nói riêng hiểu rõ và thực hiện đúng quan điểm, tư tưởng, chính sách tôn giáo của Đảng và nhà nước hiện nay, góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết tôn giáo, bảo đảm cho cho tôn giáo đồng hành gắn bó với dân tộc, tuân thủ pháp luật, giữ vững độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia.

Thứ hai, Thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và văn hóa tinh thần, nâng cao trình độ mọi mặt tín đồ các tôn giáo. Thực hiện tự do tín ngưỡng, tích cực vận động đồng bào có đạo tăng cường đoàn kết xây dựng cuộc sống "tốt đời, đẹp đạo", góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, an ninh quốc phòng.

Thứ ba, Tăng cường công tác quản lý nhà nước, tạo điều kiện bảo đảm cho các tôn giáo hoạt động bình thường theo pháp luật, mọi tín đồ, chức sắc, nhà tu hành thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, góp phần vào việc bảo vệ và xây dựng cuộc sống mới.

Thứ tư, Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, giúp đỡ các tín đồ và chức sắc tôn giáo nâng cao tinh thần cảnh giác, chủ động ngăn ngừa và đấu tranh làm thất bại âm mưu và hoạt động lợi dụng tôn giáo của các thế lực thù địch chống lại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước của dân tộc ta.

Thứ năm, Xây dựng và củng cố tổ chức Đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở địa bàn có các tín đồ tôn giáo thật vững mạnh. Đảng viên nói chung và Đảng viên theo tôn giáo nói riêng phải gương mẫu thực hiện và vận động các tín đồ tôn giáo thực hiện tốt những chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước. Kiện toàn

[3]This content is available online at <http://cnx.org/content/m27946/1.1/>.

bộ máy và có kế hoạch đào tạo cán bộ làm công tác tôn giáo ở các cấp, ngành. Mặt trận và các đoàn thể tăng cường công tác vận động tín đồ, chức sắc tôn giáo tham gia thực hiện tốt cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", hăng hái tham gia phong trào thi đua yêu nước ở từng cơ sở, ở từng địa phương.

9.3.2 Những chính sách cụ thể đối với tôn giáo hiện nay

9.3.2.1 Đối với các tín đồ tôn giáo

- Tín đồ có quyền thực hiện các hoạt động tôn giáo không trái với chủ trương chính sách và pháp luật của nhà nước, tiến hành các nghi thức thờ cúng, cầu nguyện tại gia đình và tham gia các hoạt động tôn giáo, học tập giáo lý, đạo đức, phục vụ nghi lễ tôn giáo tại cơ sở thờ tự.

- Tín đồ không được lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm trái pháp luật, không được hoạt động mê tín dị đoan.

- Người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được sinh hoạt tôn giáo theo pháp luật Việt Nam.

9.3.2.2 Đối với chức sắc, nhà tu hành tôn giáo

- Chức sắc, nhà tu hành tôn giáo có quyền

+ Được thực hiện các chức trách, chức vụ tôn giáo của mình trong phạm vi trách nhiệm đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

+ Được nhà nước xét khen thưởng công lao đóng góp trong sự nghiệp đoàn kết toàn dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

+ Được hưởng các quyền lợi chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội của công dân.

- Chức sắc, nhà tu hành tôn giáo có nghĩa vụ:

+ Thực hiện đúng chức trách, chức vụ tôn giáo trong phạm vi trách nhiệm tôn giáo đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp nhận và chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động tôn giáo trong phạm vi trách nhiệm đó.

+ Động viên tín đồ chấp hành nghiêm chỉnh chính sách và pháp luật của nhà nước.

- Người mạo danh chức sắc, nhà tu hành tôn giáo bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Người đang chấp hành án phạt tù hoặc đang bị quản chế hành chính không được thực hiện chức trách, chức vụ tôn giáo. Việc phục hồi chức trách, chức vụ tôn giáo khi đã hết hạn hình phạt trên phải do tổ chức tôn giáo quản lý người đó đề nghị và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

- Việc mở trường đào tạo các chức sắc, nhà tu hành tôn giáo phải được phép của thủ tướng chính phủ. Tổ chức và hoạt động của các trường thực hiện theo các quy định của Ban Tôn giáo Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các trường thực hiện các quy chế chính sách, pháp luật của nhà nước theo sự hướng dẫn, giám sát kiểm tra của các cơ quan chức năng của Nhà nước và Ủy ban nhân dân sở tại.

- Việc phong giáo phẩm, phong chức cho các chức sắc, nhà tu hành tôn giáo, việc bổ nhiệm, thuyên chuyển những chức sắc phải được sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (tùy theo giáo phẩm). Đối với các chức sắc, nhà tu hành tôn giáo được tổ chức, cá nhân ở nước ngoài phong giáo phẩm, phong chức, bổ nhiệm phải được sự chấp thuận của Thủ tướng chính phủ.

9.3.2.3 Đối với các tổ chức tôn giáo

- Tổ chức tôn giáo có tôn chỉ, mục đích, đường hướng hành đạo, cơ cấu tổ chức phù hợp với pháp luật và được Thủ tướng Chính phủ cho phép hoạt động thì được pháp luật bảo hộ.

- Tổ chức tôn giáo hoạt động trái với tôn chỉ, mục đích, đường hướng hành đạo, cơ cấu tổ chức đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép thì bị đình chỉ hoạt động. Các cá nhân chịu trách nhiệm về những vi phạm đó bị xử lý theo pháp luật.

- Chức sắc, nhà tu hành và tổ chứ tôn giáo hoạt động từ thiện theo quy định và hướng dẫn của Nhà nước và các cơ quan chức năng.

9.3.2.4 Đối với các hoạt động tôn giáo

- Các hoạt động tôn giáo tại cơ sở thờ tự đã đăng ký hàng năm và thực hiện trong khuôn viên cơ sở thờ tự thì không phải xin phép.

- Những hoạt động tôn giáo vượt ra khỏi khuôn viên cơ sở thờ tự hoặc chưa đang ký hàng năm phải được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Các cuộc tĩnh tâm của linh mục trong giáo phận, của các tu sĩ tập trung từ nhiều cơ sở, dòng tu của Công giáo, các cuộc bồi linh của mục sư và truyền đạo của đạo Tin lành, các kỳ an cư của tăng ni đạo Phật và các sinh hoạt tôn giáo tương tự khác thực hiện theo quy định của cơ quan quản lý Nhà nước cấp tỉnh về tôn giáo .

- Các đại hội, hội nghị cấp toàn quốc hoặc có liên quan đến nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì phải được phép của Thủ tướng chính phủ. Những đại hội, hội nghị tôn giáo ở các cấp địa phương phải được phép của Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Việc in, xuất bản các loại kinh sách và các xuất bản giáo phẩm tôn giáo, việc sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu văn hóa phẩm tôn giáo, đồ dùng trong việc đạo thực hiện theo quy chế của Nhà nước về in, xuất bản, sản xuất kinh doanh, xuất nhập nhập khẩu văn hóa phẩm, hàng hóa. Cấm in, sản xuất, kinh doanh, lưu hành và tàng trữ sách báo, văn hóa phẩm có nội dung chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, gây chia rẽ tôn giáo, chia rẽ dân tộc, gây mất đoàn kết trong nhân dân.

9.3.2.5 Đối với nơi thờ tự và tài sản của các tổ chức tôn giáo

- Nhà nước bảo hộ nơi thờ tự của tổ chức tôn giáo. Các tổ chức tôn giáo có trách nhiệm giữ gìn, tu bổ nơi thờ tự.

- Nhà đất và các tài sản khác đã được các tổ chức cá nhân, tôn giáo chuyển giao cho các cơ quan nhà nước quản lý, sử dụng hoặc tặng, hiến cho Nhà nước đều thuộc quyền sở hữu của Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Việc tu bổ và sửa chữa nhỏ, không làm thay đổi cấu trúc, kiến trúc công trình thuộc cơ sở thờ tự thì tổ chức thực hiện sau khi thông báo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã sở tại. Việc sửa chữa lớn làm thay đổi cấu trúc, kiến trúc công trình tại cơ sở thờ tự, việc khôi phục công trình thờ tự bị hoang phế, bị hủy hoại do chiến tranh, thiên tai, rủi ro, việc tạo lập cơ sở thờ tự mới, xây dựng các công trình thờ tự (nhà, tượng, đài, bia, tháp...) phải được phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Tổ chức tôn giáo được nguồn tài chính từ sự ủng hộ tự nguyệncủa các cá nhân, tổ chức, từ những thu nhập hợp pháp khác. Việc tổ chức quyên góp (kể cả quyên góp vì mục đích xây dựng, sửa chữa nơi thờ tự) phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép. Nghiêm cấm việc ép buộc tín đồ đóng góp. Việc quản lý, sử dụng các nguồi tài chính có được từ các nguồn trên đây thực hiện theo quy định của pháp luật.

9.3.2.6 Đối với hoạt động đối ngoại của tôn giáo

- Hoạt động quốc tế của các tổ chức, cá nhân tôn giáo phải tuân thủ pháp luật và phù hợp với chính sách đối ngoại của của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền quốc gia, vì hòa bình, ổn định, hợp tác và hữu nghị.

- Tổ chức, cá nhân tôn giáo ở trong nước mời tổ chức, cá nhân tôn giáo ở nước ngoài vào Việt Nam phải được sự chấp thuận của Ban Tôn giáo Chính phủ.

- Tổ chức, cá nhân tôn giáo ở trong nước tham gia làm thành viên của tổ chức tôn giáo nước ngoài, tham gia các hoạt động tôn giáo hoặc có liên quan đến các tôn giáo nước ngoài thực hiện theo quy định của Ban Tôn giáo Chính phủ.

- Tổ chức cá nhân nước ngoài, kể cả tổ chức, cá nhân tôn giáo vào Việt Nam để hoạt động ở các lĩnh vực không phải là tôn giáo thì không được tổ chức, điều hành hoặc tham gia tổ chức điều hành các hoạt động truyền bá tôn giáo.

- Các tổ chức, cá nhân tôn giáo trong nước muốn nhận viện trợ thuần tuý tôn giáo phải xin phép Chính phủ.

9.4 Câu hỏi trắc nghiệm phần Chính sách Tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta[4]

Exercise 9.1 *(Solution on p. 73.)*

(select one)

a) Hạn chế sự phát triển của tôn giáo
b) Phát triển tôn giáo
c) Làm cho tôn giáo hoạt động bình thường
d) Vừa phát triển vừa hạn chế

Exercise 9.2 *(Solution on p. 73.)*

(select one)

a) 3
b) 4
c) 5
d) 6

Exercise 9.3 *(Solution on p. 73.)*

(select one)

a) 4
b) 5
c) 6
d) 7

Exercise 9.4 *(Solution on p. 73.)*

(select one)

a) 2
b) 3
c) 4
d) 5

Exercise 9.5 *(Solution on p. 73.)*

(select one)

a) Tôn giáo là một tiểu kiến trúc thượng tầng
b) Tôn giáo còn tồn tại lâu dài trong chủ nghĩa xã hội
c) Hiện nay nước ta đã có Pháp lệnh tôn giáo
d) Hiện nay nước ta đã có Luật tôn giáo

Exercise 9.6 *(Solution on p. 73.)*

(select one)

a) Xử lý hành chính
b) Xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự
c) Truy cứu trách nhiệm hình sự
d) Truy nã của cơ quan công an

Exercise 9.7 *(Solution on p. 73.)*

(select one)

a) Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng của mọi công dân
b) Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do không tín ngưỡng của mọi công dân
c) Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của mọi công dân

Exercise 9.8 *(Solution on p. 73.)*

(select one)

[4]This content is available online at <http://cnx.org/content/m27611/1.1/>.

a) Đảng Cộng sản Việt Nam
b) Nhà nước
c) Mặt trận Tổ quốc
d) Cả hệ thống chính trị

Exercise 9.9 ***(Solution on p. 73.)***

(select one)

a) Bốn
b) Năm
c) Sáu
d) Cả a,b,c đều sai

Exercise 9.10 ***(Solution on p. 73.)***

(select one)

a) Thế giới quan
b) Nhân sinh quan
c) Con đường mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân
d) Cả a,b,c đều đúng

Exercise 9.11 ***(Solution on p. 73.)***

(select one)

a) Tôn giáo – tôn giáo
b) Tín ngưỡng – tín ngưỡng
c) Tín ngưỡng – tôn giáo
d) Tôn giáo – tín ngưỡng

Exercise 9.12 ***(Solution on p. 73.)***

(select one)

a) Giống về mục đích: muốn giải phóng cho con người
b) Giống về con đường mưu cầu hạnh phúc cho con người
c) Cả a, b đều đúng
d) Cả a, b đều sai

Solutions to Exercises in Chapter 9

Solution to Exercise 9.1 (p. 71)
Solution to Exercise 9.2 (p. 71)
Solution to Exercise 9.3 (p. 71)
Solution to Exercise 9.4 (p. 71)
Solution to Exercise 9.5 (p. 71)
Solution to Exercise 9.6 (p. 71)
Solution to Exercise 9.7 (p. 71)
Solution to Exercise 9.8 (p. 71)
Solution to Exercise 9.9 (p. 72)
Solution to Exercise 9.10 (p. 72)
Solution to Exercise 9.11 (p. 72)
Solution to Exercise 9.12 (p. 72)

Chương 10

Tài liệu Tham khảo[1]

1. Từ điển triết học. Nhà xuất bản Tiến bộ Mátxcơva - Nhà xuất bản Sự Thật 1986.
2. Cung Kim Tiến. Từ điển triết học. Nhà xuất bản Văn hoá – Thông tin 2002.
3. Mác, Ăngghen, Lênin. Bàn về tôn giáo và chủ nghĩa vô thần. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia. Hà Nội 2001.
4. Hồ Chí Minh. Về công tác tôn giáo. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia. Hà Nội 2003.
5. Nguyễn Hữu Vui (dịch). Chủ nghĩa vô thần khoa học. Nhà xuất bản Sách giáo khoa Mác – Lênin. Hà Nội 1985.
6. Nguyễn Hữu Vui – Trương Hải Cường. Tập bài giảng Tôn giáo học. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia. Hà Nội 2003
7. Ban tôn giáo chính phủ. Tập văn bản về tổ chức và đường hướng hành đạo của các tôn giáo tại Việt Nam. Nhà xuất bản Tôn giáo. Hà Nội 2003.
8. Vấn đề tôn giáo và chính sách tôn giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhà xuất bản Giáo Dục 2000.
9. Nguyễn Đăng Duy. Văn hoá tâm linh Nam bộ. Nhà xuất bản Hà Nội 1997.
10. Đặng Nghiêm Vạn. Lý luận về Tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia. Hà Nội 2001.
11. Hoàng Tâm Xuyên (Chủ biên). Mười tôn giáo lớn trên thế giới. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia. Hà Nội 1999.
12. John Bowker (Chủ biên). Các tôn giáo trên thế giới. Nhà xuất bản Văn hoá thông tin 2003.

[1]This content is available online at <http://cnx.org/content/m28082/1.1/>.

Index of Keywords and Terms

Keywords are listed by the section with that keyword (page numbers are in parentheses). Keywords do not necessarily appear in the text of the page. They are merely associated with that section. *Ex.* apples, § 1.1 (1) **Terms** are referenced by the page they appear on. *Ex.* apples, 1

C chính sách, § 9.2(67), § 9.3(68)
chính sách tôn giáo, § 9.4(71)
công giáo, § 5.1(35), § 5.2(38), § 5.3(38)
công tác tôn giáo, § 9.3(68)
cầu nguyện, § 3.3(21)
cộng đồng xã hội, § 3.4(22)

D du nhập, § 6.2(44), § 7.2(51)

G giao tiếp, § 2.1(13)
giáo lý, § 6.1(43), § 7.1(49), § 8.1(57), § 8.2(59)
giáo trình tôn giáo, § 8.3(61)
Giáo trình tôn giáo học, § 3.5(23), § 4.3(31), § 5.3(38), § 6.3(45), § 7.3(52)
giáo trình tôn giảo, § 9.4(71)

H hoà hảo, § 8.3(61)
huyền thoại, § 3.2(20)
hồi giáo, § 7.1(49), § 7.2(51)

K kinh thánh, § 5.1(35)
kitô giáo, § 5.1(35)
kiêng cữ, § 3.3(21)

L liên kết, § 2.1(13)
luật lệ, § 8.1(57)
lễ hội, § 3.3(21)
lễ nghi, § 8.1(57), § 8.2(59)
lịch sử, § 4.1(27), § 7.1(49)

N nghi lễ, § 3.3(21), § 6.1(43)
nghĩa vụ, § 7.1(49)
nguyên lý, § 4.1(27)
nguyên nhân, § 2.2(14)
nguyên tắc, § 9.2(67)
nhiệm vụ, § 9.3(68)
nhà nước, § 9.2(67)
nhân sinh quan, § 4.1(27)
niềm tin, § 3.1(19)
nội dung, § 7.1(49)

P phát triển, § 8.2(59)
phương pháp nghiên cứu, § 1.2(7)
phật giáo, § 4.1(27), § 4.2(30), § 4.3(31)
phật giáo hòa hảo, § 8.2(59)

Q quan hệ tổ chức tôn giáo, § 3.4(22)
quan điểm, § 9.1(65), § 9.2(67)

R ra đời, § 8.1(57), § 8.2(59)

T thế giới bên kia, § 3.2(20)
thế giới quan, § 2.1(13), § 4.1(27)
thế kỷ 20, § 4.2(30)
thờ cúng, § 3.3(21)
thực trạng, § 2.2(14)
triết lý, § 3.2(20)
trả´c nghiêm, § 2.3(16)
trắc nghiệm, § 1.3(8)
tình hình, § 2.2(14)
tín ngưỡng, § 3.1(19), § 7.1(49)
tôn gia´o hoc, § 2.3(16)
tôn giáo, § 1.1(1), § 1.3(8), § 2.1(13), § 3.1(19), § 3.2(20), § 10(75)
tôn giáo học, § 1.1(1), § 1.2(7)
tổ chức, § 4.1(27), § 6.1(43), § 7.1(49), § 8.1(57), § 8.2(59)
tổ chức tôn giáo, § 3.4(22)

V Việt nam, § 1.1(1), § 4.2(30), § 5.2(38), § 6.2(44), § 7.2(51)
vấn đề tôn giáo, § 9.1(65)

X xu thế, § 2.2(14)
xã hội có giai cấp, § 3.4(22)
xã hội không có giai cấp, § 3.4(22)

đ điều chỉnh, § 2.1(13)
đại học sư phạm, § 6.3(45), § 7.3(52)
đại học sư phạm thành phố Hồ chí minh, § 8.3(61), § 9.4(71)
đại học sư phạm TP Hồ chí minh, § 3.5(23)
đạo cao đài, § 8.1(57), § 8.3(61)
đạo hồi, § 7.3(52)
đạo tin lành, § 6.1(43), § 6.2(44), § 6.3(45)
đảng, § 9.2(67)
đền bù hư ảo, § 2.1(13)
đối tượng nghiên cứu, § 1.2(7)

Attributions

Collection: *Giáo trình Tôn giáo học*
Edited by: Ha Le
URL: http://cnx.org/content/col10830/1.1/
License: http://creativecommons.org/licenses/by/3.0/

Module: "Khái niệm Tôn giáo"
By: Ha Le
URL: http://cnx.org/content/m27718/1.1/
Pages: 1-7
Copyright: Ha Le
License: http://creativecommons.org/licenses/by/3.0/

Module: "Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của Tôn giáo học"
By: Ha Le
URL: http://cnx.org/content/m28128/1.1/
Pages: 7-8
Copyright: Ha Le
License: http://creativecommons.org/licenses/by/3.0/

Module: "Câu hỏi trắc nghiệm phần Nhập môn Tôn giáo học"
By: Ha Le
URL: http://cnx.org/content/m27625/1.1/
Pages: 8-11
Copyright: Ha Le
License: http://creativecommons.org/licenses/by/3.0/

Module: "Chức năng của tôn giáo"
By: Ha Le
URL: http://cnx.org/content/m27605/1.1/
Pages: 13-14
Copyright: Ha Le
License: http://creativecommons.org/licenses/by/3.0/

Module: "Tình hình diễn biến và xu thế của đời sống tôn giáo thế giới hiện nay"
By: Ha Le
URL: http://cnx.org/content/m28075/1.1/
Pages: 14-16
Copyright: Ha Le
License: http://creativecommons.org/licenses/by/3.0/

Module: "Câu hỏi trắc nghiệm phần Chức năng của Tôn giáo - tình hình diễn biến và xu thế của đời sống tôn giáo trên thế giới"
By: Ha Le
URL: http://cnx.org/content/m27614/1.1/
Pages: 16-17
Copyright: Ha Le
License: http://creativecommons.org/licenses/by/3.0/

Module: "Tín ngưỡng hay niềm tin tôn giáo"
By: Ha Le
URL: http://cnx.org/content/m28071/1.1/
Pages: 19-20
Copyright: Ha Le
License: http://creativecommons.org/licenses/by/3.0/

Module: "Nội dung tôn giáo"
By: Ha Le
URL: http://cnx.org/content/m27964/1.1/
Pages: 20-21
Copyright: Ha Le
License: http://creativecommons.org/licenses/by/3.0/

Module: "Các hành vi tôn giáo (nghi lễ)"
By: Ha Le
URL: http://cnx.org/content/m27604/1.1/
Pages: 21-22
Copyright: Ha Le
License: http://creativecommons.org/licenses/by/3.0/

Module: "Tổ chức tôn giáo"
By: Ha Le
URL: http://cnx.org/content/m28095/1.1/
Pages: 22-23
Copyright: Ha Le
License: http://creativecommons.org/licenses/by/3.0/

Module: "Câu hỏi trắc nghiệm về "Những yếu tố cấu thành một Tôn giáo""
By: Ha Le
URL: http://cnx.org/content/m27655/1.1/
Pages: 23-24
Copyright: Ha Le
License: http://creativecommons.org/licenses/by/3.0/

Module: "Những vấn đề cơ bản về Phật giáo"
By: Ha Le
URL: http://cnx.org/content/m27968/1.1/
Pages: 27-29
Copyright: Ha Le
License: http://creativecommons.org/licenses/by/3.0/

Module: "Phật giáo ở Việt Nam"
By: Ha Le
URL: http://cnx.org/content/m27975/1.1/
Page: 30
Copyright: Ha Le
License: http://creativecommons.org/licenses/by/3.0/

Module: "Câu hỏi trắc nghiệm về "Phật giáo""
By: Ha Le
URL: http://cnx.org/content/m27653/1.1/
Pages: 31-32
Copyright: Ha Le
License: http://creativecommons.org/licenses/by/3.0/

Module: "Những vấn đề cơ bản về Công giáo"
By: Ha Le
URL: http://cnx.org/content/m27970/1.1/
Pages: 35-38
Copyright: Ha Le
License: http://creativecommons.org/licenses/by/3.0/

Module: "Công giáo ở Việt Nam"
By: Ha Le
URL: http://cnx.org/content/m27657/1.1/
Page: 38
Copyright: Ha Le
License: http://creativecommons.org/licenses/by/3.0/

Module: "Câu hỏi trắc nghiệm về "Công giáo""
By: Ha Le
URL: http://cnx.org/content/m27640/1.1/
Pages: 38-40
Copyright: Ha Le
License: http://creativecommons.org/licenses/by/3.0/

Module: "Khái quát về đạo Tin lành"
By: Ha Le
URL: http://cnx.org/content/m27724/1.1/
Pages: 43-44
Copyright: Ha Le
License: http://creativecommons.org/licenses/by/3.0/

Module: "Đạo tin lành ở Việt Nam"
By: Ha Le
URL: http://cnx.org/content/m28114/1.1/
Pages: 44-45
Copyright: Ha Le
License: http://creativecommons.org/licenses/by/3.0/

Module: "Câu hỏi trắc nghiệm phần Đạo Tin lành"
By: Ha Le
URL: http://cnx.org/content/m27648/1.1/
Pages: 45-46
Copyright: Ha Le
License: http://creativecommons.org/licenses/by/3.0/

Module: "Những vấn đề cơ bản về Hồi giáo"
By: Ha Le
URL: http://cnx.org/content/m27958/1.1/
Pages: 49-51
Copyright: Ha Le
License: http://creativecommons.org/licenses/by/3.0/

Module: "Hồi giáo ở Việt Nam"
By: Ha Le
URL: http://cnx.org/content/m27919/1.1/
Pages: 51-52
Copyright: Ha Le
License: http://creativecommons.org/licenses/by/3.0/

Module: "Câu hỏi trắc nghiệm phần Đạo hồi"
By: Ha Le
URL: http://cnx.org/content/m27629/1.1/
Pages: 52-54
Copyright: Ha Le
License: http://creativecommons.org/licenses/by/3.0/

Module: "Đạo Cao Đài"
By: Ha Le
URL: http://cnx.org/content/m28116/1.1/
Pages: 57-59
Copyright: Ha Le
License: http://creativecommons.org/licenses/by/3.0/

Module: "Phật giáo Hòa Hảo (đạo Hòa Hảo)"
By: Ha Le
URL: http://cnx.org/content/m27976/1.1/
Pages: 59-61
Copyright: Ha Le
License: http://creativecommons.org/licenses/by/3.0/

Module: "Câu hỏi trắc nghiệm phần Đạo Cao đài và Phật giáo Hoà hảo"
By: Ha Le
URL: http://cnx.org/content/m27620/1.1/
Pages: 61-63
Copyright: Ha Le
License: http://creativecommons.org/licenses/by/3.0/

Module: "Quan điểm của chủ nghĩa Mac-Lênin - Tư tưởng Hồ Chí Minh về giải quyết vấn đề Tôn giáo"
By: Ha Le
URL: http://cnx.org/content/m27984/1.1/
Pages: 65-67
Copyright: Ha Le
License: http://creativecommons.org/licenses/by/3.0/

Module: "Quan điểm chỉ đạo, nguyên tắc và chính sách của Đảng và Nhà nước đối với Tôn giáo"
By: Ha Le
URL: http://cnx.org/content/m27980/1.1/
Pages: 67-68
Copyright: Ha Le
License: http://creativecommons.org/licenses/by/3.0/

Module: "Nhiệm vụ của công tác tôn giáo và những chính sách cụ thể đối với tôn giáo hiện nay"
By: Ha Le
URL: http://cnx.org/content/m27946/1.1/
Pages: 68-70
Copyright: Ha Le
License: http://creativecommons.org/licenses/by/3.0/

Module: "Câu hỏi trắc nghiệm phần Chính sách Tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta"
By: Ha Le
URL: http://cnx.org/content/m27611/1.1/
Pages: 71-72
Copyright: Ha Le
License: http://creativecommons.org/licenses/by/3.0/

Module: "Tài liệu Tham khảo"
By: Ha Le
URL: http://cnx.org/content/m28082/1.1/
Page: 75
Copyright: Ha Le
License: http://creativecommons.org/licenses/by/3.0/

Giáo trình Tôn giáo học
Giáo trình đề cập đến những vấn đề về: Nhập môn Tôn giáo học, chức năng của tôn giáo, tình hình diễn biến và đời sống tôn giáo trên thế giới, những yếu tố cấu thành một tôn giáo, phật giáo, công giáo, đạo tin lành, hồi giáo, đạo cao đài và phật giáo hoà hảo, chính sách tôn giáo của Đảng và nhà nước ta.

About Connexions
Since 1999, Connexions has been pioneering a global system where anyone can create course materials and make them fully accessible and easily reusable free of charge. We are a Web-based authoring, teaching and learning environment open to anyone interested in education, including students, teachers, professors and lifelong learners. We connect ideas and facilitate educational communities.

Connexions's modular, interactive courses are in use worldwide by universities, community colleges, K-12 schools, distance learners, and lifelong learners. Connexions materials are in many languages, including English, Spanish, Chinese, Japanese, Italian, Vietnamese, French, Portuguese, and Thai. Connexions is part of an exciting new information distribution system that allows for **Print on Demand Books**. Connexions has partnered with innovative on-demand publisher QOOP to accelerate the delivery of printed course materials and textbooks into classrooms worldwide at lower prices than traditional academic publishers.